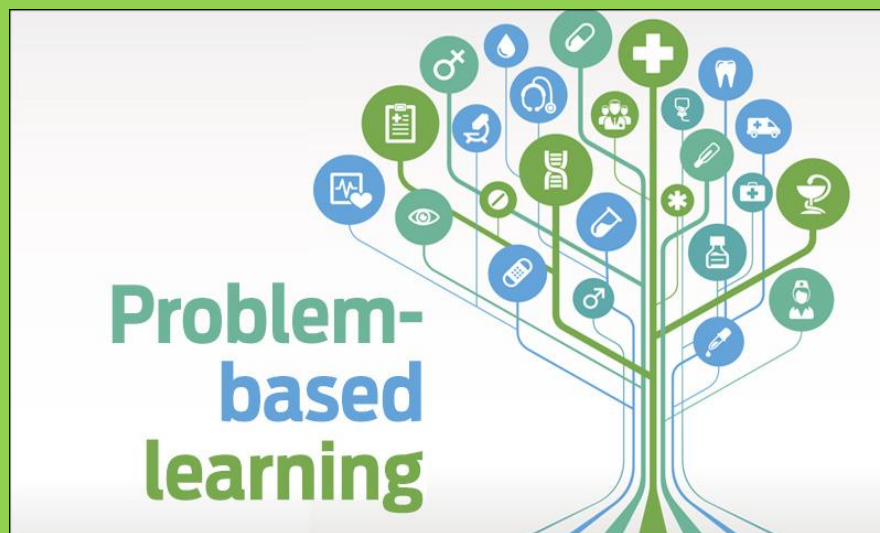




TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

PGS.TS. Lê Văn Hảo (Chủ biên)

**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ:
MỘT SỐ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI**



Tháng 6/2021

Giới thiệu

Dạy học dựa trên vấn đề từ lâu đã là một trong những phương pháp dạy học phổ biến tại các trường đại học trên thế giới bởi những lợi ích to lớn mà phương pháp này mang lại cho người học. Thông qua đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Xây dựng cơ sở lý luận, qui trình và ngân hàng vấn đề cho việc ứng dụng phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề tại Trường Đại học Thủy sản" (Mã số B2006-13-12, 2006 – 2007, do TS. Lê Văn Hào làm chủ nhiệm đề tài), Trường Đại học Nha Trang đã sớm giới thiệu và triển khai phương pháp dạy học này đến các bộ môn.

Tài liệu này giới thiệu tóm tắt một số kết quả nghiên cứu chính của đề tài nói trên và toàn bộ kết quả triển khai ban đầu bởi một số giảng viên của Nhà trường (là các cộng tác viên của đề tài) về Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề, nhằm giúp các giảng viên bắt đầu áp dụng phương pháp dạy học này có thêm tư liệu để tham khảo.

Tuy tên gọi và nội dung của một số môn học được xây dựng vấn đề trong tài liệu đến nay đã được điều chỉnh và cập nhật, chúng tôi tin tưởng rằng các kết quả triển khai ban đầu này vẫn tiếp tục có nhiều giá trị để tham khảo trong bối cảnh dạy học hiện nay. Rất mong nhận được góp ý của quý Thầy, Cô để tài liệu này không ngừng được hoàn thiện.

Phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí

Mục lục

Giới thiệu	1
Mục lục	2
I. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ	4
II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ....	7
III. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI BAN ĐẦU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG THEO MÔN HỌC	9
Chủ nghĩa xã hội khoa học	9
Pháp luật đại cương	30
Kỹ thuật sản xuất cá giống	46
Con người và môi trường	52
Cấu trúc Máy tính	56
Kỹ thuật an toàn và môi trường.....	73
Nhiên liệu và Vật liệu bôi trơn	76
Kỹ thuật khai thác hệ động lực tàu thủy.....	79
Cấu tạo động cơ đốt trong	82
Chế tạo máy I.....	85
Công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm	90
Công nghệ Chế biến Chè – Cà phê – Ca cao.....	96
Quản lý nhà nước tại cảng biển	103
Luồng lạch - Hoa tiêu	111
Quản trị học	124

I. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ

1. Xuất xứ

Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề (DHDTVĐ) (Problem-based learning) được phát triển và đưa vào sử dụng lần đầu tiên bởi Tiến sĩ Howard Barrows tại Trường Đại học Y khoa McMaster ở Canada vào cuối những năm 1960 nhằm giúp các sinh viên (SV) ngành Y có cơ hội được học tập và nghiên cứu dựa trên những tình huống thực tế của hoạt động chuyên môn tại các bệnh viện. Đến năm 1981, Tiến sĩ Howard Barrows rời trường McMaster và đến trường Y của Đại học Southern Illinois, Hoa Kỳ và xây dựng tại đây một chương trình dạy học dựa trên các *vấn đề*. Kể từ đó, phương pháp này được phổ biến rộng rãi trên thế giới với tư cách là một phương pháp dạy học quan trọng đối với ngành Y và Nha khoa, đồng thời từng bước được mở rộng sang các ngành khác.

2. Định nghĩa

Tùy thuộc vào góc độ tiếp cận mà phương pháp DHDTVĐ có thể định nghĩa theo các cách sau đây:

- DHDTVĐ là hoạt động học tập trong bối cảnh thực tiễn nhằm cung cấp kỹ năng giải quyết vấn đề, tăng cường năng lực tự học và khả năng làm việc nhóm [1].
- DHDTVĐ là phương pháp học tập trong đó các vấn đề có liên quan đến thực tiễn được lựa chọn cẩn thận và được sử dụng làm nền tảng cho chương trình dạy học [2].
- DHDTVĐ là một cách tiếp cận tổng thể trong giáo dục, ở góc độ chương trình dạy học lẫn quá trình học: chương trình dạy học bao gồm những vấn đề được lựa chọn và thiết kế cẩn thận nhằm giúp SV tiếp nhận tri thức một cách có phê phán, tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng tự học và kỹ năng làm việc nhóm; quá trình học có tính hệ thống như quá trình giải quyết một vấn đề hoặc thử thách có thể gặp trong đời sống [3].
- DHDTVĐ là phương pháp dạy học nhằm giúp SV tiếp nhận tri thức và kỹ năng thông qua một quá trình học - hỏi được thiết kế dựa trên những câu hỏi, những vấn đề và những nhiệm vụ thực tiễn được xây dựng cẩn thận [4].

Dù được định nghĩa theo những cách nào trên đây, tựu trung phương pháp DHDTVĐ chứa đựng những yếu tố then chốt sau:

- Nội dung môn học hoặc chương trình dạy học được thiết kế với sự có mặt của các *vấn đề* - là những tình huống có liên quan đến môn học hoặc chương trình học và có sự gắn bó mật thiết với thực tế.
- SV được tham gia giải quyết vấn đề nhằm mục tiêu phát triển tri thức và các kỹ năng, hiểu biết thực tế có liên quan đến môn học hoặc chương trình dạy học.

3. Mục tiêu

Phương pháp DHDTVĐ hướng đến các mục tiêu tổng quát sau:

- Về nhận thức: giúp SV có cơ hội nắm chắc kiến thức theo chiều rộng lẫn chiều sâu. Điều này có được là do trong quá trình tìm hiểu và giải quyết vấn đề, SV hoàn toàn chủ động trong việc xác định những nội dung có liên quan để nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng.
- Về kỹ năng: giúp SV phát triển năng lực đọc tài liệu, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng xã hội như: làm việc nhóm, thuyết trình, tranh luận, thương lượng, ... Những kỹ năng này được hình thành trong quá trình SV nghiên cứu, vận dụng tài liệu, làm việc cùng với nhóm để giải quyết vấn đề và sau đó là trình bày kết quả trước tập thể lớp.
- Về thái độ: giúp SV cảm thấy gắn bó và yêu thích môn học và sự học, thấy được những giá trị của hoạt động nhóm đối với bản thân. Sự thay đổi về thái độ như vậy sẽ diễn ra từng bước theo quá trình phát triển của phương pháp dạy học nếu được tổ chức có hiệu quả.

4. Đặc điểm

4.1 *Vấn đề* là bối cảnh trung tâm của hoạt động dạy và học

Có thể nói rằng phương pháp DHDTVĐ đảo lộn thứ tự của hoạt động dạy học nếu so với các phương pháp truyền thống. Trong phương pháp DHDTVĐ, SV được tiếp cận với *vấn đề* ngay ở giai đoạn đầu của một đơn vị bài giảng. *Vấn đề* có thể là một hiện tượng của tự nhiên hoặc là một sự kiện/tình huống đã, đang hoặc có thể sẽ diễn ra trong thực tế và chứa đựng những điều cần được lý giải.

4.2 SV tự tìm tòi để xác định những nguồn thông tin giúp giải quyết vấn đề.

Trên cơ sở vấn đề được nêu ra, chính SV phải chủ động tìm kiếm thông tin thích hợp để giải quyết vấn đề. Thông tin có thể ở nhiều dạng và từ nhiều nguồn khác nhau (sách, báo, phim, ảnh, internet...). Nói cách khác, chính SV phải tự trang bị cho mình phần “lý thuyết” nhằm có đủ kiến thức để tiếp cận và giải quyết vấn đề.

4.3 Thảo luận nhóm là hoạt động cốt lõi.

Mặc dù phương pháp có thể được áp dụng cho riêng từng SV, đa số các ứng dụng thường kết hợp với hoạt động nhóm. Thông qua thảo luận ở nhóm nhỏ, SV chia sẻ nguồn thông tin và cùng nhau hình thành các giả thuyết giúp giải quyết vấn đề, kiểm tra giả thuyết và đi đến kết luận. Nhờ hoạt động nhóm, SV được rèn luyện thêm các kỹ năng cần thiết khác ngoài mục đích lĩnh hội kiến thức.

4.4 Vai trò của giảng viên (GV) mang tính hỗ trợ.

GV đóng vai trò định hướng (chỉ ra những điều cần được lý giải của vấn đề), trợ giúp (chỉ ra nguồn thông tin, giải đáp thắc mắc,...), đánh giá (kiểm tra các giả thuyết và kết luận của SV), hệ thống hóa kiến thức, khái quát hóa các kết luận.

5. Tiến trình dạy học

Trình tự tổ chức dạy học theo phương pháp DHDTVĐ có thể được khái quát qua các bước sau:

- GV (hoặc SV) xác định vấn đề, các câu hỏi chính cần nghiên cứu, các nguồn tài liệu tham khảo.
- Tổ chức lớp học để nghiên cứu vấn đề: chia nhóm, giao vấn đề, thống nhất các quy định về thời gian, phân công, trình bày, đánh giá,...
- Các nhóm tổ chức nghiên cứu, thảo luận nhằm trả lời các câu hỏi của vấn đề.
- Tổ chức báo cáo và đánh giá: các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, GV tổ chức đánh giá.

Tài liệu tham khảo

[1] <http://www.ub.es/div5/departam/dll/recursos/prov71.htm>

[2] <http://cwis.livjm.ac.uk/lid/ltweb/glossary/>

[3] <http://www.bie.org/pbl/pblhandbook/intro.php>

[4] <http://www.neiu.edu/~middle/Modules/Middle%20mods/PBL/PBL%20Definitions.html>

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ

1. Biên soạn vấn đề

Một vấn đề hoàn chỉnh để có thể được sử dụng trong phương pháp DHDTVĐ được thiết lập với các nội dung như sau:

- (1) Nội dung vấn đề, xuất xứ (vấn đề lấy từ đâu?)
- (2) Hệ thống các câu hỏi (nhằm hướng dẫn SV nghiên cứu vấn đề)
- (3) Nguồn tài liệu tham khảo
- (4) Vị trí của vấn đề trong môn học (thuộc chương/mục nào?)
- (5) Mục tiêu dạy học của vấn đề
- (6) Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề
- (7) Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề (nếu cần)
- (8) Cách đánh giá SV (đánh giá cá nhân, nhóm) và các biện pháp nhằm kích thích, động viên SV tham gia

2. Quy trình triển khai phương pháp DHDTVĐ

Bước	Giai đoạn	Nội dung	Người thực hiện
1	Xác định vấn đề	Xác định vấn đề phù hợp với chương trình dạy học và bám sát thực tiễn.	GV hoặc SV
2	Tổ chức lớp học	Chia nhóm, bầu/chỉ định nhóm trưởng, thư ký.	GV & SV
3	Chuẩn bị cơ sở vật chất	Xác định các địa điểm làm việc nhóm, chuẩn bị văn phòng phẩm, vật tư, thiết bị, ...	GV
4	Giao vấn đề và thống nhất các yêu cầu với SV	Tổ chức phân công các nhóm SV nghiên cứu vấn đề, thống nhất với lớp về tiêu chí đánh giá, thời gian, địa điểm, ...	GV & SV
5	Nghiên cứu vấn đề	Các nhóm phân công nhiệm vụ, tổ chức thu thập tài liệu, nghiên cứu, trao đổi, chuẩn bị nội dung báo cáo/trình bày về vấn đề được giao.	SV
6	Báo cáo và đánh giá	Tổ chức báo cáo chung giữa các nhóm (hoặc chia sẻ, trao đổi trên	GV & SV

		mạng); thảo luận, đánh giá kết quả làm việc nhóm và cá nhân.	
7	Tổng kết	Nhận xét ưu nhược điểm của các nhóm, góp ý đối với công tác tổ chức, đúc kết các bài học kinh nghiệm, khen thưởng.	GV & SV

III. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI BAN ĐẦU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG THEO MÔN HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Biên soạn: ThS. Ngô Văn An - Khoa Khoa học xã hội & Nhân văn

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Nước ta quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Vậy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta có tất yếu và tuân theo quy luật khách quan không?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Tại sao nói hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời là một tất yếu lịch sử?
- Tại sao chủ nghĩa Mác- Lênin lại cho rằng: Các nước đi lên chủ nghĩa xã hội đều tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài?

+ *Tại sao từ CNTB lên chủ nghĩa xã hội lại phải trải qua thời kỳ quá độ?*

+ *Các nước từ những xã hội tiền tư bản (Các xã hội trước CNTB) đi lên chủ nghĩa xã hội có phải trải qua thời kỳ quá độ không? vì sao?*

- Cơ sở khoa học nào để Đảng ta xác định: Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa? Đảng ta vận dụng quan điểm nào của chủ nghĩa Mác-Lênin?
- Tại sao nói việc đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân ta?
- Đất nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có những thách thức và những cơ hội và nào. Những khả năng để chúng ta nắm bắt được cơ hội và vượt qua thách thức trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay?
- Tại sao Đảng và Nhà nước ta xác định: Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng tại sao ở nước ta hiện nay Đảng và Nhà nước ta vẫn cho phép phát triển các thành phần kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài?

3. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác Lênin, tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Hệ cử nhân chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tập bài giảng về Chủ nghĩa tư bản hiện đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995.

- GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn, TS. Phạm Văn Đức, TS. Hồ Sĩ Quý (đồng chủ biên): *Quan điểm cơ bản của Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*, NXB Chính trị quốc gia, 1997.

- Lê Hữu Tầng: *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn, những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003.

- PGS.TS Nguyễn Phú Trọng: *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

- TS. Nguyễn An Ninh: *Về triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB sự thật, Hà Nội, 1987.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB sự thật, Hà Nội, 1991.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Tạp chí Cộng Sản điện tử: <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

- Tạp chí Xây dựng Đảng: <http://home.vnn.vn/xd-dang>.

- Webservice Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam: <http://www.cpv.org.vn>.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề thuộc nội dung: “Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” nằm trong mục 3.2 chương VI “Xã hội xã hội chủ nghĩa” của môn học “Chủ nghĩa xã hội khoa học”.

5. Các mục tiêu dạy học của vấn đề

a. Mục tiêu nhận thức

Giúp sinh viên hiểu và nhận thức đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua đó hiểu rõ sự vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta vào thực tiễn Việt Nam là đúng đắn, hợp quy luật. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tất yếu và phù hợp với quy luật khách quan.

b. Mục tiêu kỹ năng

- Sinh viên biết tổng hợp, huy động kiến thức lý luận đã học về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biết phân tích đánh giá, vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn để khẳng định quan điểm đúng đắn của Đảng ta.

- Giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, thuyết trình vấn đề, giải quyết vấn đề, khả năng ứng xử trước đám đông.

c. Mục tiêu thái độ

- Giúp sinh viên có thái độ khoa học, biết biến kiến thức thành niềm tin, có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Biết cảnh giác, phê phán, đấu tranh với những quan điểm sai lệch và thù địch với chủ nghĩa xã hội.

6. Tính thời sự và thực tiễn của vấn đề

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, có rất nhiều những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin mới có thể nhận thức và lý giải một cách đúng đắn được. Chúng ta biết rằng, hiện nay trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, của công nghệ thông tin, trước sự sụp đổ của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, kẻ thù của chủ nghĩa Mác đang tìm mọi cách tấn công vào học thuyết Mác- Lênin nói chung và lý luận về hình thái kinh tế- xã hội của Mác nói riêng. Đặc biệt, hiện nay đã xuất hiện một số học thuyết của các nhà tư sản tìm cách xuyên tạc lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin, làm cho đối tượng người đọc hiểu không đúng những quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin. Vì vậy, thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, đặt ra một yêu cầu cấp thiết đòi hỏi sinh viên phải nắm chắc những kiến thức lý luận Mác-Lênin đã được trang bị trong trường học, phải có thái độ khoa học để hiểu đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, đồng thời biết phân tích, phê phán đấu tranh với những quan điểm sai trái.

Mặt khác, khi sinh viên có thái độ khoa học, hiểu đúng được những kiến thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung, lý luận về chủ nghĩa xã hội nói riêng, sinh viên sẽ hiểu và vận dụng đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Trước khi giới thiệu vấn đề sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản như:

- Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa
- Lý luận về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội
- Thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

*** Giai đoạn chuẩn bị :**

- Để chuẩn bị cho buổi thảo luận này, trong buổi học trước sinh viên đã được giáo viên giao vấn đề và giới thiệu một số tài liệu với yêu cầu tìm và đọc (Thời gian trước 1 tuần).
- Nội dung chuẩn bị của buổi thảo luận:
 - + Giáo viên chia số lượng sinh viên trong lớp ra các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 sinh viên. Nếu số sinh viên của lớp quá đông có thể chia số lượng sinh viên trong nhóm nhiều hơn nữa.
 - + Giáo viên căn cứ vào lực học của sinh viên trong lớp để cơ cấu số sinh viên học khá vào mỗi nhóm nhằm tạo không khí thảo luận có chất lượng.
 - + Giáo viên ổn định lớp và cho sinh viên ngồi theo nhóm
- Giáo viên đưa ra nội dung vấn đề, thực hiện chia nhỏ các mảng nội dung và yêu cầu mỗi nhóm sinh viên thực hiện thảo luận để báo cáo.

*** Giai đoạn thảo luận :**

- + Giáo viên hướng dẫn và định hướng cho các nhóm thảo luận, giám sát quá trình thảo luận.
- + Các nhóm triển khai thảo luận mảng nội dung giáo viên giao.

*** Giai đoạn báo cáo:**

- + Giáo viên gọi ngẫu nhiên sinh viên mỗi nhóm báo cáo, số còn lại bổ sung.

+ Thời gian báo cáo của mỗi nhóm và trả lời câu hỏi của giáo viên và của nhóm khác đặt ra: **tối đa 15 phút.**

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Giáo viên tổng kết, đánh giá chung quá trình giải quyết vấn đề của các nhóm sinh viên.
- Cho các nhóm đánh giá, nhận xét nhau, chấm điểm với nhau, (*chú ý là thành viên trong nhóm báo cáo không được tự chấm điểm nhóm mình*), sau đó giáo viên sẽ cho điểm theo từng nhóm.

- Cơ cấu điểm:

+ Điểm trình bày : 20%

+ Điểm nội dung bài báo cáo: 70%

+ Điểm trả lời câu hỏi của giáo viên và các nhóm khác: 10%

- Cá nhân được giáo viên gọi báo cáo nhưng không chuẩn bị bài: Trừ ½ điểm trình bày của nhóm báo cáo.

- Cá nhân báo cáo tốt cho điểm trình bày tối đa của nhóm báo cáo, bên cạnh đó có điểm thưởng khuyến khích cho cá nhân báo cáo.

- Tiến hành kiểm tra bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm nhanh để cho điểm theo từng cá nhân, đồng thời để đánh giá xem tất cả các đối tượng sinh viên trong lớp tiếp nhận kiến thức đến đâu (điểm trắc nghiệm cộng với điểm tham gia thảo luận theo nhóm chia 2 = điểm đánh giá chung).

- Phối hợp thực hiện các hình thức vui chơi giải trí trong giờ giải lao, nhằm tạo cho không khí lớp học thoải mái giúp sinh viên học tập tốt hơn.

- Giáo viên nêu ra nhiều câu hỏi có vấn đề sát với trọng tâm bài học để các nhóm sinh viên tranh luận với nhau nhiều hơn, bên cạnh đó giáo viên luôn cởi mở, gợi ý, định hướng cho sinh viên đi đúng trọng tâm vấn đề.

- Giáo viên luôn trọng các ý kiến của sinh viên, khuyến khích sinh viên phát biểu tốt bằng những lời khen, tạo cho sinh viên tự tin khi phát biểu ý kiến của mình.

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

“Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định đảm bảo việc thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam”: sự khẳng định này dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn nào?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Tại sao nói sự ra đời của Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa Chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân?

+ Tại sao sự phát triển của phong trào công nhân đòi hỏi tất yếu phải có lý luận cách mạng và khoa học soi đường?

+ Tại sao giai cấp công nhân sống trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản lại không thể tự sáng tạo ra được lý luận cách mạng và khoa học?

+ Tại sao chủ nghĩa Mác ra đời chính là điều kiện đủ cho sự hình thành Đảng Cộng sản?

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp của những yếu tố nào?

- Đảng Cộng sản có vai trò như thế nào đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

+ Tại sao nói Đảng cộng sản mạng bản chất của giai cấp công nhân? Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện như thế nào?

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản được thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ nào?

- Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam thể hiện như thế nào?

+ Tại sao nói Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của phong trào cách mạng Việt Nam?

+ Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân thể hiện như thế nào?

+ Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò là đội tiên phong, là lãnh tụ chính trị, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam? Vai trò đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi quan trọng nào?

- Để hoàn thành vai trò lịch sử của mình là lãnh đạo toàn dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt nam đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần phải làm gì?

3. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác Lênin, tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Hệ cử nhân chính trị)*- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- Phạm Ngọc Quang - Trần Đình Nghiêm: *Thời kỳ mới và sứ mệnh của Đảng ta*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.

- PGS. TS Nguyễn Phú Trọng: *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

- Lê Hữu Tầng: *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn, những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003.

- Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB sự thật, Hà Nội, 1987.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB sự thật, Hà Nội, 1991.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006

- Tạp chí Cộng Sản điện tử: <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

- Tạp chí Xây dựng Đảng: <http://home.vnn.vn/xd-dang>.

- Webside Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam: <http://www.cpv.org.vn>.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nội dung vấn đề này thuộc nội dung “Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam” nằm trong mục 4 chương III: “Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” của môn học chủ nghĩa xã hội khoa học.

5. Các mục tiêu dạy học của vấn đề

a. Mục tiêu nhận thức

Giúp sinh viên hiểu và nhận thức đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về vai trò của Đảng Cộng sản đối với việc thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công

nhân thông qua đó hiểu rõ vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

b. Mục tiêu kỹ năng

- Sinh viên biết tổng hợp, huy động kiến thức lý luận đã học để luận giải vai trò tiên phong của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam..

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biết phân tích đánh giá, vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn để khẳng định quan điểm đúng đắn trên.

- Giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình vấn đề, giải quyết vấn đề, khả năng ứng xử trước đám đông.

c. Mục tiêu thái độ

- Giúp sinh viên có thái độ khoa học, biết biến kiến thức thành niềm tin, có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam và sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Biết cảnh giác, phê phán, đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch đang tìm mọi cách để xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

6. Tính thời sự và thực tiễn của vấn đề

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện thế giới có nhiều bên động vô cùng to lớn và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học kỹ thuật, của công nghệ thông tin, xu hướng quốc tế hoá nền kinh tế thế giới đang đưa tới những cơ hội lớn để chúng ta hội nhập và phát triển, nhưng bên cạnh đó những tác động của thời đại cũng đem lại rất nhiều những thách thức to lớn. Đặc biệt là từ sau sự sụp đổ của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, kẻ thù của chủ nghĩa Mác trên thế giới đang tìm mọi cách tấn công vào học thuyết của chủ nghĩa Mác- Lênin, xuyên tạc lý luận lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nhất là phủ nhận về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, đặt ra một yêu cầu cấp thiết đòi hỏi sinh viên phải nắm chắc những

kiến thức lý luận Mác-Lênin đã được trang bị trong trường học, phải có thái độ khoa học để hiểu đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về vai trò của Đảng Cộng sản đối với việc thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, thông qua đó hiểu và nhận thức rõ được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là nhân tố quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thông qua sự nhận thức đúng đắn ấy sẽ khơi dậy trong sinh viên niềm tự hào dân tộc, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, tin tưởng vào sự thành công của con đường cách mạng XHCN mà nhân dân ta đã lựa chọn. Từ đó, bằng những hành động cụ thể, sinh viên có những đóng góp tích cực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng biết cảnh giác phê phán đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và những thành quả của cách mạng.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Khái niệm giai cấp công nhân
- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- Giai cấp công nhân Việt Nam và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt nam.
- Quy luật ra đời Đảng Cộng sản
- Vai trò của Đảng Cộng sản đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

*** *Giai đoạn chuẩn bị :***

- Để chuẩn bị cho buổi thảo luận này, trong buổi học trước sinh viên đã được giáo viên giao vấn đề và giới thiệu một số tài liệu và yêu cầu tìm và đọc (thời gian trước 1 tuần).
- Nội dung chuẩn bị của buổi thảo luận:
 - + Giáo viên chia số lượng sinh viên trong lớp ra các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 sinh viên. Nếu số sinh viên của lớp quá đông có thể chia số lượng sinh viên trong nhóm nhiều hơn nữa.
 - + Giáo viên căn cứ vào lực học của sinh viên trong lớp để cơ cấu số sinh viên học khá vào mỗi nhóm nhằm tạo không khí thảo luận có chất lượng.
 - + Giáo viên ổn định lớp và cho sinh viên ngồi theo nhóm

- Giáo viên đưa ra nội dung vấn đề, thực hiện chia nhỏ các mảng nội dung và yêu cầu mỗi nhóm sinh viên thực hiện thảo luận để báo cáo.

*** Giai đoạn thảo luận :**

+ Giáo viên hướng dẫn và định hướng cho các nhóm thảo luận, giám sát quá trình thảo luận.

+ Các nhóm triển khai thảo luận mảng nội dung giáo viên giao.

*** Giai đoạn báo cáo:**

+ Giáo viên gọi ngẫu nhiên sinh viên mỗi nhóm báo cáo, số còn lại bổ sung.

+ Thời gian báo cáo của mỗi nhóm và trả lời câu hỏi của giáo viên và của nhóm khác đặt ra: **tối đa 10 phút.**

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Giáo viên tổng kết, đánh giá chung quá trình giải quyết vấn đề của các nhóm sinh viên.

- Cho các nhóm đánh giá, nhận xét nhau, chấm điểm với nhau, (*chú ý là thành viên trong nhóm báo cáo không được tự chấm điểm nhóm mình*), sau đó giáo viên sẽ cho điểm theo từng nhóm.

- Cơ cấu điểm:

+ Điểm trình bày : 20%

+ Điểm nội dung bài báo cáo: 70%

+ Điểm trả lời câu hỏi của giáo viên và các nhóm khác: 10%

- Cá nhân được giáo viên gọi báo cáo nhưng không chuẩn bị bài: Trừ ½ điểm trình bày của nhóm báo cáo.

- Cá nhân báo cáo tốt cho điểm trình bày tối đa của nhóm báo cáo, bên cạnh đó có điểm thưởng khuyến khích cho cá nhân báo cáo.

- Tiến hành kiểm tra bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm nhanh để cho điểm theo từng cá nhân, đồng thời để đánh giá xem tất cả các đối tượng sinh viên trong lớp tiếp nhận kiến thức đến đâu (điểm trắc nghiệm cộng với điểm tham gia thảo luận theo nhóm chia 2 = điểm đánh giá chung).

- Phối hợp thực hiện các hình thức vui chơi giải trí trong giờ giải lao, nhằm tạo cho không khí lớp học thoải mái giúp sinh viên học tập tốt hơn.

- Giáo viên nêu ra nhiều câu hỏi có vấn đề sát với trọng tâm bài học để các nhóm sinh viên tranh luận với nhau nhiều hơn, bên cạnh đó giáo viên luôn cởi mở, gợi ý, định hướng cho sinh viên đi đúng trọng tâm vấn đề.

- Giáo viên luôn trọng các ý kiến của sinh viên, khuyến khích sinh viên phát biểu tốt bằng những lời khen, tạo cho sinh viên tự tin khi phát biểu ý kiến của mình.

VẤN ĐỀ 3

1. Nội dung vấn đề

“Chỉ duy nhất giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới”: nhận định này dựa trên những cơ sở lý luận nào?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Anh/Chị hiểu như thế nào về giai cấp công nhân hiện đại?

- Sứ mệnh lịch sử của một giai cấp là gì? Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? So sánh nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử của các giai cấp ở các thời đại trước đó?

- Cơ sở khoa học quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- Tại sao giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức lại không thể trở thành lực lượng lãnh đạo xã hội để xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng một phương thức sản xuất cao hơn?

- Những nhân tố chủ quan cơ bản để đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?

3. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác Lênin, tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (Hệ cử nhân chính trị)- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình lịch sử phong trào công sản và công nhân quốc tế*, NXB lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.

- C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995.

- Hội đồng lý luận trung ương: *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác – Lênin trong thời đại ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

- Lê Hữu Tầng: *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn, những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003.

- Tạp chí Cộng Sản điện tử: <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

- Tạp chí Xây dựng Đảng: <http://home.vnn.vn/xd-dang>.

- Webservice Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam: <http://www.cpv.org.vn>.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nội dung vấn đề này thuộc nội dung “Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” nằm trong mục 2 chương II: “Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” của môn học chủ nghĩa xã hội khoa học.

5. Các mục tiêu dạy học của vấn đề

a. Mục tiêu nhận thức

- Giúp sinh viên hiểu và nhận thức đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng về phạm trù giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Từ đó luận giải cơ sở khoa học để khẳng định: Chỉ duy nhất giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

- Giúp sinh viên nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do chính địa vị kinh tế - xã hội khách quan của họ quy định chứ không phải do ý muốn chủ quan của C. Mác – Ph. Ăng ghen.

b. Mục tiêu kỹ năng

- Sinh viên biết tổng hợp, huy động kiến thức lý luận đã học để luận giải cơ sở khoa học quy định nên sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biết phân tích đánh giá, vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn để khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân..

- Giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, thuyết trình vấn đề, giải quyết vấn đề, khả năng ứng xử trước đám đông.

c. Mục tiêu thái độ

- Giúp sinh viên có thái độ khoa học, biết biến kiến thức thành niềm tin, có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Thông qua đó khơi dậy niềm tin của sinh viên với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Biết cảnh giác, phê phán, đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch đang tìm mọi cách để xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6. Tính thời sự và thực tiễn của vấn đề

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các quốc gia trên thế giới nói chung và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói riêng đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới, xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế đang đem lại những cơ hội lớn để các quốc gia hội nhập và phát triển, đồng thời tận dụng được những thành tựu khoa học công nghệ của thời đại để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên những tác động của thời đại hiện nay cũng mang lại rất nhiều thách thức to lớn. Đặc biệt từ sau sự sụp đổ của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, kẻ thù của chủ nghĩa Mác đang tìm mọi cách tấn công vào học thuyết của chủ nghĩa Mác- Lênin nói chung và lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay trên các phương tiện thông tin hiện đại đã xuất hiện một số luận điểm sai trái của các nhà tư sản đang tìm cách xuyên tạc lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nhằm chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay đang đặt ra một yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi sinh viên, những người chủ nhân tương lai của đất nước phải hiểu và nắm chắc những kiến thức lý luận Mác-Lênin đã được trang bị trong trường học, phải có thái độ khoa học để hiểu đúng quan điểm của

chủ nghĩa Mác- Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đồng thời biết phân tích, phê phán đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Mặt khác, khi sinh viên có thái độ khoa học, hiểu đúng được những kiến thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung, lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng, sinh viên sẽ hiểu và vận dụng đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Quá trình phát triển của tư tưởng XHCN từ không tưởng đến khoa học.
- Những giá trị và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Sự khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Những kiến thức lý luận cơ bản mà sinh viên được tiếp cận từ môn học triết học và kinh tế chính trị Mác – Lênin.
- + Chủ nghĩa duy vật lịch sử.
- + Học thuyết giá trị thặng dư.
- Tổng quan về phạm trù giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

*** Giai đoạn chuẩn bị :**

- Để chuẩn bị cho buổi thảo luận này, trong buổi học trước sinh viên đã được giáo viên giao vấn đề và giới thiệu một số tài liệu và yêu cầu tìm và đọc (thời gian trước 1 tuần).
- Nội dung chuẩn bị của buổi thảo luận:
 - + Giáo viên chia số lượng sinh viên trong lớp ra các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 sinh viên. Nếu số sinh viên của lớp quá đông có thể chia số lượng sinh viên trong nhóm nhiều hơn nữa.
 - + Giáo viên căn cứ vào lực học của sinh viên trong lớp để cơ cấu số sinh viên học khá vào mỗi nhóm nhằm tạo không khí thảo luận có chất lượng.
 - + Giáo viên ổn định lớp và cho sinh viên ngồi theo nhóm
- Giáo viên đưa ra nội dung vấn đề, thực hiện chia nhỏ các mảng nội dung và yêu cầu mỗi nhóm sinh viên thực hiện thảo luận để báo cáo.

*** Giai đoạn thảo luận :**

+ Giáo viên hướng dẫn và định hướng cho các nhóm thảo luận, giám sát quá trình thảo luận.

+ Các nhóm triển khai thảo luận mảng nội dung giáo viên giao.

*** Giai đoạn báo cáo:**

+ Giáo viên gọi ngẫu nhiên sinh viên mỗi nhóm báo cáo, số còn lại bổ sung.

+ Thời gian báo cáo của mỗi nhóm và trả lời câu hỏi của giáo viên và của nhóm khác đặt ra: **tối đa 10 phút.**

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Giáo viên tổng kết, đánh giá chung quá trình giải quyết vấn đề của các nhóm sinh viên.

- Cho các nhóm đánh giá, nhận xét nhau, chấm điểm với nhau, (*chú ý là thành viên trong nhóm báo cáo không được tự chấm điểm nhóm mình*), sau đó giáo viên sẽ cho điểm theo từng nhóm.

- Cơ cấu điểm:

+ Điểm trình bày : 20%

+ Điểm nội dung bài báo cáo: 70%

+ Điểm trả lời câu hỏi của giáo viên và các nhóm khác: 10%

- Cá nhân được giáo viên gọi báo cáo nhưng không chuẩn bị bài: Trừ ½ điểm trình bày của nhóm báo cáo.

- Cá nhân báo cáo tốt cho điểm trình bày tối đa của nhóm báo cáo, bên cạnh đó có điểm thưởng khuyến khích cho cá nhân báo cáo.

- Tiến hành kiểm tra bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm nhanh để cho điểm theo từng cá nhân, đồng thời để đánh giá xem tất cả các đối tượng sinh viên trong lớp tiếp nhận kiến thức đến đâu (điểm trắc nghiệm cộng với điểm tham gia thảo luận theo nhóm chia 2 = điểm đánh giá chung).

- Phối hợp thực hiện các hình thức vui chơi giải trí trong giờ giải lao, nhằm tạo cho không khí lớp học thoải mái giúp sinh viên học tập tốt hơn.

- Giáo viên nêu ra nhiều câu hỏi có vấn đề sát với trọng tâm bài học để các nhóm sinh viên tranh luận với nhau nhiều hơn, bên cạnh đó giáo viên luôn cởi mở, gợi ý, định hướng cho sinh viên đi đúng trọng tâm vấn đề.

- Giáo viên luôn trọng các ý kiến của sinh viên, khuyến khích sinh viên phát biểu tốt bằng những lời khen, tạo cho sinh viên tự tin khi phát biểu ý kiến của mình.

VẤN ĐỀ 4

1. Nội dung vấn đề

Trong “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (1991) Đảng và Nhà nước ta đưa ra chính sách về giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay là: *Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.* Chính sách này dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn nào?

2. Hệ thống các câu hỏi

- *Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc hình thành tôn giáo? So sánh với những quan điểm duy vật và duy tâm trong lịch sử về nguồn gốc của tôn giáo để thấy bản chất khoa học trong quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin.*

- *Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và bản chất và tính chất của tôn giáo?*

+ Tại sao khi nói về bản chất của tôn giáo C.Mác cho rằng: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”?

+ Tại sao bản chất của tôn giáo là thể hiện sự tiêu cực trong đời sống xã hội nhưng tôn giáo lại có thời gian tồn tại khá lâu dài trong lịch sử?

+ Tại sao trong xã hội có giai cấp đối kháng, giai cấp thống trị luôn sử dụng tôn giáo như một công cụ để bảo vệ lợi ích của mình?

+ Tôn giáo có những tính chất cơ bản nào? (Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị).

+ Theo anh (chị) tôn giáo có tồn tại mãi cùng với sự tồn tại của con người hay không? Vì sao?

+ Tại sao tôn giáo có tính chính trị, tính chính trị của tôn giáo được biểu hiện như thế nào? Trong chủ nghĩa xã hội tôn giáo có mang tính chính trị hay không?

- *Tại sao trong chủ nghĩa xã hội tôn giáo vẫn còn tồn tại? Điểm khác nhau căn bản về sự chuyển biến của tôn giáo còn tồn tại trong chủ nghĩa xã hội so với tôn giáo ở các chế độ xã hội trước đó là gì?*

- *Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội? Tại sao việc giải quyết vấn đề tôn giáo nhất thiết phải dựa trên những quan điểm này.*

- Những đặc điểm và tình hình tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?
- Xuất phát từ những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo và xuất phát từ những đặc điểm, tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay chúng ta rút ra được những nhận thức sâu sắc nào về tôn giáo?

3. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Hệ cử nhân chính trị)*- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- Ban tư tưởng văn hoá trung ương: *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo cu Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

- GS Đặng Nghiêm Vạn: *Lý luận về Tôn giáo và tình hình Tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

- Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB sự thật, Hà Nội, 1987.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB sự thật, Hà Nội, 1991.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

+ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006 .

- Tạp chí Cộng Sản điện tử: [http:// www.tapchicongsan.org.vn](http://www.tapchicongsan.org.vn).

- Tạp chí Xây dựng Đảng: [http:// home.vnn.vn/xd-dang](http://home.vnn.vn/xd-dang).

- Webside Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam: <http://www.cpv.org.vn>.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nội dung vấn đề này thuộc nội dung “Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay” nằm trong mục 3 chương X “Vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội” của môn học chủ nghĩa xã hội khoa học.

5. Các mục tiêu dạy học của vấn đề

a. Mục tiêu nhận thức

Giúp sinh viên hiểu và nhận thức được những quan điểm lý luận chung của chủ nghĩa Mác- Lênin về vấn đề tôn giáo và những quan điểm chỉ đạo việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, thông qua đó giúp cho sinh viên hiểu rõ được sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin của Đảng và Nhà nước ta để đưa ra các đường lối chính sách nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

b. Mục tiêu kỹ năng

- Sinh viên biết tổng hợp, huy động kiến thức đã học để luận giải những cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng và Nhà nước ta đưa ra các đường lối, chính sách đúng đắn trong việc giải quyết những vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biết phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn để khẳng định quan điểm đúng đắn của Đảng ta.

- Giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, thuyết trình vấn đề, giải quyết vấn đề, khả năng ứng xử trước đám đông.

c. Mục tiêu thái độ

- Giúp sinh viên có thái độ khoa học, biết biến kiến thức thành niềm tin, có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Giúp sinh viên biết cảnh giác, phê phán, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch đang lợi dụng vấn đề tôn giáo để xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng, chia rẽ tinh thần đoàn kết dân tộc nhằm chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

6. Tính thời sự và thực tiễn của vấn đề

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, có rất nhiều những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng mới có thể nhận thức và lý giải một cách đúng đắn được. Chúng ta biết rằng, hiện nay trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, của công nghệ thông tin, trước sự sụp đổ của

mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các thế lực thù địch và phản động trong và ngoài nước đang tìm mọi cách để xuyên tạc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Một trong những biện pháp của bọn chúng hiện nay là đang lợi dụng những vấn đề nhạy cảm của tôn giáo để xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kích động đồng bào các tôn giáo gây chia rẽ tinh thần đoàn kết dân tộc. Đặc biệt, hiện nay các thế lực phản động đang lợi dụng những thành tựu của công nghệ thông tin hiện đại để truyền bá, phổ biến những quan điểm sai trái mà đối tượng chúng hướng tới là các tầng lớp thanh niên, học sinh, sinh viên. Vì vậy, thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, đặt ra một yêu cầu cấp thiết đòi hỏi sinh viên, những người chủ nhân tương lai của đất nước phải nắm chắc những kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội nói riêng đã được trang bị trong trường học, phải có thái độ khoa học để hiểu đúng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về vấn đề tôn giáo và việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông qua đó hiểu rõ được tính đúng đắn trong các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Từ đó biết vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc sống. Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và có những đóng góp tích cực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời biết cảnh giác phê phán đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và những thành quả của cách mạng.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Những quan điểm duy vật và duy tâm trước Mác về vấn đề tôn giáo.
- Phân biệt giữa tín ngưỡng tôn giáo và mê tín dị đoan.
- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sự ra đời tôn giáo, bản chất của tôn giáo và những tính chất của tôn giáo.
- Một số vấn đề về tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa.
- Những quan điểm chỉ đạo của chủ nghĩa Mác – Lênin về việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

*** Giai đoạn chuẩn bị :**

- Để chuẩn bị cho buổi thảo luận này, trong buổi học trước sinh viên đã được giáo viên giao vấn đề và giới thiệu một số tài liệu và yêu cầu tìm và đọc (thời gian trước 1 tuần).
- Nội dung chuẩn bị của buổi thảo luận:
 - + Giáo viên chia số lượng sinh viên trong lớp ra các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 sinh viên. Nếu số sinh viên của lớp quá đông có thể chia số lượng sinh viên trong nhóm nhiều hơn nữa.
 - + Giáo viên căn cứ vào lực học của sinh viên trong lớp để cơ cấu số sinh viên học khá vào mỗi nhóm nhằm tạo không khí thảo luận có chất lượng.
 - + Giáo viên ổn định lớp và cho sinh viên ngồi theo nhóm
- Giáo viên đưa ra nội dung vấn đề, thực hiện chia nhỏ các mảng nội dung và yêu cầu mỗi nhóm sinh viên thực hiện thảo luận để báo cáo.
 - * **Giai đoạn thảo luận :**
 - + Giáo viên hướng dẫn và định hướng cho các nhóm thảo luận, giám sát quá trình thảo luận.
 - + Các nhóm triển khai thảo luận mảng nội dung giáo viên giao.
 - * **Giai đoạn báo cáo:**
 - + Giáo viên gọi ngẫu nhiên sinh viên mỗi nhóm báo cáo, số còn lại bổ sung.
 - + Thời gian báo cáo của mỗi nhóm và trả lời câu hỏi của giáo viên và của nhóm khác đặt ra: **tối đa 10 phút.**

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Giáo viên tổng kết, đánh giá chung quá trình giải quyết vấn đề của các nhóm sinh viên.
- Cho các nhóm đánh giá, nhận xét nhau, chấm điểm với nhau, (*chú ý là thành viên trong nhóm báo cáo không được tự chấm điểm nhóm mình*), sau đó giáo viên sẽ cho điểm theo từng nhóm.
 - Cơ cấu điểm:
 - + Điểm trình bày : 20%
 - + Điểm nội dung bài báo cáo: 70%
 - + Điểm trả lời câu hỏi của giáo viên và các nhóm khác: 10%
 - Cá nhân được giáo viên gọi báo cáo nhưng không chuẩn bị bài: Trừ ½ điểm trình bày của nhóm báo cáo.

- Cá nhân báo cáo tốt cho điểm trình bày tối đa của nhóm báo cáo, bên cạnh đó có điểm thưởng khuyến khích cho cá nhân báo cáo.

- Tiến hành kiểm tra bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm nhanh để cho điểm theo từng cá nhân, đồng thời để đánh giá xem tất cả các đối tượng sinh viên trong lớp tiếp nhận kiến thức đến đâu (điểm trắc nghiệm cộng với điểm tham gia thảo luận theo nhóm chia 2 = điểm đánh giá chung).

- Phối hợp thực hiện các hình thức vui chơi giải trí trong giờ giải lao, nhằm tạo cho không khí lớp học thoải mái giúp sinh viên học tập tốt hơn.

- Giáo viên nêu ra nhiều câu hỏi có vấn đề sát với trọng tâm bài học để các nhóm sinh viên tranh luận với nhau nhiều hơn, bên cạnh đó giáo viên luôn cởi mở, gợi ý, định hướng cho sinh viên đi đúng trọng tâm vấn đề.

- Giáo viên luôn trọng các ý kiến của sinh viên, khuyến khích sinh viên phát biểu tốt bằng những lời khen, tạo cho sinh viên tự tin khi phát biểu ý kiến của mình.

Pháp luật đại cương

Biên soạn: TS. Lê Việt Phương - Khoa Khoa học xã hội & Nhân văn

VẤN ĐỀ 1

LUẬT DÂN SỰ

1. Nội dung vấn đề

“Ông A và bà B đã chung sống với nhau 25 năm, ông bà có 2 người con nuôi là C 20 tuổi và D 16 tuổi, 1 người con ruột là E nhưng đã qua đời để lại đứa cháu 3 tuổi. Do mâu thuẫn ông bà làm đơn xin ly hôn, toà án đã thụ lý giải quyết, ngày 01/04/2005 toà án ra quyết định cho ly hôn. Ngày 10/04/2005 ông A bị đau tim và qua đời, trước khi chết ông A có di chúc miệng trước sự làm chứng của C và 2 người bạn của ông A để định đoạt khối tài sản riêng của ông trị giá 400 triệu đồng như sau: Cho đứa cháu 3 tuổi 350 triệu đồng, D 50 triệu”.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Di chúc miệng của ông A có hiệu lực hay không?
- C có được làm chứng trong trường hợp này không?
- Bà B có được thừa kế tài sản của ông A không? Căn cứ pháp lý nào? Nếu được thì thừa kế bao nhiêu?
- C và D có được thừa kế tài sản của ông A không? Việc ông A phân chia như trên có được thực hiện đúng như ý nguyện của ông không?
- Có gì khác nếu ông A không để lại di chúc?
- Di sản là gì? Thời điểm mở thừa kế?
- Có mấy loại thừa kế?
- Có những loại di chúc nào?
- Người để lại di chúc phải thoả mãn điều kiện gì?
- Điều kiện hợp pháp của di chúc?
- Những trường hợp không được làm chứng?
- Những trường hợp được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc?
- Diện thừa kế, hàng thừa kế là gì?
- Như thế nào là thừa kế thế vị?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Giáo trình pháp luật đại cương (NXB Chính trị quốc gia - 2006; chủ biên: Th.S Lê

Văn Toàn).

- Bộ Luật Dân sự năm 2005; Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2000. (*Sinh viên có thể tham khảo văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan thông qua Website của giáo viên: www.ntu.edu.vn vào trang web cá nhân: Lê Việt Phương*).

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này sẽ được giáo viên đưa ra giải quyết ở Chương VII - “Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân-Gia đình” thuộc môn Pháp luật Việt Nam đại cương (MS: 68010), Mục I: Luật Dân sự, phần Thừa kế tài sản.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Hiện nay tâm lý chung của sinh viên khối kỹ thuật là thường có ngại học các môn lý thuyết. Để khắc phục điểm này người dạy phải có các phương pháp tạo hứng thú cho người học, nâng cao tinh thần tự học, tự tìm hiểu, tự giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung bài học, mà giáo viên cũng hạn chế được lối truyền thụ một chiều mang tính cổ điển khó lôi cuốn người học. Có rất nhiều phương pháp để thực hiện được mục tiêu này, như tổ chức cho sinh viên Đóng vai, thảo luận, thực hiện các hoạt động ngoại khóa – xem các phiên tòa xét xử tại tòa án, tổ chức cho sinh viên học theo vấn đề.... Trong đó phương pháp học dựa trên vấn đề có thể đem lại rất nhiều hiệu quả. Mặt khác, một trong những ưu điểm mà môn pháp luật có được chính là việc giải quyết các vấn đề trong những tình huống pháp lý cụ thể. Thông qua việc giải quyết các tình huống có vấn đề, người học – cùng với giáo viên có thể rút ra những nội dung cần nắm bắt.

- Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề nhằm giúp học viên phát triển: kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học; có tình cảm yêu thích đối với môn học; phát huy khả năng của từng cá nhân và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, hợp tác; nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày, thương lượng...

- Thông qua phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề giúp học viên có cơ hội sớm tiếp cận với những vấn đề đang xảy ra trong thực tiễn xã hội có liên quan đến môn học; gắn những kiến thức lý thuyết với những tình huống thực tiễn.

*** Mục tiêu nhận thức.**

Giải quyết vấn đề trên sẽ giúp sinh viên nắm được các kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học, cụ thể:

- Hình thức của di chúc.
- Điều kiện hợp pháp của di chúc miệng.

- Những người không được làm chứng.
- Những người được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.
- Diện và hàng thừa kế.
- Thừa kế thế vị.

*** Mục tiêu kỹ năng:**

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác, tập thể.
- Nâng cao khả năng diễn đạt trước đám đông và tranh luận vấn đề.

*** Mục tiêu thái độ:**

- Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, thi cử.
- Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu.
- Có sự yêu thích khi học tập môn Pháp luật.
- Kiểm chế không thực hiện những hành vi vi phạm kỷ luật của nhà trường và pháp luật của nhà nước.
- Giúp sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức lý thuyết vào giải quyết những vấn đề thực tiễn xảy ra trong xã hội.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Trong đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay, vấn đề chia thừa kế tài sản của người chết cho những người thân còn sống là một trong các quan hệ dân sự tương đối phổ biến và phức tạp. Tuy nhiên do thiếu hiểu biết pháp luật nên một số trường hợp việc phân chia di sản thừa kế đã dẫn đến những tranh chấp không đáng có. Vì vậy, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi công dân là một trong những biện pháp hữu hiệu để góp phần khắc phục tình trạng trên, củng cố, giữ vững tình thương yêu và đoàn kết trong gia đình.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết vấn đề nêu ra sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về Luật Dân sự, Tố tụng dân sự và những kiến thức lý thuyết cơ bản khác.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Để giải quyết vấn đề này, giáo viên sẽ đưa ra vấn đề và tài liệu tham khảo cho sinh viên trước 2 tuần, để các em là việc theo nhóm thảo luận trước ở nhà, nhằm tiết kiệm thời gian thảo luận trên lớp, dành nhiều thời gian cho tranh luận.

Về cách thức chia nhóm: tùy thuộc vào số lượng sinh viên mà chia thành các nhóm, nhưng số lượng không quá 10 người. Giáo viên hướng dẫn Sinh viên cách tổ chức nhóm

(bầu trưởng nhóm, tên nhóm, ghi danh sách thành viên, cách thống nhất phương án giải quyết vấn đề của nhóm...).

Tổ chức thảo luận, báo cáo: Vấn đề đã được giao về nhà để các nhóm giải quyết nên lên lớp Giáo viên sẽ cho khoảng 5-7 phút để các thành viên của nhóm thảo luận thống nhất cách giải quyết vấn đề. Sau đó gọi bất kỳ thành viên của bất kỳ nhóm nào lên trình bày cách giải quyết của nhóm mình, giáo viên cũng có thể hỏi thêm những vấn đề xung quanh đối với sinh viên đó và các thành viên khác để có thể đánh giá chắc chắn sinh viên có chuẩn bị bài ở nhà không, đồng thời cũng tạo hứng thú cho sinh viên mạnh dạn trình bày ý kiến và để không khí lớp học trở nên sôi nổi hơn;. Các thành viên trong nhóm có thể bổ sung. Qua đó có thể đánh giá được sinh viên nào chuẩn bị tốt, sinh viên nào không, tránh hiện tượng ỷ lại. Sau khi nhóm được gọi đã trình bày, các nhóm khác nếu thấy không thống nhất với cách giải quyết đó có thể trình bày cách giải quyết của nhóm mình hoặc bổ sung, chất vấn thêm.

Sau đó Giáo viên thống nhất cách giải quyết vấn đề và rút ra những nội dung lý thuyết mà sinh viên cần nắm được.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá cá nhân, nhóm thông qua việc cho điểm khuyến khích cộng vào điểm kiểm tra. (Do môn học có rất nhiều tình huống có vấn đề để giải quyết nên sinh viên có nhiều cơ hội để tích lũy điểm khuyến khích. Nếu quá trình học sinh viên tích lũy được ít nhất 5 điểm khuyến khích sẽ được cộng 1 điểm vào điểm kiểm tra...). Việc đánh giá mỗi nhóm được tiến hành công khai, có tham khảo ý kiến của các nhóm khác.

Cách làm này đã được thực hiện trong quá trình lên lớp và chúng tôi thấy rằng việc đưa ra các tình huống có vấn đề để sinh viên đọc tài liệu và giải quyết đã tạo cho sinh viên rất nhiều hứng thú trong việc học môn Pháp luật Việt Nam đại cương và Pháp luật đại cương. Đồng thời giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời thường.

VẤN ĐỀ 2

LUẬT HÌNH SỰ

1. Nội dung vấn đề

“Ruộng nhà ông Nguyễn Văn K thường xuyên bị chuột cắn phá gây thiệt hại cho hoa màu. Quá bức xúc, ông K có ý định giăng dây điện trần ra ruộng để chống chuột bảo vệ

hoa màu, ông K đã nói ý định của mình cho hàng xóm biết. Ngày 10 tháng 09 năm 2006 ông K tiến hành kéo dây điện, cắm biển cảnh báo và bật đèn sáng. Hàng ngày đóng điện từ 19 giờ đến 24 giờ thì tắt điện đi ngủ. 23 giờ ngày 25 tháng 09 năm 2006, anh Q là hàng xóm của ông K đi nhậu say về qua ruộng của ông K bị vướng dây điện trần giật chết .”

2. Hệ thống các câu hỏi

- Hành vi dùng điện bẫy chuột của ông K có vi phạm pháp luật không?
- Anh Q có vi phạm gì không?
- Phân tích Cấu thành Tội phạm, từ đó xác định Lỗi của ông K thuộc loại lỗi nào?
- Căn cứ vào cấu thành tội phạm, ông K có bị truy cứu trách nhiệm hình sự không? Tại sao?
- Có gì khác nếu ông K giăng điện nơi đông người qua lại, không thông báo cho hàng xóm, không bật đèn, không cắm biển báo?
- Có gì khác nếu ông K dùng điện không phải để chống chuột mà là để chống trộm?

Các câu hỏi kèm theo (*Chỉ để sử dụng trên lớp, không cung cấp trước cho SV*):

- o Tội phạm là gì?
- o Có mấy loại tội phạm theo qui định của luật Hình sự VN?
- o Tuổi chịu trách nhiệm hình sự?
- o Có mấy loại Lỗi?
- o Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội?
- o Hệ thống hành phạt theo quy định của Luật hình sự Việt Nam hiện nay?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Giáo trình pháp luật đại cương (NXB Chính trị quốc gia - 2006; chủ biên: Th.S Lê Văn Toàn).
- Bộ Luật Hình sự năm 1999. (*Sinh viên có thể tham khảo văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan thông qua Website của giáo viên: www.ntu.edu.vn vào trang web cá nhân: Lê Việt Phương*).

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này sẽ được giáo viên đưa ra giải quyết ở Chương VI - Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự thuộc môn Pháp luật Việt Nam đại cương (MS: 68010), Mục I: Luật Hình sự, phần tội phạm.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Hiện nay tâm lý chung của sinh viên khối kỹ thuật là thường có ngại học các môn lý thuyết. Để khắc phục điểm này người dạy phải có các phương pháp tạo hứng thú cho người học, nâng cao tinh thần tự học, tự tìm hiểu, tự giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung bài học, mà giáo viên cũng hạn chế được lối truyền thụ một chiều mang tính cổ điển khó lôi cuốn người học. Có rất nhiều phương pháp để thực hiện được mục tiêu này, như tổ chức cho sinh viên Đóng vai, thảo luận, thực hiện các hoạt động ngoại khoá – xem các phiên toà xét xử tại toà án, tổ chức cho sinh viên học theo vấn đề.... Trong đó phương pháp học dựa trên vấn đề có thể đem lại rất nhiều hiệu quả. Mặt khác, một trong những ưu điểm mà môn pháp luật có được chính là việc giải quyết các vấn đề trong những tình huống pháp lý cụ thể. Thông qua việc giải quyết các tình huống có vấn đề, người học – cùng với giáo viên có thể rút ra những nội dung cần nắm bắt.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề nhằm giúp học viên phát triển: kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học; có tình cảm yêu thích đối với môn học; phát huy khả năng của từng cá nhân và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, hợp tác; nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày, thương lượng...

Thông qua phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề giúp học viên có cơ hội sớm tiếp cận với những vấn đề đang xảy ra trong thực tiễn xã hội có liên quan đến môn học; gắn những kiến thức lý thuyết với những tình huống thực tiễn.

*** Mục tiêu nhận thức.**

Giải quyết vấn đề trên sẽ giúp sinh viên nắm được các kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học, cụ thể:

- Định nghĩa về tội phạm, xác định được từng loại tội phạm căn cứ vào mức cao nhất của Khung hình phạt.
- Chủ thể của tội phạm.
- Định nghĩa về Lỗi và cách thức phân loại, các định từng loại lỗi cụ thể
- Xác định và phân biệt được động cơ, mục đích phạm tội.
- Mục đích của việc xử lý người phạm tội.
- Các loại hình phạt của Luật hình sự Việt Nam hiện nay.

*** Mục tiêu kỹ năng:**

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác, tập thể.
- Nâng cao khả năng diễn đạt trước đám đông và tranh luận vấn đề.

*** Mục tiêu thái độ:**

- Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, thi cử.
- Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu.
- Có sự yêu thích khi học tập môn Pháp luật.
- Kiểm chế không thực hiện những hành vi vi phạm kỷ luật của nhà trường và pháp luật của nhà nước.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Hiện nay, tình trạng vi phạm pháp luật nói chung, phạm tội hình sự nói riêng trong đời sống xã hội đang ngày một gia tăng cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do người dân thiếu hiểu biết pháp luật. Chỉ khi có vi phạm xảy ra, bị áp dụng trách nhiệm pháp lý, người vi phạm mới biết là mình vi phạm. Ở các vùng nông thôn Việt Nam, quan niệm sử dụng điện để chống chuột, chống trộm... vẫn diễn ra tương đối phổ biến, nhiều cái chết thương tâm, nhiều con người bị tù đày, nhiều gia đình tan nát... từ những hành vi nguy hiểm, coi thường tính mạng của người khác của một bộ phận nhỏ những người thiếu hiểu biết pháp luật.

Vì vậy, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi công dân, trong đó có tầng lớp học sinh sinh viên là một trong những biện pháp hữu hiệu để khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết vấn đề nêu ra sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Để giải quyết vấn đề này, giáo viên sẽ đưa ra vấn đề và tài liệu tham khảo cho sinh viên trước 2 tuần, để các em là việc theo nhóm thảo luận trước ở nhà, nhằm tiết kiệm thời gian thảo luận trên lớp, dành nhiều thời gian cho tranh luận.

Về cách thức chia nhóm: tùy thuộc vào số lượng sinh viên mà chia thành các nhóm, nhưng số lượng không quá 10 người. Giáo viên hướng dẫn Sinh viên cách tổ chức nhóm (bầu trưởng nhóm, tên nhóm, ghi danh sách thành viên, cách thống nhất phương án giải quyết vấn đề của nhóm...).

Tổ chức thảo luận, báo cáo: Vấn đề đã được giao về nhà để các nhóm giải quyết nên lên lớp Giáo viên sẽ cho khoảng 5-7 phút để các thành viên của nhóm thảo luận thống nhất cách giải quyết vấn đề. Sau đó gọi bất kỳ thành viên của bất kỳ nhóm nào lên trình bày cách giải quyết của nhóm mình, giáo viên cũng có thể hỏi thêm những vấn đề xung

quanh đối với sinh viên đó và các thành viên khác để có thể đánh giá chắc chắn sinh viên có chuẩn bị bài ở nhà không, đồng thời cũng tạo hứng thú cho sinh viên mạnh dạn trình bày ý kiến và để không khí lớp học trở nên sôi nổi hơn;. Các thành viên trong nhóm có thể bổ sung. Qua đó có thể đánh giá được sinh viên nào chuẩn bị tốt, sinh viên nào không, tránh hiện tượng ỷ lại. Sau khi nhóm được gọi đã trình bày, các nhóm khác nếu thấy không thống nhất với cách giải quyết đó có thể trình bày cách giải quyết của nhóm mình hoặc bổ sung, chất vấn thêm.

Sau đó Giáo viên thống nhất cách giải quyết vấn đề và rút ra những nội dung lý thuyết mà sinh viên cần nắm được.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá cá nhân, nhóm thông qua việc cho điểm khuyến khích cộng vào điểm kiểm tra. (Do môn học có rất nhiều tình huống có vấn đề để giải quyết nên sinh viên có nhiều cơ hội để tích lũy điểm khuyến khích. Nếu quá trình học sinh viên tích lũy được ít nhất 5 điểm khuyến khích sẽ được cộng 1 điểm vào điểm kiểm tra...). Việc đánh giá mỗi nhóm được tiến hành công khai, có tham khảo ý kiến của các nhóm khác.

Cách làm này đã được thực hiện trong quá trình lên lớp và chúng tôi thấy rằng việc đưa ra các tình huống có vấn đề để sinh viên đọc tài liệu và giải quyết đã tạo cho sinh viên rất nhiều hứng thú trong việc học môn Pháp luật Việt Nam đại cương và Pháp luật đại cương. Đồng thời giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời thường.

VẤN ĐỀ 3

LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Nội dung vấn đề

“Tháng 9 năm 2001 ông N 60 tuổi và cô M, 17 tuổi tổ chức đám cưới tại nhà thờ với sự chứng kiến của cha cô và họ hàng, bạn bè hai bên, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông N là một nhà kinh doanh lớn với tài sản trước khi đám cưới trị giá 1 tỷ đồng; Cô M chưa có việc làm, nhưng trước ngày đám cưới cha mẹ cô cho cô 200 triệu. Sau khi đám cưới cô ở nhà lo công việc nội trợ và chăm sóc đứa con chung 2 tuổi của hai người. Trong 3 năm chung sống hai người đã mua thêm một ô tô và 2 căn nhà. Nhưng trong thời gian đó ông N cũng có quan hệ như vợ chồng với một người phụ nữ khác. Tháng 11 năm 2004 ông N và cô M làm đơn ly hôn”.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Trong khi đang chung sống với chị M mà ông N lại có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác thì có vi phạm Pháp luật không? Tại sao?
- Trong trường hợp này Toà án có thụ lý vụ việc của ông N và cô M không? Tại sao?
- Vấn đề tài sản và con chung của hai người sẽ giải quyết như thế nào?
- Có gì khác nếu họ có đủ điều kiện và đã đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền?

Các câu hỏi kèm theo (*Chỉ để sử dụng trên lớp, không cung cấp trước cho SV*):

- Kết hôn là gì? Hôn nhân là gì?
- Điều kiện kết hôn và cấm kết hôn?
- Pháp luật có cấm kết hôn giữa những người quá chênh lệch về tuổi tác không?
- Hình thức và thủ tục kết hôn?
- Những tài sản nào được coi là tài sản riêng? Tài sản nào là tài sản chung của vợ chồng?
- Những cuộc hôn nhân trái pháp luật mà có yêu cầu xin ly hôn sẽ giải quyết như thế nào?
- Vấn đề tài sản chung, tài sản riêng trong những cuộc hôn nhân trái pháp luật/ hôn nhân hợp pháp mà có yêu cầu xin ly hôn được giải quyết như thế nào?
- Vấn đề con chung giải quyết như thế nào khi ly hôn?
- Khi nào thì đặt ra yêu cầu cấp dưỡng?
- Điều kiện cho ly hôn?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

1. Giáo trình pháp luật đại cương (NXB Chính trị quốc gia - 2006; chủ biên: Th.S Lê Văn Toàn).
2. Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2000. (*Sinh viên có thể tham khảo văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan thông qua Website của giáo viên: www.ntu.edu.vn vào trang web cá nhân: Lê Việt Phương*).

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này sẽ được giáo viên đưa ra giải quyết ở Chương VII - “Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự và Luật Hôn Nhân - Gia đình” thuộc môn Pháp luật Việt Nam đại cương (MS: 68010), Mục III: Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Hiện nay tâm lý chung của sinh viên khối kỹ thuật là thường có ngại học các môn lý

thuyết. Để khắc phục điểm này người dạy phải có các phương pháp tạo hứng thú cho người học, nâng cao tinh thần tự học, tự tìm hiểu, tự giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung bài học, mà giáo viên cũng hạn chế được lối truyền thụ một chiều mang tính cổ điển khó lôi cuốn người học. Có rất nhiều phương pháp để thực hiện được mục tiêu này, như tổ chức cho sinh viên Đóng vai, thảo luận, thực hiện các hoạt động ngoại khoá – xem các phiên toà xét xử tại toà án, tổ chức cho sinh viên học theo vấn đề.... Trong đó phương pháp học dựa trên vấn đề có thể đem lại rất nhiều hiệu quả. Mặt khác, một trong những ưu điểm mà môn pháp luật có được chính là việc giải quyết các vấn đề trong những tình huống pháp lý cụ thể. Thông qua việc giải quyết các tình huống có vấn đề, người học – cùng với giáo viên có thể rút ra những nội dung cần nắm bắt.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề nhằm giúp học viên phát triển: kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học; có tình cảm yêu thích đối với môn học; phát huy khả năng của từng cá nhân và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, hợp tác; nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày, thương lượng...

Thông qua phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề giúp học viên có cơ hội sớm tiếp cận với những vấn đề đang xảy ra trong thực tiễn xã hội có liên quan đến môn học; gắn những kiến thức lý thuyết với những tình huống thực tiễn.

*** Mục tiêu nhận thức.**

Giải quyết vấn đề trên sẽ giúp sinh viên nắm được các kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học, cụ thể:

- Hình thức của di chúc.
- Điều kiện hợp pháp của di chúc miệng.
- Những người không được làm chứng.
- Những người được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.
- Diện và hàng thừa kế.
- Thừa kế thế vị.

*** Mục tiêu kỹ năng:**

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác, tập thể.
- Nâng cao khả năng diễn đạt trước đám đông và tranh luận vấn đề.

*** Mục tiêu thái độ:**

- Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, thi cử.
- Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu.

- Có sự yêu thích khi học tập môn Pháp luật.
- Kiểm chế không thực hiện những hành vi vi phạm kỷ luật của nhà trường và pháp luật của Nhà nước.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Trong đời sống xã hội ở Việt Nam và thế giới hiện nay, quan hệ hôn nhân và gia đình là một quan hệ xã hội rất phổ biến và quan trọng, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do thiếu hiểu biết pháp luật nên một số trường hợp việc xác lập quan hệ hôn nhân đã không đúng với các quy định của pháp luật như tình trạng tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, vi phạm nguyên tắc một vợ một chồng.... Vì vậy, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi công dân là một trong những biện pháp hữu hiệu để góp phần khắc phục tình trạng trên, xây dựng những gia đình tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, củng cố, giữ vững tình thương yêu và đoàn kết trong gia đình.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết vấn đề nêu ra sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về Vi phạm pháp luật, Luật Dân sự, luật Tố tụng dân sự và những kiến thức lý thuyết cơ bản khác.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Để giải quyết vấn đề này, giáo viên sẽ đưa ra vấn đề và tài liệu tham khảo cho sinh viên trước 2 tuần, để các em làm việc theo nhóm thảo luận trước ở nhà, nhằm tiết kiệm thời gian thảo luận trên lớp, dành nhiều thời gian cho tranh luận.

Về cách thức chia nhóm: tùy thuộc vào số lượng sinh viên mà chia thành các nhóm, nhưng số lượng không quá 10 người. Giáo viên hướng dẫn Sinh viên cách tổ chức nhóm (bầu trưởng nhóm, tên nhóm, ghi danh sách thành viên, cách thống nhất phương án giải quyết vấn đề của nhóm...).

Tổ chức thảo luận, báo cáo: Vấn đề đã được giao về nhà để các nhóm giải quyết nên lên lớp Giáo viên sẽ cho khoảng 5-7 phút để các thành viên của nhóm thảo luận thống nhất cách giải quyết vấn đề. Sau đó gọi bất kỳ thành viên của bất kỳ nhóm nào lên trình bày cách giải quyết của nhóm mình, giáo viên cũng có thể hỏi thêm những vấn đề xung quanh đối với sinh viên đó và các thành viên khác để có thể đánh giá chắc chắn sinh viên có chuẩn bị bài ở nhà không, đồng thời cũng tạo hứng thú cho sinh viên mạnh dạn trình bày ý kiến và để không khí lớp học trở nên sôi nổi hơn;. Các thành viên trong nhóm

có thể bổ sung. Qua đó có thể đánh giá được sinh viên nào chuẩn bị tốt, sinh viên nào không, tránh hiện tượng ỷ lại. Sau khi nhóm được gọi đã trình bày, các nhóm khác nếu thấy không thống nhất với cách giải quyết đó có thể trình bày cách giải quyết của nhóm mình hoặc bổ sung, chất vấn thêm.

Sau đó Giáo viên thống nhất cách giải quyết vấn đề và rút ra những nội dung lý thuyết mà sinh viên cần nắm được.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá cá nhân, nhóm thông qua việc cho điểm khuyến khích cộng vào điểm kiểm tra. (Do môn học có rất nhiều tình huống có vấn đề để giải quyết nên sinh viên có nhiều cơ hội để tích lũy điểm khuyến khích. Nếu quá trình học sinh viên tích lũy được ít nhất 5 điểm khuyến khích sẽ được cộng 1 điểm vào điểm kiểm tra...). Việc đánh giá mỗi nhóm được tiến hành công khai, có tham khảo ý kiến của các nhóm khác.

Cách làm này đã được thực hiện trong quá trình lên lớp và chúng tôi thấy rằng việc đưa ra các tình huống có vấn đề để sinh viên đọc tài liệu và giải quyết đã tạo cho sinh viên rất nhiều hứng thú trong việc học môn Pháp luật Việt Nam đại cương và Pháp luật đại cương. Đồng thời giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời thường.

VẤN ĐỀ 4

LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Nội dung vấn đề

“Giả sử cơ quan thuế của một tỉnh ra quyết định truy thu công ty X 10 triệu đồng tiền thuế. Công ty X phản đối quyết định này và làm đơn khiếu nại”.

2. Hệ thống các câu hỏi

1. Trong trường hợp này đơn khiếu nại của công ty X gửi đến cơ quan nhà nước nào yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật?
2. Nếu sau đó cơ quan mà bạn cho là có thẩm quyền giải quyết đã quyết định mà công ty X vẫn không đồng ý thì công ty X sẽ làm như thế nào?”
3. Giả sử Công ty X đã gửi đơn khiếu nại đúng thẩm quyền nhưng hết thời hạn trả lời vẫn không nhận được ý kiến trả lời đơn khiếu nại thì Công ty X có quyền gì?

Các câu hỏi kèm theo (*Chỉ để sử dụng trên lớp, không cung cấp trước cho SV*):

- Khiếu nại là gì? Tố cáo là gì?

- nguyên tắc của khiếu nại?
- Ai có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu trong trường hợp này?
- Ai có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo?
- Nếu giải quyết tại tòa án thì Tòa nào có thẩm quyền giải quyết vụ việc trên?
- Nếu đã khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo rồi sau đó đưa ra tòa án yêu cầu giải quyết có được không?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Giáo trình pháp luật đại cương (NXB Chính trị quốc gia - 2006; chủ biên: Th.S Lê Văn Toàn).
- Pháp lệnh Xử lý Vi phạm hành chính năm 2002, Luật khiếu nại tố cáo, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án Hành chính. *(Sinh viên có thể tham khảo văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan thông qua Website của giáo viên: www.ntu.edu.vn vào trang web cá nhân: Lê Việt Phương).*

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này sẽ được giáo viên đưa ra giải quyết ở Chương V - “Luật Hành Chính” thuộc môn Pháp luật Việt Nam đại cương (MS: 68010), Mục V: Khiếu nại, Tố cáo .

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Hiện nay tâm lý chung của sinh viên khối kỹ thuật là thường có ngại học các môn lý thuyết. Để khắc phục điểm này người dạy phải có các phương pháp tạo hứng thú cho người học, nâng cao tinh thần tự học, tự tìm hiểu, tự giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung bài học, mà giáo viên cũng hạn chế được lối truyền thụ một chiều mang tính cổ điển khó lôi cuốn người học. Có rất nhiều phương pháp để thực hiện được mục tiêu này, như tổ chức cho sinh viên Đóng vai, thảo luận, thực hiện các hoạt động ngoại khóa – xem các phiên tòa xét xử tại tòa án, tổ chức cho sinh viên học theo vấn đề.... Trong đó phương pháp học dự trên vấn đề có thể đem lại rất nhiều hiệu quả. Mặt khác, một trong những ưu điểm mà môn pháp luật có được chính là việc giải quyết các vấn đề trong những tình huống pháp lý cụ thể. Thông qua việc giải quyết các tình huống có vấn đề, người học – cùng với giáo viên có thể rút ra những nội dung cần nắm bắt.

Phương pháp dạy học dự trên vấn đề nhằm giúp học viên phát triển: kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học; có tình cảm yêu thích đối với môn học; phát huy khả năng của từng cá nhân và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, hợp tác; nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày, thương lượng...

Thông qua phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề giúp học viên có cơ hội sớm tiếp cận với những vấn đề đang xảy ra trong thực tiễn xã hội có liên quan đến môn học; gắn những kiến thức lý thuyết với những tình huống thực tiễn.

*** Mục tiêu nhận thức.**

Giải quyết vấn đề trên sẽ giúp sinh viên nắm được các kiến thức chuyên môn sâu hơn về môn học, cụ thể:

- Khái niệm về khiếu nại và tố cáo
- Những nguyên tắc của giải quyết khiếu nại

*** Mục tiêu kỹ năng:**

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác, tập thể.
- Nâng cao khả năng diễn đạt trước đám đông và tranh luận vấn đề.

*** Mục tiêu thái độ:**

- Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, thi cử.
- Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu.
- Có sự yêu thích khi học tập môn Pháp luật.
- Kiểm chế không thực hiện những hành vi vi phạm kỷ luật của nhà trường và pháp luật của nhà nước.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Một thực tế hiện nay là khi quan hệ pháp luật hành chính giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các tổ chức, cá nhân phát sinh tranh chấp, một số tổ chức, cá nhân không biết vụ việc của mình sẽ do cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền giải quyết, để đưa vụ việc ra cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải thông qua những thủ tục như thế nào. Thông thường họ sẽ đưa lên toà án để giải quyết mà không biết rằng toà án chỉ giải quyết vụ án hành chính nếu vụ việc đã được giải quyết qua giai đoạn tiền tố tụng (tức là vụ việc đã được khiếu nại lần đầu với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu, nhưng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại hoặc không nhận được trả lời khiếu nại và cũng không tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo).

Do vậy việc tuyên truyền phổ biến pháp luật nói chung, luật khiếu nại tố cáo nói riêng cho công dân và học sinh sinh viên nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền... giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết vụ án hành chính. Qua việc giải quyết vấn đề sinh viên có thể nắm được cách thức giải quyết một

tranh chấp hành chính xảy ra.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết vấn đề giáo viên đã cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về luật hành chính, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước, vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Để giải quyết vấn đề này, giáo viên sẽ đưa ra vấn đề và tài liệu tham khảo cho sinh viên trước 2 tuần, để các em là việc theo nhóm thảo luận trước ở nhà, nhằm tiết kiệm thời gian thảo luận trên lớp, dành nhiều thời gian cho tranh luận.

Về cách thức chia nhóm: tùy thuộc vào số lượng sinh viên mà chia thành các nhóm, nhưng số lượng không quá 10 người. Giáo viên hướng dẫn Sinh viên cách tổ chức nhóm (bầu trưởng nhóm, tên nhóm, ghi danh sách thành viên, cách thống nhất phương án giải quyết vấn đề của nhóm...).

Tổ chức thảo luận, báo cáo: Vấn đề đã được giao về nhà để các nhóm giải quyết nên lên lớp Giáo viên sẽ cho khoảng 5-7 phút để các thành viên của nhóm thảo luận thống nhất cách giải quyết vấn đề. Sau đó gọi bất kỳ thành viên của bất kỳ nhóm nào lên trình bày cách giải quyết của nhóm mình, giáo viên cũng có thể hỏi thêm những vấn đề xung quanh đối với sinh viên đó và các thành viên khác để có thể đánh giá chắc chắn sinh viên có chuẩn bị bài ở nhà không, đồng thời cũng tạo hứng thú cho sinh viên mạnh dạn trình bày ý kiến và để không khí lớp học trở nên sôi nổi hơn;. Các thành viên trong nhóm có thể bổ sung. Qua đó có thể đánh giá được sinh viên nào chuẩn bị tốt, sinh viên nào không, tránh hiện tượng ỷ lại. Sau khi nhóm được gọi đã trình bày, các nhóm khác nếu thấy không thống nhất với cách giải quyết đó có thể trình bày cách giải quyết của nhóm mình hoặc bổ sung, chất vấn thêm.

Sau đó Giáo viên thống nhất cách giải quyết vấn đề và rút ra những nội dung lý thuyết mà sinh viên cần nắm được.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá cá nhân, nhóm thông qua việc cho điểm khuyến khích cộng vào điểm kiểm tra. (Do môn học có rất nhiều tình huống có vấn đề để giải quyết nên sinh viên có nhiều cơ hội để tích lũy điểm khuyến khích. Nếu quá trình học sinh viên tích lũy được ít nhất 5 điểm khuyến khích sẽ được cộng 1 điểm vào điểm kiểm tra...). Việc đánh giá mỗi nhóm được tiến hành công khai, có tham khảo ý kiến của các nhóm khác.

Cách làm này đã được thực hiện trong quá trình lên lớp và chúng tôi thấy rằng việc đưa ra các tình huống có vấn đề để sinh viên đọc tài liệu và giải quyết đã tạo cho sinh viên rất nhiều hứng thú trong việc học môn Pháp luật Việt Nam đại cương và Pháp luật đại cương. Đồng thời giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời thường.

Kỹ thuật sản xuất cá giống

Biên soạn: ThS. Đàm Bá Long – Viện Nuôi trồng Thủy sản

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Thí nghiệm cho cá Chép đẻ nhân tạo thụ tinh tự nhiên và thụ tinh nhân tạo tại Trại cá Đá bàn, Ninh Hòa, Khánh Hòa. Thời gian cho cá đẻ cuối tháng 6/2006. Khi cho cá đẻ có sự thay đổi thời tiết, trời mưa rào. Nguồn cá đưa vào cho đẻ được chọn từ cùng 1 ao.

Thí nghiệm 1:

Cho cá đẻ thụ tinh tự nhiên: Số lượng cá đực và cá cái 1:1; Khối lượng cá cái trung bình 0,5-0,6kg/con. Kích dục tổ tiên cho cá cái 1 lần duy nhất với liều lượng: 30 -35 μ g LRHa2 + 3-3,5mg Dom/kg cá cái; liều tiêm cho cá đực bằng 1/3 liều tiêm cho cá cái. Giá thể là bèo lục bình. Trứng được ấp theo phương pháp ấp khô.

Thí nghiệm 2:

- Cho cá đẻ thụ tinh nhân tạo, sử dụng phương pháp khử dính và cho trứng dính trên giá thể (bèo). Số lượng cá cái 4 : 6 cá đực. Cá cái 1 con 2,3kg; 3 con còn lại 0,6-0,7kg. Cá cái tiêm 2 liều kích dục tổ, lượng kích dục tổ cho liều quyết định: 50 μ g LRHa2 + 5mgDom/kg cá cái. Lượng kích dục tổ liều sơ bộ lần 1= 1/5 liều quyết định, liều cho cá đực bằng 1/2 cá cái.
- Trứng sau khi thụ tinh cho dính trực tiếp trên giá thể, trứng nhanh chóng xuất hiện tính dính và dính tập trung với nhau.
- Trứng khử dính ở nồng độ 4%; khử dính trong 5-10 phút, sau đó rửa sạch, cho vào ấp trong khay ấp trứng cá rô phi (vì không có bình weis), có hiện tượng trứng tái dính.
- Trong quá trình ấp trứng dính trên giá thể và trứng đã được khử dính ở Thí nghiệm 2 xảy ra tình huống nước cấp bị mất.

Kết quả:

- Thí nghiệm 1: Cá bắt đầu đẻ 7 giờ sau khi tiêm kích dục tổ. Cá đẻ đồng loạt, đẻ róc, tỷ lệ đẻ 100%, tỷ lệ thụ tinh thấp 15%, tỷ lệ nở 0%.
- Thí nghiệm 2: Thời gian hiệu ứng dài hơn so với cho đẻ thụ tinh tự nhiên.. Con cá 2,3kg rụng trứng không đồng đều, trứng thu được không đáng kể (vuốt trứng

3 lần vẫn không hết). 3 cá cái còn lại rụng trứng và đẻ tốt. Tỷ lệ thụ tinh ở cá trứng dính trên giá thể và trứng được khử dính rất thấp, tỷ lệ nở 0%.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Phương pháp chọn cá đực và cá Chép cái cho đẻ? Đặc điểm đàn cá được sử dụng trong thí nghiệm (tuổi, khối lượng, nuôi vỗ thành thực)?
- Các dụng cụ và thiết bị cho cá chép đẻ thụ tinh nhân tạo và thụ tinh tự nhiên tại Trại cá Đá Bàn?
- Phương pháp tính toán và cách tiêm kích dục tố cho từng cá cái, đực? Thời điểm cho cá đẻ có phải là mùa vụ chính của cá Chép hay không? Cá cho đẻ chính vụ hay tái phát?
- Các thao tác kỹ thuật để vận hành các thiết bị cho cá đẻ và kích thích môi trường sinh thái? Kỹ thuật ấp trứng khô?
- Kỹ thuật khử dính và đánh giá chất lượng trứng đã khử dính?
- Phương pháp và cách thức đánh giá tỷ lệ đẻ của cá, tỷ lệ thụ tinh, tỷ lệ nở, thời gian phát triển phôi?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Đàm Bá Long, 1006. Bài giảng kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt. Trường ĐH thủy sản.
- Báo cáo thực tập giáo trình Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt của lớp 44NT1.
- Nguyễn Tường Anh, 2003. Kỹ thuật sản xuất giống một số loài cá nước ngọt. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Broodstock Management and Egg and Larval Quality. Edited by Niall R. Bromage & Ronald J. Roberts. Chapter 13 Carp (Cyprinidae), p 321-352.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này thuộc phần “*C. Kỹ thuật cho đẻ nhân tạo một số loài cá nuôi*” thuộc “*Chương IV - Kỹ thuật cho cá đẻ*”.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Nhận thức: Sinh viên tự tìm hiểu về kỹ thuật cho cá Chép sinh sản nhân tạo, từ đó liên hệ với kỹ thuật cho đẻ các đối tượng đẻ trứng dính khác như cá Tra, Ba sa, Bống tượng...
- Thái độ: làm cho sinh viên hứng thú hơn trong học tập.

- Kỹ năng: giúp sinh viên biết cách tổ chức và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề đặt ra, bao gồm tìm thông tin, tìm tài liệu, tra cứu, tổng hợp và thảo luận theo nhóm để đi đến thống nhất và đưa ra quyết định cuối cùng.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

- Mặc dù cá Chép là loài dễ sinh sản, tuy nhiên trong sinh sản nhân tạo với quy mô lớn, trong điều kiện thời tiết thay đổi đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả cho đẻ và tỷ lệ thụ tinh của trứng.
- Vấn đề này đề cập đến kỹ thuật cho cá Chép đẻ nhân tạo bằng cả 2 phương pháp thụ tinh tự nhiên và thụ tinh nhân tạo; kỹ thuật ấp nở trứng cá Chép bằng phương pháp khô và phương pháp ướt.
- Khi nghiên cứu xong vấn đề, gần như sinh viên hiểu và nắm vững các kỹ thuật cho đẻ và ấp nở trứng của các loài cá đẻ trứng dính tiêu biểu.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Đặc điểm sinh học, sinh học sinh sản cá Chép.
- Nguyên lý sinh sản cá trong tự nhiên và trong điều kiện nhân tạo.
- Quy trình kỹ thuật cho các loài cá nuôi sinh sản nhân tạo, bao gồm:
 - Các thiết bị cho cá đẻ.
 - Kỹ thuật chọn cá cho đẻ.
 - Kỹ thuật sử dụng kích dục tố và phương pháp tiêm.
 - Kỹ thuật cho cá đẻ thụ tinh tự nhiên và cho cá đẻ thụ tinh nhân tạo.
 - Kỹ thuật ấp nở trứng cá.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Toàn bộ công tác chuẩn bị, chia nhóm và hướng dẫn giải quyết vấn đề được tiến hành trước 1 tuần (1 tiết).
- Tổ chức thành 6 nhóm, mỗi nhóm 8-10 người.
- Thảo luận 1 tiết, trình bày 1 tiết.
- Giáo viên giới thiệu và cung cấp một số tài liệu liên quan, giải đáp những thắc mắc của các nhóm.
- Giáo viên tóm lược những điểm cần chú ý nhất của từng nhóm, bổ sung

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Các nhóm đánh giá chéo.

- Giáo viên đánh giá theo các tiêu chí đã lập sẵn (Tính chính xác của báo cáo, trình bày, diễn thuyết, sự hợp tác của nhóm)
- Cộng điểm vào bài kiểm tra sau khi quy đổi.

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

Hiện nay quy trình sản xuất cá rô phi đơn tính đực bằng hormone 17α Methyltestosteron được sử dụng khá phổ biến. Một vấn đề đang được đặt ra là các giải pháp kỹ thuật nào để nâng cao tỷ lệ chuyển đổi giới tính ở đàn cá được xử lý hormone theo quy trình này.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Cơ sở khoa học của phương pháp chuyển đổi giới tính cá bằng hormone?
- Quy trình xử lý hormone cho cá rô phi có bao nhiêu khâu? Khâu kỹ thuật nào có tính quyết định đến tỷ lệ chuyển đổi giới tính?
- Ảnh hưởng của kỹ thuật viên đến tỷ lệ chuyển đổi giới tính?
- Ảnh hưởng của điều kiện thiết bị và môi trường đến tỷ lệ chuyển đổi?
- Bản chất của 17α Methyltestosteron? Hormone này có ảnh hưởng đến sức khỏe của con người?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Quy trình sản xuất cá rô phi đơn tính đực bằng 17α Methyltestosteron, Viện Nghiên cứu NTTS 1, 2003.
- G.C. Mair, M.M. Tayamen, J.A. Beardmore and D.O.F. Skibinski, 1990. Developing Technologies for Control of Reproduction in Cultured Tilapia, *O. niloticus* (L.). Freshwater Aquaculture Center, Central Luzon State University, Munzo, Nueva Ecija 3120, Philippines.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này thuộc phần “*C. Kỹ thuật cho để nhân tạo một số loài cá nuôi*” thuộc “*Chương IV - Kỹ thuật cho cá đẻ*”.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Vấn đề này đề cập đến quy trình sản xuất giống cá rô phi, quy trình sản xuất rô phi đơn tính bằng hormone. Biện pháp kỹ thuật để nâng cao sức sinh sản của đàn cá, tỷ lệ chuyển đổi giới tính của đàn cá được xử lý.
- Khi nghiên cứu xong vấn đề, sinh viên hiểu và nắm vững các kỹ thuật nuôi vỗ cá bố mẹ, ghép cặp cho cá đẻ, thu và ấp nở trứng, các bước chuyển bị thức ăn và xử lý cá bằng thức ăn có trộn hormone, phương pháp đánh giá tỷ lệ chuyển đổi giới tính cá Rô phi, quản lý các khâu kỹ thuật.
- Nhận thức: Sinh viên tự tìm hiểu về kỹ thuật sản xuất cá Rô phi đơn tính đực bằng hormone 17 α Methyltestosteron.
- Thái độ: làm cho sinh viên hứng thú và quan tâm hơn trong học tập.
- Kỹ năng: giúp sinh viên biết cách tổ chức và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề đặt ra, bao gồm tìm thông tin, tìm tài liệu, tra cứu, tổng hợp và thảo luận theo nhóm để

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Thời gian qua, khi nhu cầu rất lớn về mặt hàng cá rô phi thương phẩm phục vụ cho xuất khẩu, cùng với chương trình xuất khẩu cá rô phi của Bộ thủy sản đã thu hút và đẩy lên phong trào nuôi cá rô phi ở rất nhiều địa phương.

Để nuôi cá rô phi đạt năng suất và chất lượng phục vụ cho xuất khẩu, việc sản xuất và cung cấp đàn giống rô phi toàn đực cho người nuôi là rất cần thiết. Đã có nhiều hoạt động chuyển giao công nghệ sản xuất Rô phi đơn tính đực bằng phương pháp hormone cho các địa phương, các trại sản xuất giống và người dân. Các đơn vị chuyển giao gồm Trung tâm khuyến ngư trung ương, các Viện, Trường.

Mặc dù tiêu chuẩn đặt ra tỷ lệ đực trong đàn giống được sản xuất theo công nghệ này có thể đạt 95 – 98%, nhưng khi triển khai sản xuất đại trà ở các trại giống thì tỷ lệ chuyển đổi giới tính thấp hơn nhiều so với quy trình. Bên cạnh đó các trại còn gặp khó khăn là lượng trứng mỗi lần thu để đưa vào ấp nở và xử lý không nhiều, điều này dẫn đến lượng giống không đáp ứng được như cầu của người nuôi. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến các vấn đề nảy sinh trên? Giải pháp kỹ thuật nào để nâng cao tỷ lệ chuyển đổi trong đàn giống, và tăng sức sinh sản cá trong mỗi lần thu trứng?

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Đặc điểm sinh học, sinh học sinh sản cá Rô phi.

- Giới thiệu sơ lược các phương pháp điều khiển giới tính ở cá. Cơ sở khoa học và sơ lược các công đoạn sản xuất rô phi đơn tính bằng hormone

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Toàn bộ công tác chuẩn bị, chia nhóm và hướng dẫn giải quyết vấn đề được tiến hành trước 1 tuần (1 tiết).
- Chia lớp theo nhóm, mỗi nhóm 8- 10 sinh viên.
- Giao vấn đề cho nhóm (1 tuần trước khi báo cáo), công bố các quy định cần thiết, cách đánh giá.
- Thảo luận 1 tiết, trình bày 1 tiết.
- Giáo viên giới thiệu và cung cấp một số tài liệu liên quan, giải đáp những thắc mắc của các nhóm.
- Giáo viên tóm lược những điểm cần chú ý nhất của từng nhóm, bổ sung.
- Mỗi nhóm sẽ báo cáo kết quả trong thời gian 15 phút + 10 phút thảo luận chung cả lớp. Báo cáo được trình bày trên PowerPoint.
- Đánh giá: được tiến hành công khai sau buổi báo cáo./.

9. Cách đánh giá và biện pháp khuyến khích

- Các nhóm đánh giá chéo.
- Giáo viên đánh giá theo các tiêu chí đã lập sẵn (Tính chính xác của báo cáo, trình bày, diễn thuyết, sự hợp tác của nhóm).

Con người và môi trường

Biên soạn: ThS. Nguyễn Văn Quỳnh Bôi – Viện Nuôi trồng Thủy sản

1. Nội dung vấn đề

Đứng trước tình hình dân số toàn cầu (và Việt Nam) đang gia tăng, nạn đói kém và vấn đề lương thực thực phẩm trở thành chủ đề của nhiều cuộc hội thảo. Bên cạnh đó, cùng với áp lực phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, các tác động của con người lên môi trường ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, việc khai thác nguồn lợi thủy sinh vật mà đặc biệt là sinh vật biển đã đạt đến mức giới hạn. Điều này ảnh hưởng trở lại sự phát triển của ngành chế biến thủy sản.

Vấn đề nêu trên cần được giải quyết như thế nào?

2. Hệ thống các câu hỏi

Để giúp cho sinh viên liên hệ giữa lý thuyết và thực tế, hiểu đúng bản chất của các mức độ tổ chức của hệ thống sống, nguyên lý phát triển và tiến hóa của sinh vật, của môi trường, vấn đề sẽ được định hướng bằng nhiều câu hỏi khác nhau, theo nhiều lĩnh vực và theo nhiều mức độ khác nhau:

1. Đối tượng/nguyên liệu được sử dụng cho công nghiệp chế biến thủy sản?
2. Ngành chế biến thủy sản thế giới và Việt Nam đang thiếu hụt những nguồn nguyên liệu thô nào?
3. Làm như thế nào để có thể giải quyết mâu thuẫn giữa đáp ứng nhu cầu cuộc sống của con người và đảm bảo tính bền vững của các nguồn tài nguyên biển?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Khoa (Chủ biên), Hoàng Xuân Cơ, Nguyễn Văn Cư, Nguyễn Xuân Cư, Lê Đức, Lưu Đức Hải, Thân Đức Hiền, Trần Khắc Hiệp, Nguyễn Đình Hoà, Phạm Ngọc Hồ, Trịnh Thị Thanh. Khoa học Môi trường. Nhà Xuất bản Giáo dục, 2002.
2. Nguyễn Trọng Nho - Nguyễn Văn Quỳnh Bôi. Con người và Môi trường (Bài giảng lưu hành nội bộ). Trường đại học Thủy sản, 1999.
3. Vũ Trung Tạng. Cơ sở sinh thái học (Giáo trình dung cho sinh viên khoa Sinh học, Trường đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội) (Tái bản lần thứ nhất). Nhà Xuất bản Giáo dục, 2000.
4. Nguyễn Văn Tuyên. Sinh Thái và Môi trường (Tái bản lần thứ ba). Nhà Xuất bản Giáo dục, 2000.

5. Nguyễn Thị Kim Thái – Lê Hiền Thảo. Sinh thái học và Bảo vệ Môi trường. Nhà Xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1999.
6. Lê Huy Bá. Môi trường. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia T.p Hồ Chí Minh, 2000.
7. Lê Huy Bá – Lâm Minh Triết. Sinh thái môi trường học cơ bản (Tái bản lần thứ nhất). Nhà Xuất bản đại học Quốc gia T.p Hồ Chí Minh, 2002.
8. Lê Huy Bá – Võ Đình Long. Kinh tế môi trường học. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia T.p Hồ Chí Minh, 2001.
9. Lê Huy Bá - Vũ Chí Hiếu - Võ Đình Long. Tài nguyên Môi trường và sự phát triển bền vững. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2002.
10. Lê Thị Thanh Mai. Giáo trình Môi trường và Con người. Đại học Quốc gia T.p Hồ Chí Minh, 2002
11. Bernard J.Nebel – Richard T. Wright. Environmental Science (Instructor’s Edition – Six Edition). Prentice-Hall, Inc; 1998.
12. Lê Trình - Phùng Chí Sỹ - Nguyễn Quốc Bình - Phạm Văn Vĩnh. Các Phương pháp giám sát và xử lý ô nhiễm môi trường (Hướng dẫn về KH-KT giám sát, đánh giá, xử lý ô nhiễm nguồn nước và không khí). Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường – Ban Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh Cần Thơ, 1992.

Ngoài ra sinh viên cũng có thể tham khảo thêm các trang web như: <http://www.thiennhien.net>. Nếu sinh viên có khả năng tiếng Anh thì có thể sử dụng công cụ tìm kiếm của trang web: <http://www.google.com> để tìm kiếm các thông tin phù hợp hoặc các trang web: www.fao.org, www.unep.org, www.nue.okstate.edu, www.undp.org.vn, www.census.gov,....

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề được nêu lên vào đầu chương II “Các nguyên lý cơ bản của sinh thái học”

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- **Kiến thức:** giúp cho sinh viên hiểu đúng các khái niệm về các mức độ tổ chức của hệ thống sống, đặc biệt ở mức quần thể, quần xã và hệ sinh thái với các tính chất “ hở”, “động” và “ đàn hồi”, mối liên hệ giữa sinh vật theo các mức độ tổ chức nêu trên với điều kiện môi trường, nguyên lý thích nghi và phát triển của các hệ thống nói trên.
- **Kỹ năng:** rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích và tổng hợp vấn đề, liên hệ lý thuyết và thực tế ngành nghề, thực tiễn cuộc sống.

- **Thái độ:** định hướng thái độ và hành vi ứng xử của sinh viên đối với môi trường tự nhiên nói riêng và môi trường sống của con người nói chung.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Như đã đề cập ở trên vấn đề mang tính thực tiễn của của cuộc sống và có tính chất định hướng ngành nghề cho sinh viên khối ngành CHẾ BIẾN THỦY SẢN. Tuy nhiên để hiểu đúng bản chất của vấn đề cần liên hệ giữa các hoạt động sống của con người với hệ sinh thái biển, với nguồn lợi sinh vật biển.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Vấn đề sẽ được trình bày sau khi sinh viên đã học xong các nội dung của chương đầu tiên là chương Sinh thái học và Khoa học môi trường.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Để thuận tiện trong việc triển khai các nội dung của vấn đề, làm rõ bản chất của các mức độ tổ chức của các hệ thống sống và mối liên hệ giữa hoạt động sống của con người với nguồn lợi sinh vật biển, lớp học nên được phân theo nhóm 8-10 sinh viên/nhóm để chuẩn bị và trình bày, thảo luận theo nhóm chủ đề.

Chủ đề 1: Sự biến động lượng nguyên liệu thủy sản

- a. Tác động của các yếu tố sinh thái đến sinh vật biển
- b. Sự biến động số lượng cá thể của quần thể
- c. Các vấn đề kích thước của quần thể, mật độ quần thể, cấu trúc tuổi của quần thể trong mối liên hệ với môi trường.
- d. Tác động của vấn đề khai thác và các biện pháp bảo tồn quần thể.

Chủ đề 2: Quần xã sinh vật biển đang bị suy thoái? Hay mối liên hệ giữa các sinh vật biển trong quần xã.

- a. Cấu trúc thành phần loài của quần xã sinh vật biển theo thời gian
- b. Cấu trúc thành phần loài của quần xã sinh vật biển theo không gian
- c. Mối liên hệ giữa các sinh vật biển trong quần xã
- d. Đề xuất các biện pháp khắc phục sự thiếu hụt nguyên liệu chế biến thủy sản

Chủ đề 3: Hệ sinh thái biển đang bị suy thoái?

- a. Chuyển hóa năng lượng và vật chất trong hệ sinh thái và hệ sinh thái biển
- b. Diễn thế sinh thái và các vấn đề của hệ sinh thái ven bờ thế giới và Việt Nam
- c. Cân bằng hệ sinh thái ven bờ/ hệ sinh thái biển Việt Nam

d. Các biện pháp nhằm bảo đảm cân bằng hệ sinh thái nói chung và hệ sinh thái ven bờ nói riêng

Chủ đề 4: Phân tích các tác động/ ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội loài người đến nguồn lợi sinh vật biển – nguyên liệu của ngành chế biến

- a. Gia tăng dân số
- b. Gia tăng nhu cầu
- c. Ảnh hưởng của mất cân bằng sinh thái toàn cầu

Cấu trúc Máy tính

Biên soạn: TS. Đinh Đồng Lương - Khoa Công nghệ thông tin

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Máy tính là công cụ không thể thiếu trong công việc sau này của mỗi sinh viên ngành Kế toán – Tin học. Bây giờ bạn thử đóng vai là nhân viên của một công ty đã nhận bạn về làm kế toán máy và bạn được công ty giao một máy tính để phục vụ công việc làm kế toán. Một ngày nào đó máy tính của bạn không khởi động được khi đó bạn sẽ làm gì để giải quyết sự cố trên? (loại trừ trường hợp gọi chuyên gia)

2. Hệ thống các câu hỏi

- Tại sao màn hình máy tính hiển thị được hai trang màn hình đen trắng và dừng lại rồi hiển thị thông báo “DISK BOOT FAILURE, INSERT SYSTEM DISK AND PRESS ENTER”?
- Tại sao màn hình máy tính hiển thị được một trang màn hình đen trắng rồi bị treo?
- Tại sao mỗi khi khởi động máy tính, màn hình hiển thị thông báo “Press F1 to continue, DEL to enter setup” và dừng lại, tôi phải nhấn F1 thì máy tính Tại sao khi bật máy tính, máy không khởi động mà phát ra những tiếng beep ngắn liên tục?
- Tại sao đèn đĩa mềm luôn sáng khi máy tính hoạt động?

Câu hỏi đặt ra cho các vấn đề trên: *Bạn hãy cho biết những nguyên nhân và cách khắc phục cho trường hợp trên.*

Vấn đề giải quyết:

- Cơ sở lý luận, quy trình để nhận biết nguyên nhân sự cố khi máy tính không hoạt động được.
- Áp dụng sơ đồ chẩn đoán và đưa ra nguyên nhân cho sự cố trên.
- Trình bày một số sự cố tương tự khi khởi động máy tính và nêu phương pháp khắc phục sự cố.
- Một số chỉ dẫn làm sao để sử dụng máy tính một cách hiệu quả?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Bài giảng cấu trúc, lắp ráp và bảo trì máy tính – *Đinh Đồng Lương* – ĐH Nha Trang.

- [2]. Hướng dẫn Kỹ thuật lắp ráp – Cài đặt, nâng cấp và bảo trì máy tính đời mới – Nguyễn Thu Thiên
- [3]. Tạp chí Tin học và Đời sống – Hội tin học Việt nam
- [4]. Chuyên đề Tin học – Lê Hoàn
- [5]. Mainboard User’s Guide
- [6]. www.Intel.com, www.Gigabyte.com

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề của bài số 5 trong môn học Cấu trúc Máy tính, vấn đề này được giải quyết giúp học viên có cái nhìn tổng quát về máy tính, đặc biệt vấn đề trình bày dẫn sinh viên tới giải quyết hai mục lớn trong môn học “ Mối liên kết các thành phần bên trong máy tính và hoạt động cơ bản máy tính” : Vấn đề được trình bày nằm trong bài 5 của chương trình học.

Bài 5: Sử dụng máy tính hiệu quả

- I. Sơ đồ chẩn đoán hư hỏng máy tính
- II. Thiết lập BIOS, làm sao sử dụng máy tính có hiệu quả.
- III. Chẩn đoán và giải quyết sự cố thường gặp khi khởi động máy tính

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

+ *Mục tiêu nhận thức (kiến thức)*

- Hiểu quy trình khởi động máy tính
- Hiểu biết chức năng BIOS và cách thiết lập cấu hình tối ưu máy tính
- Hiểu và vận dụng quy trình kiểm tra, chẩn đoán và sửa chữa lỗi thường gặp khi sử dụng máy tính

+ *Mục tiêu thái độ*

- Ý thức trong việc sử dụng máy tính
- Nhận thức được ưu điểm cũng như nhược điểm làm việc theo nhóm

+ *Mục tiêu kỹ năng*

- Khả năng sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính
- Khả năng giải quyết vấn đề
- Khả năng tư duy khoa học
- Khả năng làm việc theo nhóm

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Máy tính là thiết bị không thể thiếu đối tất cả các cơ quan, xí nghiệp. Vấn đề được nêu là những tình huống thường xuyên gặp phải đối với người sử dụng máy tính

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- a. Tổng quan về phân cứng máy tính
- b. Nguyên lý hoạt động cơ bản của máy tính
- c. Đã tìm hiểu các chức năng trên BIOS

Qua vấn đề được nêu nhằm dẫn sinh viên tới vấn đề cần tìm hiểu: Cơ sở lý luận nào giúp sinh viên có thể kiểm tra, chẩn đoán hư hỏng phần cứng và phần mềm máy tính.

Đây là vấn đề thường gặp đối với những người đang hằng ngày làm việc với máy tính. Vấn đề đã nêu là hiện tượng không mong muốn đối người sử dụng nhưng lại thường xuyên xảy ra.

Vấn đề được nêu có thể giải quyết tối ưu hơn sau khi người dùng đã được học trang bị kiến thức bài học. Từ đó có thể kiểm tra, chẩn đoán và sửa chữa các lỗi thường gặp khi sử dụng máy tính.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Lớp được chia nhóm, mỗi nhóm có số lượng từ 8 đến 11 sinh viên. Trong đó một trưởng, một thư ký và thành viên.
- Thời gian thảo luận của nhóm là 20 phút. Sau đó từng nhóm cử đại diện lên báo cáo trình bày nguyên nhân, các phương án cách khắc phục và sửa chữa có thể, các nhóm báo cáo 5 phút, kết thúc báo cáo các nhóm khác mỗi nhóm có quyền đặt câu hỏi cho nhóm báo cáo theo thứ tự.
- Sinh viên báo cáo, giáo viên làm ban giám khảo để ghi nhận các câu hỏi phản biện các nhóm cho nhóm báo cáo và phần trình bày của nhóm để cho điểm. Điểm đánh giá cho các nhóm sẽ được tính như một cột điểm kiểm tra.
- Sau thời gian thảo luận và báo cáo các nhóm trong vòng 2 tiết học 90 phút (đối lớp sỹ số 30-50 sinh viên). Giáo viên là người tổng kết vấn đề đã nêu nhấn mạnh 3 ý chính của vấn đề cần tìm hiểu là:
 - o Hiểu quy trình khởi động máy tính
 - o Biết chức năng BIOS và biết cách thiết lập cấu hình tối ưu máy tính
 - o Hiểu và vận dụng quy trình kiểm tra, chẩn đoán và sửa chữa lỗi thường gặp khi sử dụng máy tính
 - o Những lời khuyên khuyên để sử dụng máy tính hiệu quả

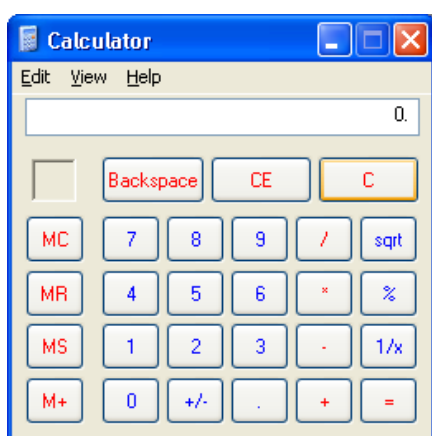
Từ vấn đề nêu trên giáo viên dẫn vấn đề bài học cần trình bày và sử dụng các ý thảo luận làm ví dụ cho phần nguyên cứu lý thuyết.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Mỗi nhóm sẽ báo phần thảo luận của nhóm về vấn đề đã nêu theo mẫu để Giáo viên đánh giá cho điểm
- Khi các nhóm báo cáo mỗi ý kiến đóng góp của nhóm khác đều được ghi nhận để cộng vào điểm báo cáo cho cả nhóm

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề



Máy tính là công cụ hỗ trợ con người tính toán, nhờ có máy tính mà việc tính toán của con người sẽ nhanh hơn và chuẩn xác hơn. Vậy câu hỏi đặt ra, các phép tính số học(+, -, *, /) được máy tính thực hiện như thế nào? Sự khác nhau giữa con người và máy tính trong việc lưu trữ, tính toán là gì?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Hệ thống đếm sử dụng trong máy tính để thực hiện các phép tính là hệ nào?
- Trình bày các thuật giải cộng, trừ, nhân, chia sử dụng bên trong máy tính.
- Minh họa các phép tính toán số học trong máy tính.

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- [1]. Willian Stllings - Computer Organization and Architecture.
- [2]. Andrew Stamenbaum – Structure Computer Organization.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề được nêu nằm trong chương 3 của môn học “Kiến trúc máy tính” vấn đề này được giải quyết giúp sinh viên hiểu rõ cách biểu diễn dữ liệu và số học trong máy tính.

Chương 3: Biểu diễn dữ liệu và số học máy tính

10. Hệ đếm

11. Mã hóa và lưu trữ dữ liệu trong máy tính

12. Biểu diễn dữ liệu số và phi số trong máy tính

13. Số học nhị phân

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

+ Mục tiêu nhận thức (kiến thức)

- Hiểu nguyên tắc xây dựng các hệ thống đếm có sử dụng trong máy tính: Hệ 2, 10, 16,...
- Nguyên tắc lưu trữ dữ liệu trong máy tính theo hai nguyên tắc little-endian và big-endian.
- Nguyên tắc thực hiện các phép toán số học và logic thông qua thuật toán cụ thể.

+ Mục tiêu thái độ

- Ý thức trong việc sử dụng máy tính
- Tự tin trong chuyên môn
- Nhận thức được ưu điểm cũng như nhược điểm làm việc theo nhóm

+ Mục tiêu kỹ năng

- Khả năng giải thích và khắc phục được lỗi tràn số dẫn đến tính toán có kết quả sai trong máy tính
- Khả năng giải quyết vấn đề liên quan tính toán số học và logic
- Khả năng tư duy khoa học
- Khả năng làm việc theo nhóm

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Việc tính toán trên máy tính đã được thực hiện nhờ máy tính từ rất lâu. Tuy nhiên để hiểu được cặn kẽ vấn đề thì đòi hỏi sinh viên tìm hiểu dưới sự hướng dẫn giáo viên. Vì vậy, vấn đề được nêu ra nhằm giúp sinh viên ngành công nghệ thông tin nắm bắt tốt nhất các vấn đề liên quan lưu trữ, tính toán trên máy tính.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- a. Tổng quan về hệ thống máy tính
- b. Khái niệm thông tin và xử lý thông tin trên máy tính điện tử

Vấn đề giải quyết giúp sinh viên tự tin trong việc tìm hiểu sâu về hệ thống cho các môn học tiếp theo thông qua việc sử dụng các ngôn ngữ lập trình cấp thấp.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Chia nhóm:

Chia mỗi nhóm gồm 8 đến 10 sinh viên. Mỗi nhóm bầu ra một thư ký ghi chép lại nội dung thảo luận và một nhóm trưởng để điều phối.

Vấn đề gợi ý cho sinh viên tìm hiểu ngay từ khi bắt đầu môn học.

Phương tiện cung cấp: Mỗi nhóm sẽ được cung cấp giấy A4 để tiện ghi chép nội dung thảo luận và một phiếu câu hỏi in sẵn theo mẫu sau:

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM

Nhóm sinh viên: <tên nhóm đặt tùy ý>

Vấn đề thảo luận dựa câu hỏi sau:

1. Hệ thống đếm được sử dụng trong máy tính để thực hiện các phép tính toán là hệ nào? Tại sao?
2. Thông tin lưu trữ trong bộ nhớ máy tính theo nguyên tắc nào? Đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin là gì? Cho ví dụ về cách lưu trữ giá trị của các biến được sử dụng trong ngôn ngữ.
3. Cách biểu diễn số nguyên, số thực và ký tự trong bộ nhớ máy tính được biểu như thế nào?

4. Quy tắc để thực hiện các phép tính (+, -, *, /) trong máy tính được thực hiện như thế nào? Minh họa.

Hình thức và thời gian thảo luận

- Mỗi nhóm phân có số lượng từ 8 đến 10 sinh viên. Trong đó một trưởng nhóm, một thư ký và các thành viên.
- Thời gian thảo luận của nhóm là 30 phút. Giáo viên thu lại tất cả phần thảo luận của các nhóm. Sau đó từng nhóm cử đại diện lên trình bày phần thảo luận dựa vào nội dung đã viết trong phần thảo luận.
- Sinh viên báo cáo, giáo viên làm ban giám khảo để ghi nhận và đánh giá nội dung thảo luận. Điểm đánh giá cho các nhóm sẽ được tính như một cột điểm kiểm tra.
- Sau thời gian báo cáo các nhóm giáo viên là người tổng kết vấn đề đã nêu nhấn mạnh 4 ý chính của vấn đề cần tìm hiểu là:
 - o Hệ thống đếm máy tính hỗ trợ
 - o Mã hóa và lưu trữ dữ liệu trong máy tính
 - o Biểu diễn số nguyên, số thực và ký tự trong máy tính
 - o Thực hiện các phép toán số học trong máy tính

Từ vấn đề nêu trên giáo viên dẫn sinh viên tới vấn đề bài học cần trình bày và sử dụng các ý thảo luận làm minh họa cho phần lý thuyết.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Mỗi nhóm đều phải báo cáo phần thảo luận của nhóm về vấn đề đã nêu theo mẫu để giáo viên đánh giá cho điểm.
- Sau khi các nhóm báo cáo xong, các nhóm khác có thể chỉ ra được ý phát biểu sai của các nhóm khác. Mỗi phát hiện nội dung bất hợp lý trong báo cáo của nhóm khác, nhóm phát hiện sẽ được cộng điểm cho cả nhóm của sinh viên đó.

VẤN ĐỀ 3

1. Nội dung vấn đề

Trong buổi thực hành viết chương trình Pascal đầu tiên, bạn Nam tập viết những chương trình đơn giản để làm quen ngôn ngữ, trong buổi thực hành hôm đó bạn Nam đã gặp hai chương trình khi viết xong và nhấn Ctrl+F9 để chạy. Chương trình của bạn Nam không chạy mà có thông báo lỗi (như trong hình minh họa sau). Bạn hãy giúp Nam bằng các giải thích nguyên nhân của lỗi trên. Khắc phục.

Minh họa:

```

Turbo Pascal 7.0
File Edit Search Run Compile Debug Tools Options Window Help
TEST.PAS
Error 3: Unknown identifier.
Program Test;
Begin
  Writeln<'CHUONG TRINH TINH BINH PHUONG'>;
  Write<'Nhap so nguyen n:= '>; readln<n>;
  x:=n*n;
  Write<'Ket qua binh phuong la: ',x>;
End.
7:42
F1 Help F2 Save F3 Open Alt+F9 Compile F9 Make Alt+F10 Local menu

```

```

Turbo Pascal 7.0
File Edit Search Run Compile Debug Tools Options Window Help
TEST.PAS
Error 26: Type mismatch.
Program Test;
const n =10;
var m,x : integer;
Begin
  m:=2006;
  x:=m/n;
  Write<'Ket qua phép chia gia m cho n la: ',x>;
End.
12:12
F1 Help F2 Save F3 Open Alt+F9 Compile F9 Make Alt+F10 Local menu

```

2. Hệ thống các câu hỏi

- Trong ngôn ngữ TP có những cách khai báo dữ liệu nào?
- Các kiểu dữ liệu đã được TP định nghĩa sẵn. Chúng được sử dụng như thế nào?
- Phương pháp khai báo dữ liệu cho một chương trình?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Turbo pascal 7.0 - Phần trợ giúp trong chương trình Turbo Pascal

[2]. Quách Tuấn Ngọc - Ngôn ngữ lập trình pascal

[3]. Tài liệu có tiêu đề chứa từ khóa “Pascal” hoặc “Turbo pascal”

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề nằm trong chương 2 môn học Nhập môn tin học A, vấn đề này được giải quyết dẫn sinh viên tới giải quyết hai mục lớn trong môn: Các kiểu dữ liệu và Khai báo dữ liệu.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

+ *Mục tiêu nhận thức (kiến thức)*

- Hiểu được ý nghĩa của việc khai báo dữ liệu trong chương trình
- Biết cách khai báo dữ liệu hợp lý cho chương trình bất kỳ

+ *Mục tiêu thái độ*

- Rèn luyện tính cẩn thận trong công việc và tiết kiệm trong sử dụng
- Nhận thức được ưu điểm cũng như nhược điểm làm việc theo nhóm

+ *Mục tiêu kỹ năng*

- Có khả năng khai báo, sắp xếp một cấu trúc dữ liệu hợp lý trong chương trình máy tính bất kỳ
- Khả năng giải quyết vấn đề
- Khả năng tư duy khoa học
- Khả năng làm việc theo nhóm

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Để viết được chương trình thì việc khai báo cấu trúc dữ liệu là cần thiết. Hơn thế nữa việc khai báo hợp lý nó thể hiện sự chuyên nghiệp và hiểu tường tận bản chất vấn đề tìm hiểu.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Đọc trước tài liệu ở nhà
- Viết chương trình đơn giản
- Có kiến thức toán học

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Chia nhóm:

Chia lớp ra thành từng nhóm mỗi nhóm gồm 8 đến 10 sinh viên. Mỗi nhóm bầu ra một thư ký ghi chép lại toàn bộ nội dung thảo luận và một nhóm trưởng để điều phối.

Hình thức và thời gian thảo luận:

- Chia lớp ra thành các nhóm có số lượng từ 8 đến 10 sinh viên. Trong đó một trưởng, một thư ký và các thành viên.
- Thời gian thảo luận của nhóm là 20 phút. Sau đó tất cả các nhóm nộp lại phần thảo luận và từng nhóm cử đại diện lên báo cáo ngắn gọn nội dung nhóm thảo luận. Điểm sẽ tính cho cả nhóm như một lần kiểm tra.
- Sau thời gian thảo luận và báo cáo các nhóm trong vòng 2 tiết học 90 phút (đối lớp sỹ số 30-50 sinh viên). Giáo viên là người tổng kết vấn đề đã nêu nhấn mạnh 3 ý chính của vấn đề cần tìm hiểu là:
 - o Ý nghĩa của việc khai báo dữ liệu khi viết chương trình.
 - o Các loại khai báo có sử dụng trong Turbo Pascal, cách khai báo.
 - o Các kiểu dữ liệu TP hỗ trợ.

Từ vấn đề nêu trên giáo viên dẫn sinh viên tới vấn đề bài học cần trình bày và sử dụng các ý thảo luận làm ví dụ cho phần nguyên cứu lý thuyết

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Mỗi nhóm sẽ báo cáo phần thảo luận của nhóm về vấn đề đã nêu theo mẫu để Giáo viên đánh giá cho điểm.
- Khi các nhóm báo cáo mỗi ý kiến đóng góp của nhóm khác đều được ghi nhận để cộng vào điểm báo cáo cho cả nhóm.

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM

Nhóm sinh viên:<tên nhóm đặt tùy ý>

Vấn đề thảo luận dựa câu hỏi sau:

1. Bạn cho biết nguyên nhân sinh ra lỗi của hai vấn đề trên là gì?

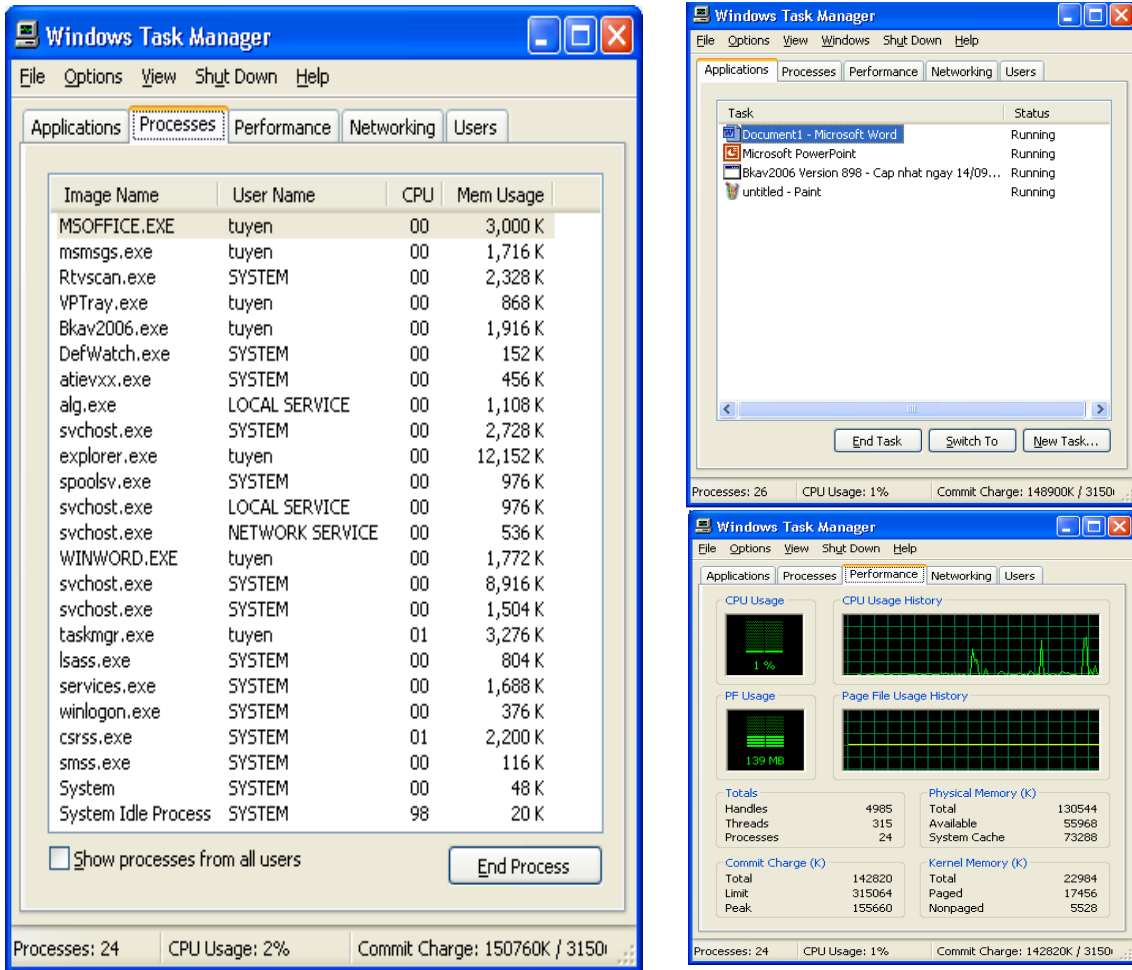
2. Bạn cho biết giá trị (dữ liệu) trước và trong khi chạy chương trình được lưu trữ ở đâu?

3. Bạn cho biết TP hỗ trợ những kiểu dữ liệu nào?

4. Theo bạn dựa vào cơ sở nào để giúp bạn Nam chúng ta chuẩn bị được những không gian thích hợp để lưu trữ những giá trị của chương trình.

VẤN ĐỀ 4

1. Nội dung vấn đề



Tiến trình(Process) là một chương trình đang xử lý, chúng cần sở hữu một con trỏ lệnh, tập thanh ghi và các biến. Để hoàn thành các tác vụ của tiến trình, tiến trình cần đến một số tài nguyên như: CPU, bộ nhớ chính, các tập tin và thiết bị nhập xuất. Vậy tại một thời điểm hoạt động máy tính, thường máy tính có nhiều hơn một tiến trình hoạt động mà tài nguyên có giới hạn. Vậy HĐH sẽ quản lý các tiến trình đang thực hiện như thế nào để thỏa mãn tất cả yêu cầu của tiến trình?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Các trạng thái của một tiến trình khi nạp vào trong hệ thống(Ready, running và blocked).
- Các chiến lược điều phối tiến trình (FIFO, RR, Ưu tiên, SJF,...)
- Làm thế nào để sử dụng phương pháp điều phối thích hợp.

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thanh Tùng - Giáo trình Hệ Điều Hành – ĐH Bách Khoa Hà Nội.

[2]. Trần Hạnh Nhi, Lê Khắc Nhiên Ân – Giáo trình Hệ Điều Hành – ĐH Quốc Gia Tp HCM.

[3]. Vũ Lê Hùng – Giáo trình Hệ Điều Hành - ĐH Bách Khoa Tp HCM

[4]. Andrew Tanenbaum – Modern Operating Systems

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề được nêu nằm trong chương 2 của môn học “Hệ điều hành” giành cho sinh hệ ĐH năm 3. Trong chương này giúp sinh viên nhận thức vai trò quan trọng của hệ điều hành trong việc điều phối tiến trình hoạt động.

Chương 2: Quản lý tiến trình

14. Đặt vấn đề

15. Tiến trình và tiểu trình

16. Điều phối tiến trình

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

+ *Mục tiêu nhận thức (kiến thức)*

- Hiểu khái niệm cơ bản về tiến trình, nguyên tắc hoạt động các tiến trình trong hệ thống máy tính.
- Hiểu và phân tích được ưu nhược điểm của các phương pháp điều phối tiến trình trong Hệ điều hành.
- Hiểu khái niệm về ngắt, nguyên tắc xử lý ngắt.

+ *Mục tiêu thái độ*

- Ý thức trong việc sử dụng máy tính.
- Nhận thức được ưu điểm cũng như nhược điểm làm việc theo nhóm

+ *Mục tiêu kỹ năng*

- Khả năng giải quyết vấn đề phức tạp(liên quan tranh chấp)
- Khả năng tư duy khoa học
- Khả năng làm việc theo nhóm

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Máy tính hoạt động được phải có chương trình. Khi một chương trình đang thực hiện gọi là tiến trình. Vậy để máy tính có thể hoạt động tốt thì chắc chắn rằng HĐH quản lý tốt tiến trình hoạt động, thì người sử dụng nên biết phương pháp, nguyên lý trong việc quản lý tiến trình của HĐH để phần nào khắc phục lỗi tranh chấp cũng như tình huống không thể xử lý (hiện treo máy) qua việc sử dụng máy tính của một người hiểu biết.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Kiến thức lập trình cơ bản
- Kiến thức môn học “Kiến trúc máy tính”
- Trong môn HĐH đã học

Chương 1 : Tổng quan về Hệ Điều Hành

- i. Các khái niệm cơ bản
- ii. Cấu trúc hệ điều hành
- iii. Giới thiệu về các HĐH

Qua vấn đề được nêu nhằm dẫn sinh viên tới vấn đề cần tìm hiểu: Cơ sở lý luận và các giải thuật phổ biến mà máy tính đang sử dụng để quản lý tiến trình tối ưu nhất.

Đây là vấn đề thường gặp đối với những người đang hằng ngày làm việc với máy tính. Vấn đề treo máy, lỗi phần mềm có thể là nguyên nhân của việc điều phối tiến trình chưa hiệu quả của Hệ Điều Hành.

Vấn đề được nêu trang bị cho sinh viên kiến thức giúp họ có thể giải quyết tốt vấn đề tranh chấp tài nguyên hệ thống một cách hiệu quả.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Chia nhóm:

Chia lớp ra thành từng nhóm mỗi nhóm gồm 8 đến 10 sinh viên. Mỗi nhóm nên bầu ra một thư ký ghi chép lại nội dung thảo luận và một nhóm trưởng để điều phối công việc nhóm.

Vấn đề gợi ý trước lớp sinh viên có sử dụng đèn chiếu minh họa rõ ràng vấn đề cần thảo luận. Các nhóm sẽ thảo luận chung một vấn đề đã đưa ra theo câu hỏi theo mẫu đã in sẵn phát cho các nhóm (có thêm phần gợi ý)

Hình thức và thời gian thảo luận:

- Thời gian thảo luận của nhóm là 20 phút. Giáo viên thu lại thông tin thảo luận các nhóm. Sau đó từng nhóm cử đại diện lên báo cáo trình bày phân thảo luận dựa trên câu hỏi sẵn.
- Điểm đánh giá sau khi các nhóm đã báo cáo hết. Giáo viên dựa trên thông tin đúng của nhóm và cho điểm, điểm này sẽ được tính như một cột điểm kiểm tra.
- Sau thời gian thảo luận và báo cáo các nhóm trong vòng 2 tiết học 90 phút (đối lớp sỹ số 30-50 sinh viên). Giáo viên là người tổng kết vấn đề đã nêu nhấn mạnh 3 ý chính của vấn đề cần tìm hiểu là:

- Các trạng thái của một tiến trình trong hệ thống.
- Các tác vụ đối với một tiến trình.
- Các thuật toán liên quan đến chiến lược điều phối tiến trình(precess).

Từ vấn đề nêu trên giáo viên dẫn vấn đề bài học cần trình bày và sử dụng các ý thảo luận là ví dụ cho phần nguyên cứu lý thuyết

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Mỗi nhóm sẽ báo phần thảo luận của nhóm về vấn đề đã nêu theo mẫu đề Giáo viên đánh giá cho điểm
- Giáo viên luôn đặt ra câu hỏi cho thành viên trong nhóm không báo cáo, nhằm giúp cả nhóm cùng tranh luận và giúp đỡ nhau cùng hiểu vấn đề nhóm đưa ra.

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM

Nhóm sinh viên:<tên nhóm đặt tùy ý>

Vấn đề thảo luận dựa câu hỏi sau:

5. Bạn cho biết sự khác nhau cơ bản giữa tiến trình và tiểu trình?

6. Các trạng thái của một tiến trình khi nạp vào trong hệ thống(Ready, running và blocked)

7. Các chiến lược điều phối tiến trình (FIFO, RR, Ưu tiên, SJF,...)

8. Làm thế nào để sử dụng phương pháp điều phối thích hợp.

Kỹ thuật an toàn và môi trường

Biên soạn: TS. Hồ Đức Tuấn - Khoa Kỹ thuật Giao thông

1. Nội dung vấn đề

Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, hàng năm cả thế giới tiêu thụ nguồn nguyên liệu tương đương 8 tỷ tấn dầu qui đổi, trong đó 90% có nguồn gốc từ nhiên liệu hóa thạch như dầu, than đá, khí đốt tự nhiên. Một lượng không nhỏ nhiên liệu hóa thạch có nguồn gốc từ dầu mỏ được sử dụng trong ngành giao thông vận tải. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, tiếng ồn và là tác nhân của hiệu ứng nhà kính làm cho trái đất đang nóng lên gây ra nhiều hậu quả cho môi trường sống của chúng ta. Theo anh (chị) chúng ta nên có biện pháp gì để giảm thiểu sự phát sinh của hiện tượng hiệu ứng nhà kính mà các nước đang phát triển đang còn phải đối mặt ?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Định nghĩa và nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường không khí?
- Những nguyên nhân tạo ra khí độc trong khí thải động cơ đốt trong?
- Thế nào là hiệu ứng nhà kính? Các thành phần nào trong khí thải động cơ đốt trong gây ra hiệu ứng nhà kính?
- Các biện pháp hiện nay nhằm làm giảm sự tăng nhiệt độ của hiệu ứng nhà kính nói chung và của ngành giao thông vận tải nói riêng?
- Theo anh (chị) Việt Nam cần có biện pháp gì để ngăn chặn sự gia tăng của hiệu ứng nhà kính và giảm ô nhiễm môi trường không khí nâng cao chất lượng môi trường?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- GS.TS Trần Văn Địch. Kỹ thuật an toàn và Môi trường. NXB Khoa học kỹ thuật – Hà Nội 2005
- Hồ Đức Tuấn. BÀI GIẢNG Kỹ thuật an toàn và Môi trường. Trường Đại học Nha Trang – 2006.
- GS.TS Lê Văn Khoa . Khoa học môi trường. NXB- Giáo dục 2001
- GS.TS Nguyễn Tất Tiến. Nguyên lý động cơ đốt trong. NXB –Giáo dục 2004
- PGS.TS Phạm Minh Tuấn. Động cơ đốt trong. NXB. KHKT 2005.

- PGS.TS NGUYỄN VĂN NHẬN. LÝ THUYẾT ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Nông Nghiệp 2001
- Phạm Ngọc Đăng. Môi trường khí. NXB Khoa học – 1997
- Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc – Bộ kế hoạch và đầu tư. Tiến trình hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam, 2/1999
- Tuyên bố RIO về môi trường và phát triển 1992.
- Các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, 1995. NXB Chính trị quốc gia.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này nằm trong tiết thứ 40-45 chương 11 môn học Kỹ thuật an toàn và Môi trường dùng cho ngành động lực – Khoa cơ khí Đại học Nha Trang.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Giúp sinh viên nắm vững khái niệm định nghĩa về ô nhiễm môi trường, nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn, các thành phần độc hại trong khí thải động cơ sử dụng trong ngành giao thông vận tải. Các phương pháp giảm độ độc hại trong khí thải động cơ.
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự nghiên cứu, tự giải quyết một vấn đề đặt ra dựa vào việc tìm kiếm tài liệu và thực tế.
- Giúp cho sinh viên có tính tư duy, có các kỹ năng liên hệ thực tế trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Sinh viên phải có thái độ nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu lý thuyết về quá trình cháy để tìm ra nguyên nhân gây ra các thành phần độc hại trong khí thải.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Các khái niệm về môi trường và bảo vệ môi trường; Phát triển bền vững bảo vệ môi trường trong tài liệu kỹ thuật an toàn và môi trường.
- Sinh viên đã được trang bị kiến thức về các nguồn gây ra ô nhiễm không khí nói chung và ô nhiễm môi trường không khí do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia nhóm 8 -10 sinh viên cùng tìm kiếm tài liệu, thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình trước lớp, mỗi nhóm trình bày trong vòng 10 phút các nhóm khác cùng nghe và chất vấn: 20 phút. Giáo viên là giám khảo đưa ra kết luận cuối cùng

về vấn đề chất vấn, các câu hỏi hay được nhóm trả lời tốt sẽ được cộng điểm vào phần đánh giá cuối cùng.

- Thời gian SV chuẩn bị: 2 tuần trước khi báo cáo trong vòng 4 tiết, 6 nhóm / 1lớp; 15 phút cuối giáo viên đưa ra nhận xét cuối cùng và cho điểm với từng nhóm, chốt lại những điểm phải biết, những điểm cần biết và điểm nên biết của bài học.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đủ nội dung, trình bày đẹp, logic: đạt yêu cầu
- Thiếu nội dung, chuẩn bị không tốt, trình bày xấu: không đạt yêu cầu
- Nhóm không đạt yêu cầu hoặc đạt yêu cầu nhưng có điểm báo cáo < 7đ phải thực hiện bài kiểm tra để lấy điểm kiểm tra cho môn học.
- Cộng 1 điểm cho báo cáo viên hoặc các thành viên trong nhóm nếu trả lời xuất sắc các câu hỏi phản biện của các nhóm khác hoặc của giáo viên hướng dẫn nếu giáo viên cảm thấy có điểm nào cần phải hỏi sâu hơn để đánh giá khả năng hiểu vấn đề của nhóm.
- Cộng 1 điểm cho những nhóm có phương pháp trình bày đẹp, có hình ảnh minh họa và đưa ra được nhiều dẫn chứng trong thực tế (có chứng minh hoặc xuất xứ cụ thể).
- Miễn kiểm tra môn học cho nhóm có thành tích báo cáo đạt điểm 8 trở lên và lấy điểm báo cáo làm điểm kiểm tra.
- Trừ một điểm vào điểm kiểm tra các thành viên của nhóm không tích cực trong việc tham gia.

Nhiên liệu và Vật liệu bôi trơn

Biên soạn: TS. Hồ Đức Tuấn - Khoa Kỹ thuật Giao thông

1. Nội dung vấn đề

Nước ta hiện có khoảng gần mười nghìn cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu, trong đó có khoảng hơn sáu nghìn điểm bán lẻ. Hiện đã xảy ra tình trạng pha trộn xăng với dầu lửa, dầu máy bay, thậm chí thuốc trừ sâu để bán. Không ít cây xăng bị làm sai số giữa giá tiền và định lượng để thu lợi bất chính. Điều này đã gây ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của động cơ xăng. Theo anh (chị) chúng ta nên có biện pháp nào để ngăn chặn hiện tượng trên?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Thế nào gọi là tính chống kích nổ ?
- Những nguyên nhân gây ra kích nổ trong động cơ xăng?
- Số ốc tan trong xăng ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng của xăng ô tô?
- Các biện pháp hiện nay nhằm tăng tính chống kích nổ của động cơ xăng?
- Việc pha lẫn xăng có chất lượng kém hoặc dầu máy bay...vào các loại xăng chất lượng cao hơn để thu lợi bất chính ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng cũng như sự hoạt động của động cơ xăng?
- Theo anh (chị) chúng ta cần có biện pháp gì để phát hiện và ngăn chặn hiện tượng pha lẫn xăng nêu ra ở trên để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng? Tìm hiểu trong thực tế người ta đã sử dụng phương pháp nào?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- PGS.TS Nguyễn Văn Nhận. BÀI GIẢNG NHIÊN LIỆU VÀ CHẤT BÔI TRƠN. Trường Đại học Thủy sản – 2004.
- Iu.Ia. Phomin, Trần Hữu Nghị. NHIÊN LIỆU – DẦU NHỜN – NƯỚC DỪNG CHO TÀU THỦY. NXB . Giao thông Vận tải – Hà Nội 1990.
- SỔ TAY SỬ DỤNG DẦU MỎ BÔI TRƠN (Tập I). NXB Khoa học Kỹ Thuật – Hà Nội 1991
- Viện hóa công nghiệp. TỪ ĐIỂN NHIÊN LIỆU – DẦU – MỎ - CHẤT THÊM-CHẤT LỎNG CHUYÊN DÙNG. NXB Khoa học Kỹ thuật – Hà Nội 1994
- Kiều Đình Kiểm. CÁC SẢN PHẨM DẦU MỎ VÀ HÓA DẦU. NXB Khoa học Kỹ thuật – Hà Nội 2005

- PGS.TS Đinh Thị Ngọc. HÓA HỌC DẦU MỎ VÀ KHÍ. NXB NXB Khoa học Kỹ thuật – Hà Nội 2006
- PGS.TS NGUYỄN VĂN NHẬN. LÝ THUYẾT ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Nông Nghiệp 2001
- NGUYỄN TẮT TIẾN. NGUYÊN LÝ ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Giáo dục, Hà Nội 1996.
- <http://www.fags.org/fags/autos/gasoline-fag/part 1/section 4.html>.
- <http://science.howstuffworks.com/oil-refining.html/printable>
- <http://corrosioncost.com/prodmanu/petroleum/index.htm>
- <http://corrosioncost.com/pdf/petro.pdf>
- <http://www.world-petroleum.org/education/ipl/ipl.html>

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này nằm trong tiết thứ 15 -18 chương 3 môn học nhiên liệu và vật liệu bôi trơn dùng cho ngành động lực – Khoa cơ khí Đại học Nha Trang.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Giúp sinh viên nắm vững những tính chất đặc trưng của xăng ô tô, công dụng của các tính chất trong sử dụng nhiên liệu xăng để chạy động cơ như ô tô, xe máy...
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự nghiên cứu, tự giải quyết một vấn đề đặt ra dựa vào việc tìm kiếm tài liệu và thực tế.
- Giúp cho sinh viên có tính tư duy, có các kỹ năng liên hệ thực tế trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Sinh viên phải có thái độ nghiêm túc trình bày các thí nghiệm để xác định các tính chất của xăng, chẳng hạn phương xác định số ốc tan dựa vào động cơ thí nghiệm đòi hỏi cần có tính tỉ mỉ chính xác cao.

6. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Sinh viên đã được trang bị về tổng quan nhiên liệu, các yêu cầu của nhiên liệu được sử dụng trong ngành động cơ.
- Các tính chất lý hóa của sản phẩm dầu mỏ.

7. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia nhóm 8 -10 sinh viên cùng tìm kiếm tài liệu, thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình trước lớp, mỗi nhóm trình bày trong vòng 10 phút các nhóm khác

cùng nghe và chất vấn: 20 phút. Giáo viên là giám khảo đưa ra kết luận cuối cùng về vấn đề chất vấn, các câu hỏi hay được nhóm trả lời tốt sẽ được cộng điểm vào phần đánh giá cuối cùng.

- Thời gian SV chuẩn bị: 1 tuần trước khi báo cáo trong vòng 3 tiết, 4 nhóm / 1lớp; 15 phút cuối giáo viên đưa ra nhận xét cuối cùng và cho điểm với từng nhóm, chốt lại những điểm phải biết, những điểm cần biết và điểm nên biết của bài học.

8. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đủ nội dung, trình bày đẹp, logic: đạt yêu cầu
- Thiếu nội dung, chuẩn bị không tốt, trình bày xấu: không đạt yêu cầu
- Nhóm không đạt yêu cầu hoặc đạt yêu cầu nhưng có điểm báo cáo < 7đ phải thực hiện bài kiểm tra để lấy điểm kiểm tra cho môn học.
- Cộng 1 điểm cho báo cáo viên hoặc các thành viên trong nhóm nếu trả lời xuất sắc các câu hỏi phản biện của các nhóm khác hoặc của giáo viên hướng dẫn nếu giáo viên cảm thấy có điểm nào cần phải hỏi sâu hơn để đánh giá khả năng hiểu vấn đề của nhóm.
- Cộng 1 điểm cho những nhóm có phương pháp trình bày đẹp, có hình ảnh minh họa và đưa ra được nhiều dẫn chứng trong thực tế (có chứng minh hoặc xuất xứ cụ thể).
- Miễn kiểm tra môn học cho nhóm có thành tích báo cáo đạt điểm 8 trở lên và lấy điểm báo cáo làm điểm kiểm tra.
- Trừ một điểm vào điểm kiểm tra các thành viên của nhóm không tích cực trong việc tham gia.

Kỹ thuật khai thác hệ động lực tàu thủy

Biên soạn: TS. Phùng Minh Lộc - Khoa Kỹ thuật Giao thông

1. Nội dung vấn đề

Nước ta hiện có 81.800 tàu cá các loại với tổng công suất 4.638.365 cv. Trong đó, số tàu đánh bắt xa bờ (công suất >90cv/tàu, hoạt động xa bờ >50 hải lý) khoảng hơn 6.000 chiếc. Tính trung bình công suất 150cv/tàu, tổng công suất đội tàu này xấp xỉ 1 triệu mã lực. Thời gian chạy hành trình (từ cảng ra ngư trường và ngược lại, di chuyển ngư trường...) của đội tàu này là rất lớn. Cụ thể là với tốc độ 10hl/giờ, tàu câu mực chạy 1.200 hl hết 120 giờ, tiêu hao nhiên liệu bình quân 12l/giờ, ở chế độ hành trình tàu này sử dụng hết 1.440 lít dầu. Trước tình hình giá dầu tăng gấp đôi trong vòng 2 năm trở lại đây, vấn đề đặt ra là : **Lựa chọn chế độ chạy hành trình hợp lý cho đội tàu đánh bắt xa bờ nhằm tiết kiệm nhiên liệu**, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Khái niệm, phân loại các thông số đánh giá: tải, tốc độ và chỉ tiêu kinh tế của động cơ diesel tàu thủy ?
- Phân tích ảnh hưởng của tải, tốc độ đến chỉ tiêu kinh tế của động cơ diesel tàu thủy ?
- Khái niệm, lý giải chế độ làm việc hành trình toàn phần và bộ phận của máy chính tàu thủy?
- Thế nào là chế độ hành trình tiết kiệm ?
- Theo anh (chị) chúng ta cần có biện pháp khai thác Máy chính như thế nào để tiết kiệm nhiên liệu ở chế độ hành trình? Luận cứ và minh chứng ?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Ts. Nguyễn Thạch; Th.s Phùng minh Lộc. “**Kỹ thuật khai thác Hệ động lực tàu thủy**”. Đại học Nha trang - 2006
- Ts. Lương công Nhớ. “**Khai thác Hệ động lực tàu thủy**”. Đại học Hàng hải Hải phòng - 2004.
- Ts. Lê viết Lượng. “**Lý thuyết động cơ diezen**”. Đại học Hàng hải Hải phòng - NxbGD-2000
- “**Các chế độ chuyển tiếp**”. Đại học Hàng hải Hải phòng -NxbGD -1997

- Gs.Ts. Trần hữu Nghị . *“Chế độ làm việc của động cơ diessel tàu thủy”*. Nxb Giao thông vận tải -1990
- *“Đặc tính diessel tàu thủy”*. Nxb Giao thông vận tải -1990
- *“Sổ tay Sĩ quan máy tàu”*. Nxb Giao thông vận tải -1990

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này nằm trong tiết thứ 45 -48, chương 4 môn học *Kỹ thuật khai thác Hệ động lực tàu*, ngành Động lực tàu – Khoa cơ khí Đại học Nha Trang.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Giúp sinh viên nắm vững đặc tính tải, đặc tính tốc độ, ảnh hưởng của những yếu tố khai thác đến các thông số làm việc của máy chính tàu thủy.
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự nghiên cứu, tự giải quyết một vấn đề đặt ra dựa kiến thức lý thuyết đã được trang bị, tìm kiếm tài liệu và thực tế.
- Kích thích khả năng tư duy của sinh viên, kỹ năng liên hệ thực tế, kỹ năng làm việc theo nhóm trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, diễn thuyết và phản biện.

6. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Sinh viên đã được trang bị kiến thức về nguyên lý, cấu tạo, các thông số công tác của động cơ diessel tàu thủy.
- Đặc tính tải, đặc tính tốc độ, ảnh hưởng của những yếu tố khai thác đến các thông số làm việc của máy chính tàu thủy.
- Chế độ làm việc của Hệ động lực tàu thủy

7. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia nhóm 8 -10 sinh viên cùng tìm kiếm tài liệu, thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình trước lớp, mỗi nhóm trình bày trong vòng 10 phút các nhóm khác cùng nghe và chất vấn: 20 phút. Giáo viên là giám khảo đưa ra kết luận cuối cùng về vấn đề chất vấn, các câu hỏi hay được nhóm trả lời tốt sẽ được cộng điểm vào phần đánh giá cuối cùng.
- Thời gian SV chuẩn bị: 1 tuần trước khi báo cáo trong vòng 3 tiết, 4 nhóm / 1lớp; 15 phút cuối giáo viên đưa ra nhận xét cuối cùng và cho điểm với từng nhóm, chốt lại những điểm phải biết, những điểm cần biết và điểm nên biết của bài học.

8. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đủ nội dung, trình bày đẹp, logic: đạt yêu cầu

- Thiếu nội dung, chuẩn bị không tốt, trình bày xấu: không đạt yêu cầu
- Nhóm không đạt yêu cầu hoặc đạt yêu cầu nhưng có điểm báo cáo < 7đ phải thực hiện bài kiểm tra để lấy điểm kiểm tra cho môn học.
- Trường hợp không chuẩn bị hoặc thiếu ý thức, điểm kiểm tra của môn học = 0đ
- Cộng 1 điểm cho báo cáo viên hoặc các thành viên trong nhóm nếu trả lời xuất sắc các câu hỏi phản biện của các nhóm khác hoặc của giáo viên hướng dẫn, nếu giáo viên cảm thấy có điểm nào cần phải hỏi sâu hơn để đánh giá khả năng hiểu vấn đề của nhóm.
- Cộng 1 điểm cho những nhóm có phương pháp trình bày đẹp, có hình ảnh minh họa và đưa ra được nhiều dẫn chứng trong thực tế (có chứng minh hoặc xuất xứ cụ thể).
- Miễn kiểm tra môn học cho nhóm có thành tích báo cáo đạt điểm 7 trở lên và lấy điểm báo cáo làm điểm kiểm tra.
- Trừ một điểm vào điểm kiểm tra các thành viên của nhóm không tích cực trong việc tham gia.

Cấu tạo động cơ đốt trong

Biên soạn: TS. Phùng Minh Lộc - Khoa Kỹ thuật Giao thông

1. Nội dung vấn đề

Thế giới hiện có khoảng trên 800 triệu Ô tô các loại, là nguyên nhân trực tiếp và đáng kể gây ô nhiễm môi trường toàn cầu, đặc biệt là tại những thành phố lớn. Thủ phạm chính là khói xả động cơ đốt trong (ĐCĐT) lắp trên chúng. Các hãng sản xuất Ô tô không ngừng cải tiến công nghệ giảm thiểu ô nhiễm của ĐCĐT nhằm đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường ngày càng khắt khe. Một trong những hướng cơ bản là cải thiện chất lượng quá trình cháy **đốt cháy kiệt nhiên liệu** (chủ yếu là xăng và dầu diesel). Vấn đề đặt ra là: **Các giải pháp kết cấu nào của Hệ thống nhiên liệu đã được ứng dụng để nâng cao chất lượng quá trình cháy ĐCĐT nhằm giảm ô nhiễm môi trường ?** (hai nhánh của vấn đề : Hệ thống nhiên liệu động cơ xăng và diesel)

2. Hệ thống các câu hỏi

- Tổ chức quá trình cháy là gì, chất lượng quá trình cháy ĐCĐT được thể hiện bởi các chỉ tiêu nào?
- Quá trình cháy thế nào được coi là tốt, các yếu tố kết cấu nào của hệ thống nhiên liệu ảnh hưởng đến chất lượng quá trình cháy?
- Mối quan hệ giữa chất lượng quá trình cháy và độ ô nhiễm môi trường?
- Các giải pháp kết cấu nào của hệ thống nhiên liệu cho phép **nâng cao chất lượng quá trình cháy ĐCĐT, giảm ô nhiễm môi trường**

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- GS.TS Nguyễn tất Tiến. NGUYÊN LÝ ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Giáo dục, Hà Nội-1996.
- PGS.TS Nguyễn văn Nhận. LÝ THUYẾT ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Nông Nghiệp- 2001
- PGS.TS Phạm minh Tuấn. ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG. NXB Khoa học và kỹ thuật- 1999
- PGS.TS Trần văn Tế, Nguyễn đức Phú. THIẾT KẾ VÀ TÍNH TOÁN ĐCĐT. Đại học Bách khoa Hà nội- 1996
- Trần thế San, Đỗ Dũng. SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ ĐỘNG CƠ XĂNG VÀ DIESEL. NXB Đà Nẵng- 1999

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề này nằm trong tiết thứ 45 -50, chương 4 môn học *Cấu tạo động cơ đốt trong*, ngành Kỹ thuật Ô tô – Khoa cơ khí Đại học Nha Trang.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- Giúp sinh viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu, phân loại và nguyên lý hoạt động các hệ thống nhiên liệu ĐCĐT.
- Thông hiểu chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu, phân loại và cấu tạo các bộ phận cơ bản cấu thành hệ thống nhiên liệu ĐCĐT.
- Trên cơ sở hiểu biết đó phân tích, đánh giá các hệ thống nhiên liệu ĐCĐT theo tiêu chí nâng cao chất lượng quá trình cháy nhằm giảm thiểu chất độc hại của khí xả.
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự nghiên cứu, tự giải quyết một vấn đề đặt ra dựa kiến thức lý thuyết đã được trang bị, tìm kiếm tài liệu và thực tế .
- Kích thích khả năng tư duy của sinh viên, kỹ năng liên hệ thực tế, kỹ năng làm việc theo nhóm trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, diễn thuyết và phản biện.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Thời sự nóng của thế giới về giảm hiệu ứng nhà kính, chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường toàn cầu.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Sinh viên đã được trang bị kiến thức về lý thuyết ĐCĐT, đặc biệt là lý thuyết về tổ chức quá trình cháy, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quá trình cháy.
- Kiến thức về các thông số công tác của động cơ, trong đó có các thông số đánh giá độ ô nhiễm môi trường do ĐCĐT gây ra và các yếu tố ảnh hưởng đến nó.
- Cấu trúc tổng thể của ĐCĐT trong đó có kết cấu các loại buồng cháy.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia nhóm 6 - 8 sinh viên cùng tìm kiếm tài liệu, thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình trước lớp, mỗi nhóm trình bày trong vòng 10 phút các nhóm khác cùng nghe và chất vấn: 20 phút. Giáo viên là giám khảo đưa ra kết luận cuối cùng về vấn đề chất vấn, các câu hỏi hay được nhóm trả lời tốt sẽ được cộng điểm vào phần đánh giá .

- Thời gian SV chuẩn bị: 3 tuần, báo cáo trong 5 tiết, 5 nhóm /1lớp; 15 phút cuối giáo viên đưa ra nhận xét cuối cùng và cho điểm với từng nhóm, chốt lại những điểm phải biết, những điểm cần biết và điểm nên biết của bài học.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đủ nội dung, trình bày đẹp, logic: đạt yêu cầu
- Thiếu nội dung, chuẩn bị không tốt, trình bày xấu: không đạt yêu cầu
- Nhóm không đạt yêu cầu hoặc đạt yêu cầu nhưng có điểm báo cáo < 7đ phải thực hiện bài kiểm tra để lấy điểm kiểm tra cho môn học.
- Trường hợp không chuẩn bị hoặc thiếu ý thức, điểm kiểm tra của môn học =0đ
- Cộng 1 điểm cho báo cáo viên hoặc các thành viên trong nhóm nếu trả lời xuất sắc các câu hỏi phản biện của các nhóm khác hoặc của giáo viên hướng dẫn, nếu giáo viên cảm thấy có điểm nào cần phải hỏi sâu hơn để đánh giá khả năng hiểu vấn đề của nhóm.
- Cộng 1 điểm cho những nhóm có phương pháp trình bày đẹp, có hình ảnh minh họa và đưa ra được nhiều dẫn chứng trong thực tế (có chứng minh hoặc xuất xứ cụ thể).
- Miễn kiểm tra môn học cho nhóm có thành tích báo cáo đạt điểm 7 trở lên và lấy điểm báo cáo làm điểm kiểm tra.
- Trừ một điểm vào điểm kiểm tra các thành viên của nhóm không tích cực trong việc tham gia.

Chế tạo máy I

Biên soạn: PGS.TS. Nguyễn Văn Tường - Khoa Cơ khí

1. Nội dung vấn đề:

Nhà máy Huyndai-Vinashin đã ký một hợp đồng trị giá 100.000USD với Xí nghiệp cơ khí Khatoco. Theo hợp đồng này thì Xí nghiệp cơ khí Khatoco phải gia công 1000 chi tiết có bề mặt côn.

Theo bản vẽ chế tạo của khách hàng, phòng Kỹ thuật của Xí nghiệp cơ khí Khatoco đã lập quy trình công nghệ gia công chi tiết này. Bề mặt côn được gia công trên máy tiện vạn năng có thước rút côn (do bề mặt côn dài). Máy, dao, đồ gá đạt yêu cầu kỹ thuật, các thông số chế độ cắt được tính toán chính xác, quá trình gia công có sử dụng dung dịch trơn nguội,.

Sau khi gia công loạt sản phẩm đầu tiên, phòng Kỹ thuật của Xí nghiệp cơ khí Khatoco nhận thấy chi tiết bị sai số góc côn, các chi tiết khác nhau nhưng góc côn bị sai như nhau. Kiểm tra thước rút côn thì thấy góc xoay của thước đã được điều chỉnh đúng, hệ thống công nghệ đảm bảo độ cứng vững... Đã nhiều ngày trôi qua mà các chuyên gia của xí nghiệp vẫn chưa tìm ra nguyên nhân. Thời hạn giao hàng đã đến gần. Nếu giao hàng trễ thì xí nghiệp phải bồi thường 10% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần trễ. Nguy cơ thua lỗ đang ở trước mắt! Xí nghiệp Cơ khí Khatoco mong muốn các bạn sinh viên và các nhà chuyên môn tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục.

2. Hệ thống các câu hỏi:

1. Phương pháp xác định góc côn của bề mặt côn?
2. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến chi tiết bị sai số góc côn khi tiện?
3. Trong các nguyên nhân đã liệt kê thì nguyên nhân nào gây ra sai số theo dữ kiện đã cho của đề bài, chứng minh?
4. Biện pháp khắc phục?

Hướng dẫn cho sinh viên nghiên cứu:

- Sinh viên phải viết ra được công thức tính góc côn theo bản vẽ đã cho.
- Sinh viên phải tìm hiểu các dạng sai số về hình dáng và kích thước có thể xảy ra khi gia công bề mặt côn.
- Loại bỏ các sai số không thể xảy ra trong trường hợp đề bài đã cho.
- Xác định góc côn đo lường và góc côn do dao vạch ra.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Cơ sở công nghệ chế tạo máy, Đặng Văn Nghìn (chủ biên), Đại học BK thành phố Hồ Chí Minh.
2. Công nghệ chế tạo máy, Nguyễn Đắc Lộc, Nhà xuất bản KH & KT, 2005.
3. Manufacturing Engineering and Technology, S. Kalpakjan, McGrawHill 2001.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học:

Vấn đề nêu trên là nằm trong chương “Độ chính xác gia công” kết hợp với các chương trước đó trong phần “Nguyên lý cắt” trong môn học Chế tạo máy 1 (được dạy cho sinh viên các ngành cơ khí và cơ điện lạnh).

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề:

- Về kiến thức: nắm được sai số kích thước và nguyên nhân cụ thể gây nên sai số góc côn khi tiện côn. Nắm được nguyên tắc gá đặt dao chính xác.
- Thái độ: tạo thái độ đúng mực về cách gá đặt dao và phôi trước khi gia công, kiểm tra độ chính xác về hình dáng và kích thước của chi tiết sau khi gia công. Tạo thái độ đúng mực trong việc sinh hoạt tập thể, phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng: tổng hợp các yếu tố liên quan đến độ chính xác gia công, phân tích tìm nguyên nhân gây ra sai số trong trường hợp cụ thể này, kỹ năng vẽ mô hình hoá để lý giải cho nguyên nhân tìm được, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, diễn thuyết trước đám đông, kỹ năng đặt và trả lời câu hỏi...

6. Tính thực tiễn của vấn đề:

Trong thực tế sản xuất cắt gọt kim loại, người ta luôn mong muốn tăng năng suất để giảm giá thành. Do đó người ta tìm cách giảm thời gian gia công cơ bản, giảm thời gian phụ... Việc làm này đôi khi thái quá, dẫn đến việc “làm bừa, làm ẩu” một số công đoạn như gá đặt dao, chi tiết vì người công nhân thường xem nhẹ công đoạn này (do hình thức công việc trông chừng quá đơn giản). Việc gá dao không chính xác khi gia công bề mặt côn dẫn tới sai số góc côn chi tiết và hình dáng chi tiết. Sai số này có thể vượt quá mức cho phép nêu dung sai yêu cầu nghiêm ngặt. Do đó cần gá đặt dao chính xác khi tiện côn.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề:

- Độ chính xác hình dáng, kích thước (môn học Dung sai)
- Nguyên lý cắt.
- Độ chính xác gia công, các phương pháp đạt độ chính xác gia công trên máy công cụ.

8. Cách tổ chức lớp:

Vấn đề này có thể được áp dụng giảng dạy cho các lớp CDL46-1 với 60 sinh viên. Việc tổ chức lớp được tiến hành như sau:

a. Chia nhóm: Ngay từ buổi học đầu tiên, sau khi giới thiệu sơ lược về môn học, tiến hành chia nhóm. Lớp được chia thành 5 nhóm mỗi nhóm phải có một “hạt giống” là sinh viên có học lực khá trở lên (căn cứ vào bảng điểm tổng hợp) làm nhóm trưởng.

Sau một vài buổi học, sau khi sinh viên đã làm quen với môn học, thì tiến hành nêu vấn đề để các nhóm chuẩn bị. ***Công việc này phải được triển khai vào tuần thứ nhất của học kỳ).***

b. Tổ chức của nhóm: Sau khi được chia nhóm, nhóm phải tự bàn bạc và làm những công việc sau (ở nhà):

(1) Tìm tài liệu tham khảo

(2) Xây dựng đề cương, thảo luận đề cương. Đề cương phải được giáo viên duyệt.

Các việc 1 và 2 này phải được triển khai trước ngày báo cáo 2 tuần.

(3) Thảo luận kỹ các nội dung theo đề cương và viết báo cáo chi tiết. Nhóm phải ghi chép trong “biên bản” đầy đủ các ý kiến của từng thành viên nhằm tránh một số sinh viên yếu kém không chịu tham gia thảo luận. Đây cũng là một trong những căn cứ để giáo viên cho điểm.

(4) Báo cáo thử. Mỗi nhóm cử từ 1- 2 sinh viên có giọng nói khoẻ, rõ ràng để báo cáo. Nhóm có thể xây dựng một “kịch bản” để mọi người trong nhóm có thể cùng báo cáo. Như vậy mọi người đều có cơ hội thuyết trình trước lớp, tạo kỹ năng thuyết trình, rất có lợi cho sau này khi đi phỏng vấn xin việc...

Các việc 3 và 4 này phải được triển khai trước ngày báo cáo 1 tuần.

c. Tổ chức cho các nhóm thảo luận và báo cáo:

Ngồi theo nhóm riêng. Tất cả các nhóm đều báo cáo. Buổi thảo luận kéo dài trong 3 tiết. Chỉ cần 1 giáo viên hướng dẫn và mọi hoạt động đều ở trong phòng. ***Buổi báo cáo được tổ chức vào tuần thứ 8.***

Mỗi báo cáo được trình bày trong vòng 5 phút, khuyến khích nhiều người báo cáo cùng một lúc. Để rút ngắn thời gian thì các báo cáo sau có thể không cần nhắc lại tỉ mỉ một số nội dung đã có trong các báo cáo trước.

Thảo luận sau báo cáo:

- Sinh viên đặt câu hỏi: nhóm này đặt câu hỏi cho nhóm kia hoặc người hỏi có thể chỉ định người trả lời. Trả lời ngay từng câu hỏi, sinh viên chất vấn câu trả lời.
- Giáo viên đặt câu hỏi: mỗi nhóm một câu, đại diện nhóm sẽ trả lời. Các nhóm khác nghe trả lời và chất vấn thêm.
- Giáo viên đặt câu hỏi cho bất kỳ sinh viên nào, sinh viên trả lời và nghe chất vấn của giáo viên và các thành viên trong lớp (nếu có).

d. Công việc của giáo viên:

- Giáo viên chuẩn bị đầy đủ phương tiện cho sinh viên báo cáo (đèn chiếu, máy tính, projector...)
- Duyệt đề cương và kiểm soát thảo luận ở nhà thông qua “biên bản”.
- Hướng dẫn viết báo cáo theo quy định của một báo cáo khoa học.
- Tổ chức bốc thăm thứ tự báo cáo.
- Nêu những nội quy và cách thức cho điềm trước khi báo cáo.
- Kiểm soát thảo luận trên lớp và can thiệp dừng thảo luận, chất vấn khi cần. Xác định câu trả lời đúng-sai. Chủ động chuyển sang câu hỏi khác và nhóm khác khi cần.
- Giáo viên ghi chú chất lượng báo cáo của từng nhóm, chất lượng trả lời, đánh dấu tên sinh viên đặt câu hỏi... để làm căn cứ cho điềm.
- Đánh giá kết thúc báo cáo, nêu những mặt được và chưa được của từng báo cáo. Đưa ra đáp án cuối cùng của vấn đề.
- Cho điềm chung của từng nhóm.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Việc đánh giá được tiến hành như sau:

- Đánh giá báo cáo tại lớp của từng nhóm.
- Đánh giá bản thuyết minh của từng cá nhân.
- Đánh giá các câu trả lời, các câu hỏi của từng cá nhân.
- Một số đánh giá khác: đánh giá cho báo cáo viên, cho câu hỏi hay...

Căn cứ vào điểm nền của từng nhóm, kết hợp với các yếu tố khác như thuyết minh, đặt câu hỏi, trả lời... mà cộng hoặc trừ bớt điểm để có điểm của từng cá nhân

Sau đây là bảng đánh giá:

Nhóm	Họ và Tên	Điểm báo cáo	Điểm thuyết minh	Điểm câu trả lời	Điểm đặt câu hỏi
1	Nguyễn Văn A	<i>(có điểm thưởng cho cá nhân)</i>			
	Hồ Ngọc B				
	Trần Hùng C				
	Lê Văn D				
	Bùi F				

Chú ý: Thang điểm 10 cho tất cả các trường hợp. Các trường hợp không chịu tham gia thảo luận trước phải bị trừ điểm.

Để sinh viên thực sự nghiên cứu vấn đề cần phải có các câu hỏi đến từng cá nhân và kiểm soát câu trả lời. Các trả lời chiếu lệ phải bị trừ điểm. Các sinh viên học lực yếu sẽ được hỏi những câu hỏi đơn giản hơn sinh viên học khá giỏi, khi cần thiết có thể gợi mở câu trả lời...

Để sinh viên thực sự lắng nghe các nhóm trình bày trả lời cần phải yêu cầu các sinh viên đặt câu hỏi cho nhóm hoặc cho từng cá nhân. Giáo viên phải kiểm soát chất lượng câu hỏi để tránh sinh viên hỏi chiếu lệ.

Thưởng điểm cho sinh viên khi có những câu hỏi hay (0,5-1 điểm), có ý tưởng sáng tạo (1 điểm), sinh viên làm nhiệm vụ báo cáo và báo cáo tốt (1-1,5 điểm)...

Công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm

Biên soạn: TS. Lê Thị Tường - Khoa Công nghệ thực phẩm

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Trong ngành công nghệ thực phẩm, lipit có thể là nguyên liệu chính hoặc có thể là nguyên liệu phụ của nhiều sản phẩm khác nhau, như ngành: công nghiệp bánh – kẹo, công nghiệp đồ hộp, margarin, shortening, maydonne,... Chất lượng của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào sự chuyên hoá của lipit trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm. Vậy làm thế nào để nâng cao chất lượng của thực phẩm?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Vai trò của dầu mỡ thực phẩm trong đời sống?
- Thành phần hoá học của dầu mỡ thực phẩm?
- Tính chất của dầu mỡ thực phẩm?
- Khả năng chuyển hóa của dầu mỡ thực phẩm?
- Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ chuyển hoá của dầu mỡ thực phẩm?
- Biện pháp hạn chế tốc độ chuyển hoá của dầu mỡ thực phẩm?
- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của dầu mỡ thực phẩm?
- Các căn bệnh có thể xảy ra nếu chúng ta sử dụng những thực phẩm có chứa thành phần của dầu mỡ đã xảy ra các chuyển hoá?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Hoá sinh công nghiệp – Lê Ngọc Tú, La Văn Chứ, Đặng Thị Thu, Phạm Quốc Thắng – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội – 1997.
- Dầu mỡ trong sản xuất và đời sống – Chu Phạm Ngọc Sơn – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh.-2002
- Edible oil processing – WOLF HAMM AND RICHARD J. HAMILTON
- Chương I, IV sách “Chế biến dầu mỡ thực phẩm” – Nguyễn Quang Lộc, Lê Văn Thạch, Nguyễn Nam Vinh – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật – 1996
- Các trang Web <http://google.com.vn> Với những từ chìa khoá: ”oil and fat food”, “Cholesterol”, “omega 3”, “omega 6”.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề đặt ra chiếm thời lượng 2 tiết, thuộc bài học: Tính chất của dầu mỡ thực phẩm và các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của dầu mỡ thực phẩm, trong chương I “Giới thiệu về dầu mỡ thực phẩm”, môn học “Công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm”.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

➤ Kiến thức:

- Vai trò của dầu mỡ thực phẩm trong đời sống.
- Thành phần hoá học của dầu mỡ thực phẩm.
- Tính chất của dầu mỡ thực phẩm.
- Khả năng chuyển hóa của dầu mỡ thực phẩm.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ chuyển hoá của dầu mỡ thực phẩm.
- Biện pháp hạn chế tốc độ chuyển hoá của dầu mỡ thực phẩm.
- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của dầu mỡ thực phẩm.
- Các căn bệnh có thể xảy ra nếu chúng ta sử dụng những thực phẩm có chứa thành phần của dầu mỡ đã xảy ra các quá trình chuyển hoá.

➤ Kỹ năng:

- Tư duy khoa học, kỹ năng tranh luận, làm việc tập thể, tìm và đọc tài liệu,...
- Kỹ năng đánh giá chất lượng của dầu mỡ thực phẩm.
- Kỹ năng chế biến và bảo quản thực phẩm có chứa thành phần lipit.

➤ Thái độ:

- Nghiêm túc trong khi làm việc (Tra cứu tài liệu, tranh luận, phát biểu, báo cáo, đánh giá,...)
- Nghiêm túc thực hiện những thông số kỹ thuật khi chế biến và bảo quản thực phẩm có chứa thành phần lipit.
- Nghiêm túc bảo vệ sức khỏe (Không sử dụng dầu mỡ “hết hạn sử dụng”, “dầu mỡ đã bị chuyển hoá”,....)

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

➤ Phần đông con người chưa hiểu rõ :

- + Vai trò của dầu mỡ đối với đời sống con người.
- + Tác hại của dầu mỡ đối với sức khoẻ khi bị chuyển hoá.
- + Biện pháp hạn chế dầu mỡ chuyển hoá.

- Hiện nay ý thức của con người trong sử dụng và bảo quản các thực phẩm từ dầu mỡ chưa cao. Việc giúp sinh viên nghiên cứu nguyên nhân chuyển hoá của lipid trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm. Biện pháp khắc phục, nâng cao chất lượng của thực phẩm góp phần hạn chế tỷ lệ bệnh ung thư, tim mạch hiện nay của Việt Nam và góp phần giúp sinh viên trang bị những kiến thức lý thuyết có thể giải quyết một số vấn đề trong ngành công nghệ thực phẩm hiện nay.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Đây là một môn học thuộc chuyên ngành “Công nghệ Thực phẩm”. Đối tượng học là sinh viên đại học năm thứ 4. Để giải quyết vấn đề này, sinh viên phải được trang bị một số môn học cơ sở chuyên ngành như: Hoá sinh, Vi sinh, Dinh dưỡng và hoá thực phẩm, Đánh giá chất lượng sản phẩm,....

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Giáo viên chia lớp học ra thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tối đa 10 sinh viên. Mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng và một thư ký.
- Bắt đầu mỗi chương học giáo viên đưa ra các vấn đề, nên đưa những vấn đề mang tính bao quát nội dung của chương học, mở rộng kiến thức và có liên hệ với thực tế.
- Giáo viên đưa ra các quy định về thời gian chuẩn bị bài ở nhà, thời gian thảo luận trên lớp, cách đánh giá cho điểm, thảo luận – đóng góp ý kiến.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đánh giá dưới hình thức cho điểm (thay cho điểm kiểm tra 15 phút).
- Điểm kiểm tra cuối học kỳ = điểm trung bình mỗi lần seminar.
- Tỷ trọng điểm seminar chiếm 30%, điểm thi chiếm 70%. Chấm điểm theo nhóm và theo cá nhân. Điểm của từng nhóm và điểm của từng cá nhân được đánh giá, thể hiện ở bảng điểm như sau:

Đánh giá hoạt động ở nhà				Đánh giá hoạt động ở lớp		
DCCN (Điểm)	TGTC (Điểm)	CTG (Điểm)	KTG (Điểm)	NBC (Điểm)	TGC (Điểm)	PT (Điểm)
+ $(5 \div 6)$	+1	+0.5	- $(2 \div 3)$	+1	+1	0.5

Ghi chú:

ĐCCN : Điểm chung cả nhóm	NBC : Người báo cáo
TGTC : Tham gia tích cực	TGC : Tham gia đóng góp ý kiến chung
CTG : Có tham gia	PT : Có sử dụng phương tiện hiện đại
KTG : Không tham gia	

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

Trong công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm, kỹ thuật tinh chế dầu mỡ là một công đoạn hết sức quan trọng, nó quyết định đến chất lượng của dầu mỡ thành phẩm, quyết định đến uy tín, thương hiệu và sự sống còn của công ty. Hãy nghiên cứu, phân tích tại sao trong công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm phải có công đoạn tinh chế? Tinh chế như thế nào?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Ý nghĩa, mục đích của quá trình tinh chế dầu mỡ thực phẩm?
- Yêu cầu của dầu mỡ sau khi đã tinh chế?
- Các phương pháp tinh chế dầu mỡ thực phẩm?
- Phương pháp tinh chế cơ học? Lấy ví dụ phân tích?
- Phương pháp tinh chế hóa học? Lấy ví dụ phân tích?
- Phương pháp tinh chế hoá lý? Lấy ví dụ phân tích?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Hoá sinh công nghiệp – Lê Ngọc Tú, La Văn Chứ, Đặng Thị Thu, Phạm Quốc Thắng – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội – 1997.
- Dầu mỡ trong sản xuất và đời sống – Chu Phạm Ngọc Sơn – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh.-2002
- Edible oil processing – WOLF HAMM AND RICHARD J. HAMILTON
- Chế biến dầu mỡ thực phẩm– Nguyễn Quang Lộc, Lê Văn Thạch, Nguyễn Nam Vinh – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật – 1996
- Các trang Web <http://google.com.vn> Với những từ chìa khoá: ”oil and fat food”, “Cholesterol”, “omega 3”, “omega 6”.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề đặt ra chiếm thời lượng 2 tiết, thuộc chương IV “Kỹ thuật tinh chế dầu mỡ thực phẩm”, môn học “Công nghệ sản xuất dầu mỡ thực phẩm”.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

➤ Kiến thức:

- Ý nghĩa, mục đích của quá trình tinh chế dầu mỡ thực phẩm.
- Yêu cầu của dầu mỡ sau khi đã tinh chế.
- Các phương pháp tinh chế dầu mỡ thực phẩm.
- Phương pháp tinh chế cơ học.
- Phương pháp tinh chế hóa học.
- Phương pháp tinh chế hoá lý.

➤ Kỹ năng:

- Tư duy khoa học, kỹ năng tranh luận, làm việc tập thể, tìm và đọc tài liệu,...
- Kỹ năng đánh giá chất lượng dầu mỡ thô và đáp ứng yêu cầu chất lượng dầu mỡ tinh của khách hàng mà chọn phương pháp tinh chế nào cho hợp lý.

➤ Thái độ:

- Nghiêm túc trong khi làm việc (Tra cứu tài liệu, tranh luận, phát biểu, báo cáo, đánh giá,...)
- Nghiêm túc thực hiện những thông số kỹ thuật khi sản xuất để đảm bảo chất lượng cho khách hàng.
- Nghiêm túc phân tích, lựa chọn phương pháp tinh chế phù hợp với từng loại dầu mỡ thô.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Chất lượng sản phẩm quyết định đến uy tín và sự tồn tại của công ty. Sản phẩm càng tinh thì chất lượng càng cao, sản phẩm càng có vị trí vững trên thị trường. Vì vậy, đưa ra những vấn đề thảo luận nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm là cần thiết trong thực tiễn.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Đây là một môn học thuộc chuyên ngành “Công nghệ Thực phẩm”. Đối tượng học là sinh viên đại học năm thứ 4. Để giải quyết vấn đề này, sinh viên phải được trang

bị một số môn học cơ sở chuyên ngành như: Hoá sinh, Vi sinh, Dinh dưỡng và hoá thực phẩm, Đánh giá chất lượng sản phẩm,....

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Giáo viên chia lớp học ra thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tối đa 10 sinh viên. Mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng và một thư ký.
- Bắt đầu mỗi chương học giáo viên đưa ra các vấn đề, nên đưa những vấn đề mang tính bao quát nội dung của chương học, mở rộng kiến thức và có liên hệ với thực tế.
- Giáo viên đưa ra các quy định về thời gian chuẩn bị bài ở nhà, thời gian thảo luận trên lớp, cách đánh giá cho điểm, thảo luận – đóng góp ý kiến.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đánh giá dưới hình thức cho điểm (thay cho điểm kiểm tra 15 phút). - Điểm kiểm tra cuối học kỳ = điểm trung bình mỗi lần seminar.
- Tỷ trọng điểm seminar chiếm 30%, điểm thi chiếm 70%. Chấm điểm theo nhóm và theo cá nhân. Điểm của từng nhóm và điểm của từng cá nhân được đánh giá, thể hiện ở bảng điểm như sau:

Đánh giá hoạt động ở nhà				Đánh giá hoạt động ở lớp		
DCCN (Điểm)	TGTC (Điểm)	CTG (Điểm)	KTG (Điểm)	NBC (Điểm)	TGC (Điểm)	PT (Điểm)
+(5÷6)	+1	+0.5	-(2÷3)	+1	+1	0.5

Ghi chú:

DCCN : Điểm chung cả nhóm

NBC : Người báo cáo

TGTC : Tham gia tích cực

TGC : Tham gia đóng góp ý kiến chung

CTG : Có tham gia

PT : Có sử dụng phương tiện hiện đại

KTG : Không tham gia

Công nghệ Chế biến Chè – Cà phê – Ca cao

Biên soạn: TS. Lê Thị Tường - Khoa Công nghệ thực phẩm

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Xử lý các lỗi cơ lý của cà phê nhân trong quá trình sản xuất là một vấn đề đang được quan tâm cả về các nguyên nhân xuất hiện lỗi lẫn các biện pháp khắc phục.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Thế nào là lỗi cơ lý của cà phê nhân, các lỗi cơ lý của cà phê nhân thường gặp?
- Nguyên nhân nào gây ra lỗi cơ lý của cà phê nhân trong từng công đoạn sản xuất?
- Biện pháp để khắc phục các lỗi cơ lý của cà phê nhân như thế nào?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Tặng, Bài giảng Công nghệ chế biến Chè – Cà phê – Ca cao, Trường Đại học Nha Trang, 2006.
- Hoàng Minh Trang, Kỹ thuật chế biến cà phê, NXB Nông nghiệp, 1983.
- Michael Sivetz, Ch. E and Norman W. Desrosier, Ph. D, Coffee Technology, The AVI publishing company, 1979.
- R.J. Clarke and M. Macrae, Coffee Technology, Elsevier Applied Science publisher, London and New York, 1987.
- Michael Sivetz Ch. E , Coffee Technology , AVIA Publishing Company, Inc, USA , 1989.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề thuộc nội dung phần II (Công nghệ chế biến Cà phê) trong môn học Công nghệ chế biến Chè – Cà phê – Ca cao được giảng dạy cho sinh viên năm cuối bậc đại học, ngành Công nghệ Thực phẩm.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- **Về kiến thức:**
 - Nắm được các lỗi cơ lý của cà phê nhân thường gặp.
 - Phân tích được nguyên nhân gây ra các lỗi cơ lý của cà phê nhân và biện pháp khắc phục.
- **Về kỹ năng:**
 - Nhận dạng được các lỗi cơ lý của cà phê nhân.

- Giải thích đầy đủ, chính xác nguyên nhân gây ra các lỗi cơ lý của cà phê nhân và biện pháp khắc phục.

• **Về thái độ:**

- Chịu khó, tích cực tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.
- Tham gia thảo luận đầy đủ, tích cực.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Hiện nay, sản phẩm cà phê nhân được sản xuất ra ở các nhà máy thường bị mắc các lỗi cơ lý, điều này làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm, làm giảm giá thành và đặc biệt là làm mất uy tín trên thị trường thế giới. Vậy, nguyên nhân nào gây ra các lỗi này và biện pháp khắc phục như thế nào?

Đây là vấn đề thường xảy ra trong các nhà máy chế biến cà phê. Do đó, việc phân tích để tìm các nguyên nhân gây ra các lỗi cơ lý của cà phê nhân là điều rất quan trọng và cần thiết. Đồng thời, qua đây giúp cho người sản xuất sớm tìm ra những lỗi của sản phẩm và đề ra biện pháp khắc phục kịp thời.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Quy trình công nghệ sản xuất cà phê nhân.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm trong từng công đoạn sản xuất.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học ra thành nhiều nhóm nhỏ: Mỗi tổ chia thành 2 nhóm, mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng để tổ chức thảo luận nhóm, ghi chép những nội dung thảo luận và theo dõi từng thành viên trong nhóm.
- Trong mỗi phần của môn học, giáo viên phải đưa ra ít nhất từ 1-2 vấn đề. Nên đưa ra những vấn đề mâu chốt, gắn kết với thực tế và mang tính thời sự cao. Thời gian đưa vấn đề cho sinh viên chuẩn bị ở nhà tối thiểu là 3 ngày.
- Các nhóm nộp báo cáo cho giáo viên trước mỗi buổi thảo luận.
- Giáo viên phổ biến các quy định về cách đánh giá bao gồm: Cho điểm theo cá nhân, theo nhóm, thời gian cho phép chuẩn bị ở nhà, giới hạn viết báo cáo, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo tối đa, thiết bị, phương tiện hỗ trợ báo cáo.

Các hoạt động cụ thể trong tiết học thảo luận

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>động của sinh viên</u>
1. Nhắc lại vấn đề đã được nêu.	1. Lắng nghe.

2. Lắng nghe sinh viên báo cáo, bao quát lớp học và ghi chép cần thiết.	2. Chỉ định đại diện một nhóm lên báo cáo. Các nhóm còn lại lắng nghe.
3. Lắng nghe và trợ giúp cho sinh viên khi cần thiết.	3. Các nhóm còn lại đóng góp ý kiến xung quanh vấn đề đặt ra.
4. Tóm tắt lại những nội dung cần nắm ở vấn đề được nêu ra. Nhận xét, đánh giá sơ bộ giữa các nhóm.	4. Lắng nghe và ghi chép.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đánh giá thông qua cho điểm, kết quả trung bình các seminar được dùng để thay cho điểm kiểm tra 15 phút.
- Điểm kiểm tra chiếm 20% tổng điểm đánh giá môn học.
- Chấm điểm theo nhóm và theo cá nhân. Các tiêu chí đánh giá và tỷ trọng điểm như sau:

Tiêu chí đánh giá	Tổ chức thảo luận nhóm	Bài chuẩn bị của nhóm	Trình bày báo cáo	Thảo luận sau khi báo cáo
Tỷ trọng điểm (%)	40	30	10	20

* **Chú ý:**

- Phần tổ chức thảo luận nhóm: Đánh giá thông qua báo cáo theo dõi của nhóm trưởng
 - + Tham gia đầy đủ, tích cực: 40%
 - + Có tham gia đầy đủ nhưng chưa tích cực: 20%
 - + Không tham gia: 0%
- Phần bài chuẩn bị của nhóm: Đánh giá thông qua nội dung, hình thức trình bày và báo cáo theo dõi của nhóm trưởng
- Đánh giá nhóm:
 - + Bài trình bày đầy đủ, rõ ràng, khoa học: 30%
 - + Bài trình bày khá đầy đủ, rõ ràng, khoa học: 20%
 - + Bài trình bày chưa đầy đủ, không rõ ràng, khoa học: 10%
- Đánh giá cá nhân:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến tích cực: 30%
 - + Tham gia đóng góp ý kiến khá tích cực: 20%

- + Tham gia đóng góp ý kiến nhưng chưa tích cực: 10%
- + Không tham gia đóng góp ý kiến: 0%
- Phân trình bày báo cáo: Chỉ định người báo cáo, đánh giá căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và thái độ của người trình bày (có giới hạn thời gian trình bày tối đa).
 - + Không trình bày được nội dung của vấn đề: Nhóm 0%, người báo cáo bị trừ 10%
 - + Trình bày được nội dung của vấn đề nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng: Cả nhóm 5%
 - + Trình bày được nội dung của vấn đề một cách đầy đủ, rõ ràng: Cả nhóm 10%
- Phần thảo luận sau báo cáo: Đánh giá dựa vào tinh thần xung phong và chỉ định phát biểu. Trong phần này giáo viên phải tạo ra được bầu không khí để khuyến khích tất cả sinh viên đóng góp ý kiến của mình xung quanh vấn đề nêu ra một cách tự nhiên, thoải mái. Đặc biệt, giáo viên nên có những động tác động viên, khen ngợi kịp thời đối với tất cả các ý kiến phát biểu (kể cả các ý kiến trái chiều).
 - + Nhóm không có ý kiến phát biểu nào: Cả nhóm 0%
 - + Nhóm có 1 ý kiến phát biểu: Nhóm 10%, cá nhân 15%
 - + Nhóm có từ 2 ý kiến phát biểu trở lên: Cả nhóm 20%

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

Nhiều nghiên cứu cho rằng việc uống chè là có lợi đối với sức khoẻ của con người. Kết luận này dựa trên những cơ sở nào và có phải luôn luôn đúng?

2. Hệ thống các câu hỏi

- Những chất nào đóng vai trò quan trọng trong chè?
- Tác dụng của các chất quan trọng trong chè đối với cơ thể con người?
- Ảnh hưởng của đồ uống chè đối với một số bệnh thường gặp ở người, vì sao?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Tặng, Bài giảng Công nghệ chế biến Chè – Cà phê – Ca cao, Trường Đại học Nha Trang, 2006.
- Lê Ngọc Tú (chủ biên), Hoá sinh công nghiệp, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 2000.
- Lê Ngọc Tú (chủ biên), Hoá học thực phẩm, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 2001.

- I.A.Không rô lã vã, Kĩ thuãt chã biãn chã, Nhà xuãt bãn Nông nghiãp.
- Website: www.google.com.vn vớĩ các từ khoá như “tác dụng của chã”, “đồ uống chã”, “health benefits and applications of tea”...

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Đây là vấn đề thuộc nội dung phần I (Công nghệ chế biến Chè) trong môn học Công nghệ chế biến Chè – Cà phê – Ca cao được giảng dạy cho sinh viên năm cuối bậc đại học, ngành Công nghệ Thực phẩm.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

- **Về kiến thức:**

- Nắm vững tính chất của các thành phần hoá học cơ bản của chè.
- Hiểu rõ cơ chế tác dụng của các thành phần hoá học cơ bản của chè.
- Nắm vững đặc điểm của các loại thực phẩm.
- Nắm được đặc điểm của một số bệnh thường gặp ở người (như tim mạch, cao huyết áp, ung thư, tả - lỵ...).

- **Về kỹ năng:**

- Phân biệt được vai trò của các chất quan trọng trong chè đối với cơ thể.
- Giải thích đầy đủ, chính xác cơ chế tác dụng của các thành phần hoá học cơ bản của chè trong cơ thể đối với từng trường hợp cụ thể.

- **Về thái độ:**

- Chịu khó, tích cực tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.
- Tham gia thảo luận đầy đủ, tích cực.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Hiện nay, khi người dân sử dụng đồ uống chè không khỏi băn khoăn đó là: “Uống chè có lợi hay có hại cho sức khỏe của họ, đặc biệt là đối với những người mắc các chứng bệnh kinh niên”. Vậy, uống chè có lợi hay có hại đối với sức khỏe của chúng ta và vì sao lại như vậy?

Đây là vấn đề quan trọng trong phần tác dụng của đồ uống chè, nó giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng để giải thích về tác dụng của đồ uống chè đối với cơ thể trong từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, qua đây đưa ra khuyến cáo đối với người dân khi sử dụng đồ uống chè sao cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể để đạt hiệu quả tốt nhất.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Văn hoá uống chè ở Việt Nam và trên thế giới.

- Thành phần hoá học cơ bản của chè nguyên liệu.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học ra thành nhiều nhóm nhỏ: Mỗi tổ chia thành 2 nhóm, mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng để tổ chức thảo luận nhóm, ghi chép những nội dung thảo luận và theo dõi từng thành viên trong nhóm.
- Trong mỗi phần của môn học, giáo viên phải đưa ra ít nhất từ 1-2 vấn đề. Nên đưa ra những vấn đề mấu chốt, gắn kết với thực tế và mang tính thời sự cao. Thời gian đưa vấn đề cho sinh viên chuẩn bị ở nhà tối thiểu là 3 ngày.
- Các nhóm nộp báo cáo cho giáo viên trước mỗi buổi thảo luận.
- Giáo viên phổ biến các quy định về cách đánh giá bao gồm: Cho điểm theo cá nhân, theo nhóm, thời gian cho phép chuẩn bị ở nhà, giới hạn viết báo cáo, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo tối đa, thiết bị, phương tiện hỗ trợ báo cáo.

Các hoạt động cụ thể trong tiết học thảo luận

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của sinh viên</u>
1. Nhắc lại vấn đề đã được nêu.	1. Lắng nghe.
2. Lắng nghe sinh viên báo cáo, bao quát lớp học và ghi chép cần thiết.	2. Chỉ định đại diện một nhóm lên báo cáo. Các nhóm còn lại lắng nghe.
3. Lắng nghe và trợ giúp cho sinh viên khi cần thiết.	3. Các nhóm còn lại đóng góp ý kiến xung quanh vấn đề đặt ra.
4. Tóm tắt lại những nội dung cần nắm ở vấn đề được nêu ra. Nhận xét, đánh giá sơ bộ giữa các nhóm.	4. Lắng nghe và ghi chép.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Đánh giá thông qua cho điểm, kết quả trung bình các seminar được dùng để thay cho điểm kiểm tra 15 phút.
- Điểm kiểm tra chiếm 20% tổng điểm đánh giá môn học.
- Chấm điểm theo nhóm và theo cá nhân. Các tiêu chí đánh giá và tỷ trọng điểm như sau:

Tiêu chí đánh giá	Tổ chức thảo luận nhóm	Bài chuẩn bị của nhóm	Trình bày báo cáo	Thảo luận sau khi báo cáo
-------------------	------------------------	-----------------------	-------------------	---------------------------

Tỷ trọng điểm (%)	40	30	10	20
--------------------------	----	----	----	----

* **Chú ý:**

- Phân tổ chức thảo luận nhóm: Đánh giá thông qua báo cáo theo dõi của nhóm trưởng
 - + Tham gia đầy đủ, tích cực: 40%
 - + Có tham gia đầy đủ nhưng chưa tích cực: 20%
 - + Không tham gia: 0%
- Phần bài chuẩn bị của nhóm: Đánh giá thông qua nội dung, hình thức trình bày và báo cáo theo dõi của nhóm trưởng
- Đánh giá nhóm:
 - + Bài trình bày đầy đủ, rõ ràng, khoa học: 30%
 - + Bài trình bày khá đầy đủ, rõ ràng, khoa học: 20%
 - + Bài trình bày chưa đầy đủ, không rõ ràng, khoa học: 10%
- Đánh giá cá nhân:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến tích cực: 30%
 - + Tham gia đóng góp ý kiến khá tích cực: 20%
 - + Tham gia đóng góp ý kiến nhưng chưa tích cực: 10%
 - + Không tham gia đóng góp ý kiến: 0%
- Phần trình bày báo cáo: Chỉ định người báo cáo, đánh giá căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và thái độ của người trình bày (có giới hạn thời gian trình bày tối đa).
 - + Không trình bày được nội dung của vấn đề: Nhóm 0%, người báo cáo bị trừ 10%
 - + Trình bày được nội dung của vấn đề nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng: Cả nhóm 5%
 - + Trình bày được nội dung của vấn đề một cách đầy đủ, rõ ràng: Cả nhóm 10%
- Phần thảo luận sau báo cáo: Đánh giá dựa vào tinh thần xung phong và chỉ định phát biểu. Trong phần này giáo viên phải tạo ra được bầu không khí để khuyến khích tất cả sinh viên đóng góp ý kiến của mình xung quanh vấn đề nêu ra một cách tự nhiên, thoải mái. Đặc biệt, giáo viên nên có những động tác động viên, khen ngợi kịp thời đối với tất cả các ý kiến phát biểu (kể cả các ý kiến trái chiều).
 - + Nhóm không có ý kiến phát biểu nào: Cả nhóm 0%
 - + Nhóm có 1 ý kiến phát biểu: Nhóm 10%, cá nhân 15%
 - + Nhóm có từ 2 ý kiến phát biểu trở lên: Cả nhóm 20%

Quản lý nhà nước tại cảng biển

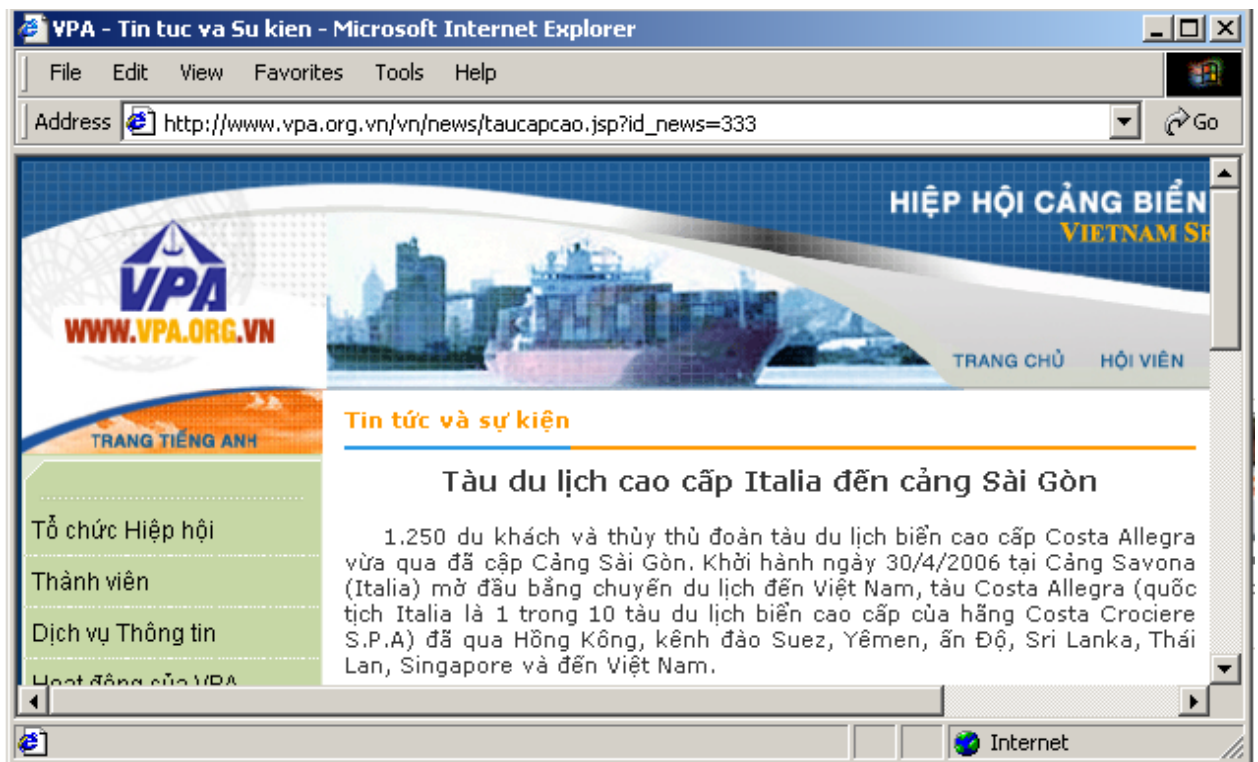
Biên soạn: TS. Nguyễn Quốc Khánh – Viện KH&CN Khai thác Thủy sản

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Theo tin tức được đăng tải trên Webside của Hiệp hội cảng biển Việt Nam (VPA) và theo số liệu từ Cảng vụ Nha Trang có các trường hợp tàu đến cảng như sau:

Trường hợp 1:



Trường hợp 2:



quốc tịch Việt Nam, tuyến hoạt động nội địa, chờ hàng khởi từ Cảng đến từ Cảng Hải Phòng đến cảng Nha Trang.

Vấn đề đặt ra là các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển thực hiện nghiệp vụ giải quyết thủ tục cho tàu đến cảng như thế nào đối với các trường hợp trên?

2. Hệ thống câu hỏi

- Cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng của mình?
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đối tượng quản lý của Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng, Kiểm định y tế?
- Trường hợp nào thì chỉ có Cảng vụ giải quyết thủ tục, trường hợp nào thì cần phải có các cơ quan khác tham gia giải quyết, tại sao?
- Đối tượng quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển?
- Thời gian, địa điểm và thủ tục cần thiết?

3. Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 71/2006/NĐ-CP, ngày 25 tháng 07 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải (Chương III).

2. Bài giảng môn quản lý nhà nước tại cảng biển- Nguyễn Quốc Khánh, Đại học Nha Trang (bài 3, chương II, phần III).

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Trọng tâm của vấn đề này ở Phần III, chương VIII của môn Quản lý nhà nước tại cảng biển. Tuy nhiên, đây là vấn đề mang tính tổng hợp, do đó đòi hỏi sinh viên phải nghiên cứu toàn bộ chương trình môn học Quản lý nhà nước tại cảng biển mới giải quyết thỏa đáng toàn bộ vấn đề.

5. Mục tiêu của vấn đề

a/ Nhận thức:

Mục tiêu của vấn đề giúp cho sinh viên biết được quy trình và cách thức giải quyết thủ tục cho tàu vào cảng. Qua đây giúp sinh viên hệ thống lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển. Ngoài ra, vấn đề còn giúp cho sinh viên biết được khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn trên cơ sở quy định của pháp luật.

b/ Thái độ:

Từ những tình huống thực tế cụ thể này giúp cho sinh viên thêm yêu ngành học, môn học và quan trọng hơn cả là sinh viên thấy được những kiến thức của môn học là hoàn toàn thực tế, phù hợp với công việc hiện tại mà xã hội đang thực hiện. Qua đây kích thích sinh viên hăng hái tìm tòi những vấn đề mới trong thực tiễn.

c/ Kỹ năng:

Vấn đề giúp cho sinh viên hình thành được kỹ năng giao tiếp với các đối tượng mà cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển quản lý. Ngành vận tải hàng hải mang tính quốc tế cao, tàu thuyền đến cảng từ các nơi trên thế giới và thuyền viên cũng mang quốc tịch khác nhau. Vì vậy những tập tục sinh hoạt, luật pháp áp dụng ở các tàu này cũng khác nhau. Cán bộ quản lý nhà nước tại cảng biển phải am hiểu được điều này để xử lý công việc được nhanh chóng.

Ngoài ra, vấn đề còn rèn luyện sinh viên biết cách làm việc theo nhóm, sinh viên có thể học hỏi và chia sẻ cùng với bạn bè những cái mình chưa biết và những lĩnh vực mà mình biết. Do đó hiệu quả học tập cũng được nâng cao.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Đây là vấn đề mang tính thực tiễn rất cao, bởi vì trong những năm gần đây hoạt động vận tải hàng hải của nước ta diễn ra tập nập và tiềm năng phát triển còn rất lớn. Ý nghĩa

của vấn đề này là bắt buộc tất cả các tàu thuyền muốn vào cảng biển phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Việt Nam. Hơn nữa, đây là công việc gắn liền với sinh viên ngành An toàn hàng hải, khi sinh viên ra trường làm công tác quản lý nhà nước tại cảng biển thì đối tượng quản lý chính là tàu thuyền.

Giải quyết thủ tục cho tàu vào cảng là công việc thường ngày của cảng vụ. Nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết thủ tục cho tàu vào cảng một cách nhanh chóng là hết sức cần thiết nhằm thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở các cảng biển nước ta hiện nay.

7. Những nội dung lý thuyết cần được dạy trước

Khi đưa ra vấn đề này thì tôi đã truyền đạt cho sinh viên các kiến thức về hệ thống pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước tại cảng biển, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển (các cơ quan thực thi pháp luật tại cảng biển).

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Chuẩn bị: 2 tuần trước khi triển khai vấn đề này, tôi hướng dẫn sinh viên những tài liệu có liên quan, cách thức tìm hiểu và thực hiện vấn đề. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu và tìm hiểu trước những nội dung của vấn đề dựa trên những câu hỏi gợi ý.

Thảo luận tại lớp:

- Thời lượng của vấn đề này là 3 tiết.
- Chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 sinh viên, nhóm thảo luận và ghi lại bài thảo luận hoàn chỉnh. Thời gian thảo luận nhóm khoảng 45 phút.
- Gọi một nhóm lên trình bày phương án của nhóm mình. Sau đó cho các nhóm còn lại phân tích, đánh giá, bổ sung. Công đoạn này thực hiện khoảng 45 phút.
- Cuối cùng tổng hợp lại, bổ sung thêm để đưa ra phương án tốt nhất
- Thu lại bài thảo luận của từng nhóm để làm cơ sở cho việc chấm điểm.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Chấm điểm chung cho cả nhóm dựa trên bài thảo luận của nhóm.
- Cộng thêm điểm cho sinh viên nào đề xuất thêm phương án giải quyết ở cuộc thảo luận lớp, cũng như những sinh viên có tinh thần, trách nhiệm và thái độ tích cực trong buổi thảo luận.
- Đồng thời cũng trừ bớt điểm cho những sinh viên không nhiệt tình tham gia. Tránh tình trạng ăn theo, bằng cách gọi ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời các câu hỏi của vấn đề, nếu trả lời không được hoặc lạc khỏi vấn đề thì trừ bớt điểm.
- Điểm thảo luận này cộng với điểm kiểm tra rồi chia trung bình để lấy điểm kiểm

tra chính thức (tỷ trọng 30%).

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

Theo tạp chí hàng hải Việt Nam số 4-2006, với bài Thống nhất các biện pháp giảm thiểu, tiến tới loại trừ việc tàu biển Việt Nam bị lưu giữ qua kiểm tra nhà nước tại cảng biển (PSC), bài báo nhận định:

“Trước tình trạng Việt Nam bị xếp vào danh sách các quốc gia có tỷ lệ tàu bị lưu giữ cao nhất hàng năm (cao gấp 2-2,5 lần tỷ lệ bình quân về tàu bị lưu giữ trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương), gây tổn thất về tài chính, ảnh hưởng đến thương hiệu của chủ tàu có tàu bị lưu giữ, ảnh hưởng đến uy tín chung của đội tàu biển Việt Nam, uy tín ngành hàng hải Việt Nam và nhất là ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của chúng ta...”

Vậy với góc độ quản lý nhà nước tại cảng biển nói chung và thanh tra an toàn hàng hải cảng vụ nói riêng cần phải thực hiện nghiệp vụ của mình như thế nào để giải quyết vấn đề mà báo chí đã nêu ra.

2. Hệ thống câu hỏi

Trước khi giải quyết vấn đề này, sinh viên cần tìm hiểu những nội dung sau đây:

- Cơ sở pháp lý nào để thanh tra an toàn hàng hải thực hiện chức năng của mình?
- Những dấu hiệu nào chứng tỏ tàu không đảm bảo an toàn hàng hải?
- Quy trình để thực hiện thanh tra an toàn hàng hải đối với tàu thuyền như thế nào?
- Thanh tra an toàn hàng hải là thực hiện những nội dung gì?
- Khi tàu vi phạm thì xử lý ra sao?

3. Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2005 (điều 9 và điều 29).
2. Quyết định số 70/2005/QĐ-BGTVT, ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Bộ giao thông vận tải quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra an toàn hàng hải.
3. Bài giảng môn quản lý nhà nước tại cảng biển- Nguyễn Quốc Khánh, Đại học Nha Trang (bài 5, chương III, phần III).
4. Sổ tay kiểm tra nhà nước tại cảng biển.

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Trọng tâm của vấn đề này ở bài 5, chương VIII, phần III của môn quản lý nhà nước tại cảng biển. Tuy nhiên để giải quyết tốt vấn đề, sinh viên cần nắm kỹ Phần I (Hệ thống pháp luật) và Phần II (Hệ thống tổ chức thực thi pháp luật).

5. Mục tiêu của vấn đề

a/ Nhận thức:

Mục tiêu của vấn đề giúp cho sinh viên biết được quy trình, cách thức và nội dung công việc cụ thể thanh tra an toàn hàng hải đối với tàu thuyền. Sinh viên cũng nhận thức được tầm quan trọng của thanh tra an toàn hàng hải trong hoạt động vận tải hàng hải ngày nay. Qua đây giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức đã học về nghiệp vụ thanh tra an toàn hàng hải và sinh viên có khả năng tiếp cận thực tế nhanh hơn. Ngoài ra, vấn đề còn giúp cho sinh viên biết được khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn trên cơ sở quy định của pháp luật.

b/ Thái độ:

Từ những tình huống thực tế cụ thể này giúp cho sinh viên thêm yêu ngành học, môn học và quan trọng hơn cả là sinh viên thấy được những kiến thức của môn học là hoàn toàn thực tế, phù hợp với công việc hiện tại mà xã hội đang thực hiện. Qua đây kích thích sinh viên hăng hái tìm tòi những vấn đề mới trong thực tiễn.

c/ Kỹ năng:

Vấn đề giúp cho sinh viên hình thành được kỹ năng giao tiếp với các đối tượng mà cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển quản lý. Ngành vận tải hàng hải mang tính quốc tế cao, tàu thuyền đến cảng từ các nơi trên thế giới và thuyền viên cũng mang quốc tịch khác nhau. Vì vậy những tập tục sinh hoạt, luật pháp áp dụng ở các tàu này cũng khác nhau. Cán bộ quản lý nhà nước tại cảng biển phải am hiểu được điều này để xử lý công việc được nhanh chóng.

Ngoài ra, vấn đề còn rèn luyện sinh viên biết cách làm việc theo nhóm, sinh viên có thể học hỏi và chia sẻ cùng với bạn bè những cái mình chưa biết và những lĩnh vực mà mình biết. Do đó hiệu quả học tập cũng được nâng cao.

6. Tính thực tiễn của vấn đề

Đây là vấn đề mang tính thực tiễn rất cao, bởi vì trong những năm gần đây hoạt động vận tải hàng hải của nước ta diễn ra tập nập và tiềm năng phát triển còn rất lớn. Ý nghĩa của vấn đề này là bắt buộc tất cả các tàu thuyền muốn vào cảng biển phải tuân thủ đầy

đủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, việc thanh tra an toàn hàng hải đối với tàu thuyền trước khi rời cảng giúp cho các tàu thuyền Việt Nam không bị lưu giữ ở các cảng biển nước ngoài, qua đây nâng cao được hình ảnh tích cực của đội tàu biển Việt Nam trên thị trường hàng hải quốc tế. Bởi vì trong những năm qua tỷ lệ tàu biển Việt Nam bị lưu giữ ở các cảng biển nước ngoài cao gấp 2 –2,5 lần các nước trong khu vực và Việt Nam hiện nằm trong danh sách đen của tổ chức IMO.

Hơn nữa, đây là công việc gắn liền với sinh viên ngành An toàn hàng hải, khi sinh viên ra trường làm công tác quản lý nhà nước tại cảng biển thì đối tượng quản lý chính là tàu thuyền.

7. Những nội dung lý thuyết cần được dạy trước

Khi đưa ra vấn đề này, cần truyền đạt cho sinh viên các kiến thức về hệ thống pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước tại cảng biển, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển (các cơ quan thực thi pháp luật tại cảng biển). Đặc biệt là chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra cảng vụ.

8. Cách thức tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Chuẩn bị: 2 tuần trước khi triển khai vấn đề này, tôi hướng dẫn sinh viên những tài liệu có liên quan, cách thức tìm hiểu và thực hiện vấn đề. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu và tìm hiểu trước những nội dung của vấn đề dựa trên những câu hỏi gợi ý.

Thảo luận tại lớp:

- Thời lượng của vấn đề này là 3 tiết.
- Chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 sinh viên, nhóm thảo luận và ghi lại bài thảo luận hoàn chỉnh. Thời gian thảo luận nhóm khoảng 45 phút.
- Gọi một nhóm lên trình bày phương án của nhóm mình. Sau đó cho các nhóm còn lại phân tích, đánh giá, bổ sung. Công đoạn này thực hiện khoảng 45 phút.
- Cuối cùng tổng hợp lại, bổ sung thêm để đưa ra phương án tốt nhất
- Thu lại bài thảo luận của từng nhóm để làm cơ sở cho việc chấm điểm.

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

- Chấm điểm chung cho cả nhóm dựa trên bài thảo luận của nhóm.
- Cộng thêm điểm cho sinh viên nào đề xuất thêm phương án giải quyết ở cuộc thảo luận lớp, cũng như những sinh viên có tinh thần, trách nhiệm và thái độ tích cực trong buổi thảo luận.

- Đồng thời cũng trừ bớt điểm cho những sinh viên không nhiệt tình tham gia. Tránh tình trạng ăn theo, bằng cách gọi ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời các câu hỏi của vấn đề, nếu trả lời không được hoặc lạc khỏi vấn đề thì trừ bớt điểm.

- Điểm thảo luận này cộng với điểm kiểm tra rồi chia tgrung bình để lấy điểm kiểm tra chính thức (tỷ trọng 30%).

Luồng lạch - Hoa tiêu

Biên soạn: ThS. Phạm Văn Thông - Viện KH&CN Khai thác Thủy sản

Hình 1: Trường hợp lắp thêm phao báo hiệu tại công trình cầu Thuận Phước vào tháng 01/2004. Thông tin từ <http://www.vpa.org.vn/indexvn.jsp>

BỐ TRÍ BÁO HIỆU PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG CẦU THUẬN PHƯỚC VƯỢT SÔNG HÀN - ĐÀ NẴNG

- ĐN-01-2004
- Vùng biển: Đà Nẵng
- Phụ cận: Biển Đông
- Tên luồng: Luồng Đà Nẵng

Căn cứ báo cáo bố trí báo hiệu phục vụ thi công xây dựng cầu Thuận Phước vượt Sông Hàn - Đà Nẵng do Xí nghiệp Khảo Sát Bảo đảm An Toàn Hàng hải số 1 và Bảo đảm An Toàn Hàng hải khu vực II thuộc Bảo đảm An toàn Hàng hải Việt Nam hoàn thành ngày 07 tháng 01 năm 2004; Bảo đảm an toàn Hàng hải Việt Nam thông báo như sau:

STT	Tên báo hiệu	Vị trí Vĩ độ (N) Kinh độ (E)	Tác dụng	Hình dạng	Màu sắc	Số hiệu	Dấu hiệu đỉnh	Đặc tính ánh sáng	Chiều cao tâm sáng (M)	Tầm hiệu lực (HL)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	PK1	B=16°05'52"5 L=108°13'18"0 φ=16°05'45"5 λ = 108°13'07"7	Báo hiệu công trình đang thi công	Thân phao hình tháp công lưới	Toàn thân màu vàng	K1	Hình chữ "X" màu vàng	Ánh sáng màu vàng, chớp nhóm (3+1) chu kỳ 12 giây	3,6	2,5
2	PK2	B=16°05'52"9 L=108°13'21"0 φ=16°05'45"9 λ = 108°13'10"7	Báo hiệu công trình đang thi công	Thân phao hình tháp công lưới	Toàn thân màu vàng	K2	Hình chữ "X" màu vàng	Ánh sáng màu vàng, chớp nhóm (3+1) chu kỳ 12 giây	3,6	2,5

Hình 2: Trường hợp lắp thêm phao báo hiệu tại công trình cầu Thuận Phước vượt Sông Hàn - Đà Nẵng vào tháng 01/2004. Thông tin từ <http://www.vpa.org.vn/indexvn.jsp>

3	PK3	B=16°05'42"1 L=108°13'19"5 φ=16°05'35"1 λ = 108°13'09"2	Báo hiệu công trình đang thi công	Thân phao hình tháp công lưới	Toàn thân màu vàng	K3	Hình chữ "X" màu vàng	Ánh sáng màu vàng, chớp nhóm (3+1) chu kỳ 12 giây	3,6	2,5
		B=16°05'42"5	Báo hiệu công trình đang thi công	Thân phao hình tháp công lưới	Toàn thân màu vàng	K3	Hình chữ "X" màu vàng	Ánh sáng màu vàng, chớp nhóm (3+1) chu kỳ 12 giây	3,6	2,5

TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG PHAO BÁO HIỆU ĐÁ NGÀM VỊNH ĐÀ NẴNG

TH – 09 – 2004

Vùng biển : Đà Nẵng

Phụ cận : Biển Đông

Tên báo hiệu: Phao đá ngầm "PĐN"

Tọa độ địa lý:

kinh độ: 16°09'36" N

- Theo anh, chỉ những yếu tố nào thường thay đổi trên luồng Đà Nẵng?
- Làm thế nào để nắm bắt được sự thay đổi của các yếu tố trên?
- Ảnh hưởng của những yếu tố trên đến việc điều động tàu và cách khắc phục?
- Hậu quả gì có thể xảy ra nếu không nắm bắt được thông tin mới và vận dụng chính xác trong điều động tàu?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Duy Toàn, bài giảng thông tin Báo hiệu và Cứu nạn trên biển ĐHTS năm 2004 (xem chương II).

[2]. Phạm Văn Thông, bài giảng Luồng lạch- Hoa tiêu, ĐHNT năm 2006 (xem mục II.1.2, chương II, phần I).

[3]. Bình đồ luồng Đà Nẵng.

[4]. Phần mềm Google Earth dùng để quan sát thực tế luồng với phối cảnh 3D (máy phải kết nối được Internet).

[5]. Website: <http://www.vpa.org.vn> (chọn mục An toan-An ninh, sau đó tìm các mục liên quan đến luồng Đà Nẵng).

[6]. Website: <http://www.ship-squat.com> (tìm hiểu thông tin liên quan đến hiện tượng Squat của tàu).

4. Vị trí vấn đề trong môn học

Thuộc mục II.2, chương II, phần I, bài giảng Luồng lạch-Hoa tiêu của GV. Phạm Văn Thông, ĐHNT năm 2006.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

5.1. Kiến thức

- Sinh viên sớm tiếp cận được những vấn đề đang diễn ra trong thực tiễn có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành đang học, đồng thời Sinh viên được trang bị kiến thức để tự giải quyết vấn đề.

- Do sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu để giải quyết vấn đề nên họ sẽ nắm bài học một cách sâu sắc và sẽ nhớ lâu hơn.

- Giúp sinh viên nắm rõ, hiểu sâu cách tiếp cận thông tin và ứng dụng các thiết bị bảo đảm hàng hải trong điều động tàu.

- Giúp sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết vào thực tế.

5.2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho sinh viên thói quen và kỹ năng đọc tài liệu, phương pháp tư duy khoa học, tranh luận khoa học, làm việc tập thể.

- Rèn luyện cho sinh viên thêm một số kỹ năng

+ Kỹ năng quan sát, tư duy và phán đoán chính xác đối tượng

+ Kỹ năng phân tích, tổng hợp

+ Tự tin trong khi trình bày vấn đề trước đám đông

5.3. Thái độ

- Tạo cho sinh viên sự hăng say, tích cực và chủ động trong học tập

- Tạo sự tò mò và thái độ ham hiểu biết, ham học hỏi

- Tạo tính tự giác trong sinh viên về việc học của mình

- Hứng thú khi làm việc theo nhóm và trình bày vấn đề mà nhóm đã thảo luận đưa ra.

6. Tính thực tiễn, thời sự của vấn đề

Với trường hợp ở hình 1 và hình 2 cho thấy sự thay đổi các thiết bị bảo đảm hàng hải trên luồng một cách thường xuyên vì vậy việc nắm bắt và vận dụng trong điều động tàu là hết sức cần thiết.

Sự thay đổi dòng chảy, thủy triều hàng ngày cũng ảnh hưởng rất lớn đến điều động tàu. Đồng thời sự thay đổi thời tiết cũng ảnh hưởng đến công tác điều động tàu.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết được vấn đề trên, trước hết sinh viên phải được học qua mục II.2, chương II, phần I trong bài giảng Luồng lạch- Hoa tiêu của GV. Phạm Văn Thông.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Khâu tổ chức vấn đề được chia làm các bước sau:

8.1. Khâu chuẩn bị

Đối với Giảng viên	Đối với sinh viên
Chuẩn bị vấn đề bao gồm: nội dung, câu hỏi đi kèm, câu hỏi hướng dẫn, tài liệu tham khảo, cách đánh giá. Lên kế hoạch lịch làm việc, sơ đồ tổ chức nhóm khi thảo luận, đưa ra điều kiện chia nhóm	
Đưa trước các công việc, nội dung mà lớp, thành viên trong lớp cần chuẩn bị ít nhất 2 tuần bao gồm:	
1. Nội dung vấn đề	Tiếp cận vấn đề và nghiên cứu hướng giải quyết trước ở nhà
2. Câu hỏi đi kèm và câu hỏi hướng dẫn	Sinh viên tìm hiểu và lần lượt trả lời tất cả các câu hỏi. Khi trả lời cần có hình ảnh minh họa
3. Tài liệu tham khảo	Tiếp cận các nguồn tài liệu để có hướng và có cách giải quyết cho đúng, sâu, rộng.
4. Cách đánh giá	Tìm hiểu các tiêu chí đánh giá của giáo viên để chuẩn bị cho tốt
5. Lịch làm việc	Sinh viên biết để chủ động bố trí thời gian thảo luận, sắp xếp nhóm, trả lời ...
6. Sơ đồ nhóm và điều kiện chia nhóm	Lớp chuẩn bị để đảm bảo các nhóm hoạt động đều và các thành viên biết được nhóm mình cũng như vị trí của nhóm trong lớp.
7. Giảng viên nhận lại danh sách thành viên từng nhóm trước 2 hoặc 4 ngày diễn ra thảo luận	BCS lớp hoàn thành việc chia nhóm và nộp cho giảng viên phụ trách

8.2. Nguyên tắc chia nhóm và tổ chức nhóm

Lớp học được chia nhóm, mỗi nhóm có khoảng 10 sinh viên và phải có 1 nhóm trưởng, 1 thư ký. Năng lực học tập và tính năng động của thành viên các nhóm phải được phân bố đều nhau. Nhóm trưởng từng nhóm quán triệt chung nhóm mình và chịu trách nhiệm trước giáo viên hướng dẫn về tình hình chuẩn bị cũng như thảo luận của nhóm. Thư ký

có nhiệm vụ tổng hợp ý kiến khi thảo luận và đánh giá của thành viên trong nhóm, khi báo cáo. Thư ký cùng với nhóm trưởng thống nhất cho việc đánh giá hoạt động của các thành viên trong nhóm để có ưu tiên cộng điểm.

8.3. Thảo luận

Thời gian dành cho buổi thảo luận là 3 tiết (135 phút)

Hoạt động giảng viên	Hoạt động sinh viên
Ổn định lớp trong vòng 02 phút bằng cách kiểm tra số lượng mỗi nhóm qua nhóm trưởng	SV ngồi theo nhóm của mình đã được thông báo và nhóm trưởng báo cáo sĩ số nhóm
05 phút để kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của Sinh viên bằng cách đi bao quát lớp và lấy số liệu qua nhóm trưởng báo cáo	Sinh viên phải đưa bài chuẩn bị của mình ra tại vị trí của nhóm và nhóm trưởng báo cáo lại cho giáo viên phụ trách
Mỗi nhóm tự thảo luận với nhau trong vòng 10-15 phút, giáo viên theo dõi và bao quát toàn bộ lớp, xử lý các trường hợp như làm ồn, thiếu tập trung ... xảy ra Giải đáp những khuất mắt của Sinh viên trong quá trình thảo luận	* Các thành viên trong nhóm thảo luận với nhau để thống nhất cách giải quyết vấn đề khi lên trình bày * Khi thảo luận xong thì nhóm trưởng đăng ký quyền báo cáo trước
Tổ chức cho nhóm lên trình bày. Thời gian trình bày và đánh giá giới hạn cho mỗi nhóm là 15-20 phút. Giáo viên theo dõi cách trình bày, nội dung, và theo các tiêu chí đánh giá để thống nhất cho điểm	* Đại diện của nhóm lên trình bày cách giải quyết vấn đề của nhóm mình * Các thành viên còn lại trong nhóm có thể bổ sung và hỗ trợ cho nhóm mình * Đối với các nhóm khác phải tập trung lắng nghe và đặt ra những câu hỏi để nhóm báo cáo trả lời. Sau đó là đánh giá từng nhóm
Giáo viên phân tích các ý đúng, chỉ ra ý sai để sinh viên nắm bắt. Thời gian khoảng 10-15 phút.	Lắng nghe và ghi chép những điều cần thiết.

Thời gian còn lại (khoảng 5 phút) công bố kết quả thảo luận từng nhóm và kế hoạch chuẩn bị bài học tiếp theo.	Lắng nghe điểm của nhóm mình đồng thời ghi chép những công việc cần chuẩn bị tiếp theo.
---	---

9. Cách đánh giá điểm và biện pháp động viên SV tham gia

9.1. Đánh giá trình bày theo nhóm

Thang điểm tối đa khi đánh giá mỗi nội dung là thang điểm 10.

Nhóm số	TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	1	Hình thức trình bày (bố cục, trang trí hình ảnh...)	
	2	Nội dung trình bày	
	3	Trả lời câu hỏi khi thảo luận	
	4	Điểm trung bình	

Tham khảo kết quả của các nhóm đánh giá lẫn nhau, giảng viên là người quyết định cuối cùng. Kết quả cuối cùng này là điểm của những thành viên trong nhóm.

9.2. Đánh giá đối với cá nhân

Thang điểm tối đa khi đánh giá cho nội dung này là thang điểm 2.

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
Thưởng	Người trình bày	Cộng tối đa 2 điểm
	Tham gia tích cực, có câu trả lời chính xác	Cộng tối đa 1 điểm
Phạt	Không tham gia vào hoạt động của nhóm, thụ động trong thảo luận	Trừ tối đa 1 điểm
	Không chuẩn bị bài theo nội dung đã cho trước	Trừ tối đa 2 điểm

Tham khảo kết quả của các nhóm và trong nhóm, giảng viên là người quyết định cuối cùng. Kết quả này cùng với kết quả tại mục 9.1 sẽ là cột điểm cho sinh viên. Nếu:

Đạt từ 9 đến 10 điểm	Cộng 2 điểm cho bài kiểm tra
Đạt từ 8 đến <9 điểm	Cộng 1 điểm cho bài kiểm tra
Đạt từ 7 đến <8 điểm	Cộng 0,5 điểm cho bài kiểm tra
Nhỏ hơn <7 điểm	Không cộng điểm cho bài kiểm tra

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

“Làm thế nào để điều động tàu an toàn trên tuyến luồng Sài Gòn - Vũng Tàu?”

Hiện nay, an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu trong mọi lĩnh vực như: công nghiệp, xây dựng, hàng hải... Điều này đặc biệt quan trọng đối với ngành Hàng hải mà cụ thể là trong lĩnh vực điều động tàu. Nếu sự cố xảy ra thì thiệt hại vô cùng lớn cả người và của, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của khu vực đó mà còn tác động xấu đến nền kinh tế đất nước. Đó cũng chính là vấn đề được Cục hàng hải Việt Nam, công ty Hoa tiêu khu vực I... vô cùng quan tâm.

Dưới đây là hai trường hợp ví dụ:

Hình 1: Trường hợp tàu Uniorward đâm va trên tuyến luồng Sài Gòn - Vũng Tàu. Trích bản tin tại <http://www.vnexpress.net/Vietnam/Phap-luat/2005/12/3B9E4FE3> ngày 12/12/2005

Hậu quả nặng nề

Mỗi con tàu đều mang trong bụng nó hàng trăm tấn dầu cả DO và FO với chức năng là nhiên liệu, chưa kể các tàu chở dầu có thể tới hàng chục vạn tấn, khi không may bị chìm hoặc đâm va đều tiềm ẩn nguy cơ tràn dầu ra biển. Thống kê của Cục Hàng hải VN (HHVN) từ năm 1992-2004 xảy ra 928 vụ tai nạn tàu thủy, đồng nghĩa với nguy cơ tràn dầu ngày càng lớn. Dầu tràn gây hậu quả nặng nề về nhiều mặt. Đơn cử vụ tàu chở dầu Neptune Aries (Singapore) đâm vào cầu tàu cảng Cái Tiên trên sông Sài Gòn hồi tháng 10.1994, làm tràn 1.584 tấn dầu DO và hơn 150 tấn xăng dầu các loại từ đường ống dẫn dầu của cầu cảng. Do ứng phó tràn dầu không kịp thời, nên toàn bộ vùng nước cảng và 30.000ha ruộng lúa xung quanh bị thiệt hại. Vết dầu loang rộng khoảng 59-60km, đổ thẳng vào hệ thống sông Đồng Nai, lan đi các kênh rạch chằng chịt làm tăng độ nguy hiểm và ô nhiễm môi trường. Nồng độ dầu trong bùn và nước rất cao, ảnh hưởng lâu dài với hầu hết hệ sinh thái thủy vực, rừng ngập mặn, thảm thực vật ven sông. Thiệt hại từ sự cố tràn dầu này ước tính 28 triệu USD, song ta chỉ đòi được chủ tàu bồi thường 4,2 triệu USD.

Khi tiềm lực tài chính của chủ tàu hạn chế thì Nhà nước sẽ bị thua thiệt nặng. Vụ sà lan dầu Hồng Anh 06 bị đắm tại phao số 7, luồng Vũng Tàu - Sài Gòn ngày 20.3.2003, để tràn 40 tấn dầu không thu hồi được là một ví dụ. Bồi chủ tàu là Cty TNHH Trọng Nghĩa, Bình Dương chỉ

Hình 2: Một vài trường hợp tai nạn hàng hải trên luồng Sài Gòn - Vũng Tàu. Trích bản tin tại <http://www.monre.gov.vn/monreNet/default.aspx?tabid=209&ItemID=4634>,

...Chiều nay, Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại TP HCM đã tiến hành xét xử phúc thẩm vụ tàu chở hàng container mang tên Uniforward (của Công ty Evergreen Marine Corporation LTD - Đài Loan) đâm xà lan số SG.00994 (thuộc Công ty công trình đường thủy miền Nam, viết tắt là Sangco) vào tối 15/8/2004. Tai nạn này làm 7 người chết, 4 người khác bị thương và lan và tập trung người cứu, giải quyết trên cơ sở những câu hỏi sau:

2. Hệ thống câu hỏi

1. Theo anh, chị đề điều động tàu an toàn trên luồng Sài Gòn - Vũng Tàu, người điều khiển tàu cần nắm những đặc điểm nào?
2. Đặc điểm trên ảnh hưởng như thế nào đến việc điều động tàu an toàn?
3. Nguyên tắc chung khi điều động trên luồng Sài Gòn - Vũng Tàu?
4. Thiệt hại từ những vụ va chạm đến cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế khu vực, đất nước?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- [1]. Phan Trọng Huyền, bài giảng điều động tàu, ĐHTS năm 2006 (toàn tập).
- [2]. Nguyễn Duy Toàn, bài giảng thông tin Báo hiệu và Cứu nạn trên biển ĐHTS năm 2004 (xem chương II).
- [3]. Phạm Văn Thông, bài giảng Luồng lạch- Hoa tiêu, ĐHNT năm 2006 (xem mục II.1.1, chương II, phần I).
- [4]. Website <http://www.pilotcol.com>
- [5]. Bình đồ tổng quát luồng về bố trí báo hiệu hàng hải và bình đồ độ sâu luồng (file Autocad 2004 và file được cập nhật 2006).
- [6]. Phần mềm Google Earth dùng để quan sát thực tế luồng với phối cảnh 3D (máy phải kết nối được Internet).

4. Vị trí vấn đề trong môn học

Thuộc mục II.1, chương II, phần I, bài giảng Luồng lạch-Hoa tiêu của GV. Phạm Văn Thông, ĐHNT năm 2006.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

5.1. Kiến thức

- Sinh viên sớm tiếp cận được những vấn đề đang diễn ra trong thực tiễn có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành đang học, đồng thời Sinh viên được trang bị kiến thức để tự giải quyết vấn đề.

- Do sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu để giải quyết vấn đề nên họ sẽ nắm bài học một cách sâu sắc và sẽ nhớ lâu hơn.

- Giúp sinh viên nắm rõ, hiểu sâu các yếu tố ảnh hưởng đến việc điều động tàu an toàn trên luồng Sài Gòn – Vũng Tàu.

- Giúp sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết vào thực tế.

5.2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho sinh viên thói quen và kỹ năng đọc tài liệu, phương pháp tư duy khoa học, tranh luận khoa học, làm việc tập thể.

- Rèn luyện cho sinh viên thêm một số kỹ năng

+ Kỹ năng quan sát, tư duy và phán đoán chính xác đối tượng

+ Kỹ năng phân tích, tổng hợp

+ Tự tin trong khi trình bày vấn đề trước đám đông

5.3. Thái độ

- Tạo cho sinh viên sự hăng say, tích cực và chủ động trong học tập

- Tạo sự tò mò và thái độ ham hiểu biết, ham học hỏi

- Tạo tính tự giác trong sinh viên về việc học của mình

- Hứng thú khi làm việc theo nhóm và trình bày vấn đề mà nhóm đã thảo luận đưa ra.

6. Tính thực tiễn, thời sự của vấn đề

Với hai trường hợp minh họa ở hình 1 và 2 cho thấy vấn đề an toàn luôn là đề tài nóng bỏng và thường niên trong hoạt động kinh tế xã hội.

Mang tính thực tiễn cao bởi hàng ngày có khoảng 40 lượt tàu (chỉ tính tàu hàng, chưa kể các hoạt động hàng hải của các loại tàu nhỏ khác) hoạt động trên luồng Sài Gòn - Vũng Tàu (gồm có tàu cập cảng, rời cảng và di chuyển vị trí) cho nên vấn đề an toàn là đặt lên đầu. Nếu sự cố xảy ra thì thiệt hại về người, về của và trì hoãn hoạt động các phương tiện khác.

Các yếu tố của luồng luôn có sự thay đổi như độ sâu, chướng ngại vật, thiết bị hỗ trợ hàng hải... nên người điều khiển tàu cần nắm rõ và cập nhật thường xuyên khi tàu tham gia hoạt động trên luồng.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng trước khi giới thiệu vấn đề

Để giải quyết được vấn đề trên, trước hết sinh viên phải được trang bị những kiến thức cơ bản sau:

- Phân điều động trong bài giảng điều động tàu của TS. Phan Trọng Huyền.
- Học qua chương II trong bài giảng thông tin Báo hiệu và Cứu nạn trên biển của Ths. Nguyễn Duy Toàn.
- Học qua mục II.1, chương II, phần I trong bài giảng Luồng lạch - Hoa tiêu của GV. Phạm Văn Thông.

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

Khâu tổ chức vấn đề được chia làm các bước sau:

8.1. Khâu chuẩn bị

Đối với Giảng viên	Đối với Sinh viên
Chuẩn bị vấn đề bao gồm: nội dung, câu hỏi đi kèm, câu hỏi hướng dẫn, tài liệu tham khảo, cách đánh giá. Lên kế hoạch lịch làm việc, sơ đồ tổ chức nhóm khi thảo luận, đưa ra điều kiện chia nhóm	
Đưa trước các công việc, nội dung mà lớp, thành viên trong lớp cần chuẩn bị ít nhất 2 tuần bao gồm:	
1. Nội dung vấn đề	Tiếp cận vấn đề và nghiên cứu hướng giải quyết trước ở nhà
2. Câu hỏi đi kèm và câu hỏi hướng dẫn	Sinh viên tìm hiểu và lần lượt trả lời tất cả các câu hỏi. Khi trả lời cần có hình ảnh minh họa
3. Tài liệu tham khảo	Tiếp cận các nguồn tài liệu để có hướng và có cách giải quyết cho đúng, sâu, rộng.
4. Cách đánh giá	Tìm hiểu các tiêu chí đánh giá của giáo viên để chuẩn bị cho tốt
5. Lịch làm việc	Sinh viên biết để chủ động bố trí thời gian thảo luận, sắp xếp nhóm, trả lời ...

6. Sơ đồ nhóm và điều kiện chia nhóm	Lớp chuẩn bị để đảm bảo các nhóm hoạt động đều và các thành viên biết được nhóm mình cũng như vị trí của nhóm trong lớp.
7. Giảng viên nhận lại danh sách thành viên từng nhóm trước 2 hoặc 4 ngày diễn ra thảo luận	BCS lớp hoàn thành việc chia nhóm và nộp cho giảng viên phụ trách

8.2. Nguyên tắc chia nhóm và tổ chức nhóm

Lớp học được chia nhóm, mỗi nhóm có khoảng 10 sinh viên và phải có 1 nhóm trưởng, 1 thư ký. Năng lực học tập và tính năng động của thành viên các nhóm phải được phân bố đều nhau. Nhóm trưởng từng nhóm quán triệt chung nhóm mình và chịu trách nhiệm trước giáo viên hướng dẫn về tình hình chuẩn bị cũng như thảo luận của nhóm. Thư ký có nhiệm vụ tổng hợp ý kiến khi thảo luận và đánh giá của thành viên trong nhóm, khi báo cáo. Thư ký cùng với nhóm trưởng thống nhất cho việc đánh giá hoạt động của các thành viên trong nhóm để có ưu tiên cộng điểm.

8.3. Thảo luận: Thời gian dành cho buổi thảo luận là 3 tiết (135phút)

Hoạt động giảng viên	Hoạt động sinh viên
Ôn định lớp trong vòng 02 phút bằng cách kiểm tra số lượng mỗi nhóm qua nhóm trưởng	SV ngồi theo nhóm của mình đã được thông báo và nhóm trưởng báo cáo sĩ số nhóm
05 phút để kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của Sinh viên bằng cách đi bao quát lớp và lấy số liệu qua nhóm trưởng báo cáo	Sinh viên phải đưa bài chuẩn bị của mình ra tại vị trí của nhóm và nhóm trưởng báo cáo lại cho giáo viên phụ trách
Mỗi nhóm tự thảo luận với nhau trong vòng 10-15 phút, giáo viên theo dõi và bao quát toàn bộ lớp, xử lý các trường hợp như làm ồn, thiếu tập trung ... xảy ra Giải đáp những khúc mắc của Sinh viên trong quá trình thảo luận	* Các thành viên trong nhóm thảo luận với nhau để thống nhất cách giải quyết vấn đề khi lên trình bày * Khi thảo luận xong thì nhóm trưởng đăng ký quyền báo cáo trước

Tổ chức cho nhóm lên trình bày. Thời gian trình bày và đánh giá giới hạn cho mỗi nhóm là 15-20 phút. Giáo viên theo dõi cách trình bày, nội dung, và theo các tiêu chí đánh giá để thống nhất cho điểm	* Đại diện của nhóm lên trình bày cách giải quyết vấn đề của nhóm mình * Các thành viên còn lại trong nhóm có thể bổ sung và hỗ trợ cho nhóm mình * Đối với các nhóm khác phải tập trung lắng nghe và đặt ra những câu hỏi để nhóm báo cáo trả lời. Sau đó là đánh giá từng nhóm
Giáo viên phân tích các ý đúng, chỉ ra ý sai để sinh viên nắm bắt. Thời gian khoảng 10-15 phút.	Lắng nghe và ghi chép những điều cần thiết.
Thời gian còn lại (khoảng 5 phút) công bố kết quả thảo luận từng nhóm và kế hoạch chuẩn bị bài học tiếp theo.	Lắng nghe điểm của nhóm mình đồng thời ghi chép những công việc cần chuẩn bị tiếp theo.

9. Cách đánh giá điểm và biện pháp động viên SV tham gia

9.1. Đánh giá trình bày theo nhóm

Thang điểm tối đa khi đánh giá mỗi nội dung là thang điểm 10.

Nhóm số	TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm
	1	Hình thức trình bày (bố cục, trang trí hình ảnh...)	
	2	Nội dung trình bày	
	3	Trả lời câu hỏi khi thảo luận	
	4	Điểm trung bình	

Tham khảo kết quả của các nhóm đánh giá lẫn nhau, giảng viên là người quyết định cuối cùng. Kết quả cuối cùng này là điểm của những thành viên trong nhóm.

9.2. Đánh giá đối với cá nhân

Thang điểm tối đa khi đánh giá cho nội dung này là thang điểm 2.

Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm
Thưởng	Người trình bày	Cộng tối đa 2 điểm
	Tham gia tích cực, có câu trả lời chính xác	Cộng tối đa 1 điểm
Phạt	Không tham gia vào hoạt động của nhóm, thụ động trong thảo luận	Trừ tối đa 1 điểm

	Không chuẩn bị bài theo nội dung đã cho trước	Trừ tối đa 2 điểm
--	---	-------------------

Tham khảo kết quả của các nhóm đánh giá lẫn nhau và trong nhóm, giảng viên là người quyết định cuối cùng. Kết quả này cùng với kết quả tại mục 9.1 sẽ là cột điểm cho sinh viên. Nếu:

Đạt từ 9 đến 10 điểm	Cộng 2 điểm cho bài kiểm tra
Đạt từ 8 đến <9 điểm	Cộng 1 điểm cho bài kiểm tra
Đạt từ 7 đến <8 điểm	Cộng 0,5 điểm cho bài kiểm tra
Nhỏ hơn <7 điểm	Không cộng điểm cho bài kiểm tra

Quản trị học

Biên soạn: ThS. Lê Hồng Lam - Khoa Kinh tế

VẤN ĐỀ 1

1. Nội dung vấn đề

Với sự giúp đỡ của một tổ chức nhân đạo quốc tế, một Trung tâm y tế được xây dựng ở Việt Nam. Đây là một trung tâm được trang bị các loại thiết bị y tế hiện đại, trong quá trình chuẩn bị cho sự hoạt động, một số cán bộ y tế đã được đi tu nghiệp ở nước ngoài về chuyên môn. Nhưng theo yêu cầu của tổ chức nhân đạo, cần phải có một đợt tập huấn ngắn cho toàn bộ các lãnh đạo và nhân viên của Trung tâm Y tế về vấn đề quản lý.

Một giáo sư nổi tiếng của Trường Đại học Kinh tế được mời tới hướng dẫn cho đợt tập huấn về công việc quản lý. Ông đã giảng về lý thuyết quản lý, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của quản lý trong tất cả các tổ chức, giới thiệu công cụ và kỹ thuật quản lý để cải thiện chất lượng quản lý. Cuối đợt tập huấn, trong buổi trao đổi ý kiến, một người đã đứng dậy và nói: "Thưa giáo sư, chúng tôi rất thú vị về những gì mà giáo sư nói và thậm chí chưa đựng những kiến thức rộng lớn, có thể rất bổ ích, nhưng nó chỉ áp dụng cho những công ty kinh doanh, những xí nghiệp quốc doanh và tư nhân v.v... mà không thể áp dụng ở đây. Chúng tôi là những nhà khoa học, những bác sĩ cứu chữa con người, và chúng tôi không cần tới quản lý".

Lúc này, vị giáo sư kinh tế mới được biết rằng người phát biểu vừa rồi là một vị giáo sư bác sĩ đáng kính, là thầy của hầu hết các bác sĩ trẻ ở Trung tâm. Đồng thời vị giáo sư bác sĩ đó vừa mới đảm nhận chức vụ trưởng khoa của Trung tâm. Khi vị giáo sư bác sĩ phát biểu xong, hầu hết các bác sĩ và y tá đều im lặng và không có ý kiến gì thêm.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Giả sử rằng bạn là ông giáo sư kinh tế đang hướng dẫn cuộc tập huấn, bạn sẽ giải thích như thế nào để ông giáo sư bác sĩ đồng tình với ý kiến của bạn ?
- Bạn có nghĩ rằng một nhà khoa học lớn như vị giáo sư bác sĩ kia lại có thể phát biểu những lời như vậy không? Hãy giải thích tại sao một nhà khoa học cao cấp lại có thể phát biểu như vậy?
- Theo bạn, tại sao Hội đồng quản trị bổ nhiệm vị giám đốc mới đó? Bạn có ý kiến gì về việc này?
- Qua tình huống trên bạn nhận xét gì về hoạt động quản trị trong công ty?

- Giám đốc công ty đã làm tốt chức năng quản trị nào, chưa tốt chức năng quản trị nào?
- Nếu bạn ở cương vị giám đốc, bạn sẽ làm gì ?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Thống kê, 1997
- Trần Anh Tuấn. Quản trị học. Đại học Mở Bán công TP. HCM
- Nguyễn Thanh Hội. Quản trị học. NXB Thống kê, 1999
- Lê Hồng Lam. Quản trị học. Đại học Nha trang, 2006

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Vấn đề nằm trong chương Đại cương về công việc quản trị

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Cung cấp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa của hoạt động quản trị và nội dung cơ bản của hoạt động quản trị

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Đây là vấn đề mang tính thực tiễn, nhiều người khi làm quản trị vẫn chưa hiểu được ý nghĩa vai trò to lớn đối của hoạt động này với sự tồn tại và phát triển của tổ chức cũng như chưa nắm được những nội dung cơ bản của hoạt động quản trị

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Quản trị là gì?

Nội dung của hoạt động quản trị

Ý nghĩa của hoạt động quản trị

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học thành nhóm thảo luận, mỗi nhóm khoảng 7 sinh viên theo ngẫu nhiên hoặc chỉ định. Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và một thư ký
- Các nhóm sẽ tiến hành thảo luận có sự hỗ trợ của giảng viên và viết báo cáo
- Các nhóm lần lượt trình bày cách thức giải quyết vấn đề của nhóm mình, sau đó sẽ trả lời những câu hỏi từ phía các nhóm khác và giảng viên

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá nhóm dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- Trình bày
- Sự phối hợp nhóm
- Nội dung chuyên môn

Điểm của nhóm cũng chính là điểm của từng cá nhân. Những cá nhân trả lời được những câu hỏi đặt ra một cách xuất sắc sẽ được cộng thêm điểm.

VẤN ĐỀ 2

1. Nội dung vấn đề

Cũng như mọi công ty luyện kim khác, công ty thép BTH cũng gặp khó khăn trong những năm cuối thập kỷ 80. Trong một cuộc họp giao ban giám đốc, mọi người đều nêu lên vấn đề lương bổng, cho rằng vì lương bổng quá thấp nên không tạo ra tinh thần làm việc trong công nhân. Nhưng giám đốc công ty đã trả lời là ông không quan tâm đến vấn đề đó, ông cũng nhấn mạnh rằng vấn đề đó là nhiệm vụ của giám đốc phụ trách nhân sự. Các cán bộ quản lý sau cuộc họp đều chung hững và có những ý kiến bất mãn

Được biết vị giám đốc công ty nguyên là một chuyên viên tài chính giỏi, Hội đồng quản trị giao chức vụ giám đốc cho ông với hy vọng tài năng chuyên môn của ông sẽ giúp cho công ty vượt qua những khó khăn tài chính trầm trọng. Ban đầu, thì mọi chuyện cũng có những tiến triển, ông đã dùng các kỹ thuật tài chính để giải quyết những món nợ của công ty, nhưng vấn đề sâu xa thì ông vẫn chưa giải quyết được

Là một chuyên viên tài chính cho nên ông thường bối rối khi phải tiếp xúc đối mặt với mọi người, vì vậy ông thường sử dụng văn bản giấy tờ cho các mệnh lệnh chỉ thị hơn là tiếp xúc trực tiếp với mọi người. Ông cũng là người phó mặc những vấn đề kế hoạch và nhân sự cho các cấp phó của mình vì ông quan niệm tài chính là quan trọng nhất. Mọi cố gắng cải tổ của công ty đều có nguy cơ phá sản. Các quản trị viên cấp giữa ít hợp tác, các quản trị viên cao cấp thì không thống nhất

2. Hệ thống các câu hỏi

- Theo bạn, tại sao Hội đồng quản trị bổ nhiệm vị giám đốc mới đó? Bạn có ý kiến gì về việc này?
- Qua tình huống trên bạn nhận xét gì về hoạt động quản trị trong công ty?
- Giám đốc công ty đã làm tốt chức năng quản trị nào, chưa tốt chức năng quản trị nào?
- Nếu bạn ở cương vị giám đốc, bạn sẽ làm gì?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Thống kê, 1997

- Trần Anh Tuấn. Quản trị học. Đại học Mở Bán công TP. HCM
- Nguyễn Thanh Hội. Quản trị học. NXB Thống kê, 1999
- Lê Hồng Lam. Quản trị học. Đại học Nha trang, 2006

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nhà quản trị & Nội dung của hoạt động quản trị

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết vị trí vai trò của nhà quản trị trong tổ chức; về các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Đây là vấn đề mang tính thực tiễn mà thường xuất hiện trong một số những công ty xí nghiệp. Nhiều nhà quản trị chưa hiểu được các kỹ năng cần thiết để giúp nhà quản trị hoạt động hiệu quả.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

Nhà quản trị là ai?

Cấp bậc và chức năng nhiệm vụ của nhà quản trị

Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học thành nhóm thảo luận, mỗi nhóm khoảng 7 sinh viên theo ngẫu nhiên hoặc chỉ định. Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và một thư ký
- Các nhóm sẽ tiến hành thảo luận có sự hỗ trợ của giảng viên và viết báo cáo
- Các nhóm lần lượt trình bày cách thức giải quyết vấn đề của nhóm mình, sau đó sẽ trả lời những câu hỏi từ phía các nhóm khác và giảng viên

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá nhóm dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- Trình bày
- Sự phối hợp nhóm
- Nội dung chuyên môn

Điểm của nhóm cũng chính là điểm của từng cá nhân. Những cá nhân trả lời được những câu hỏi đặt ra một cách xuất sắc sẽ được cộng thêm điểm.

VẤN ĐỀ 3

1. Nội dung vấn đề

Ông Vân là giám đốc công ty “THÀNH LỢI” là công ty chuyên sản xuất các loại động cơ. Đây là một công ty có đội ngũ và công nhân kỹ thuật giỏi, đồng thời công ty lại mới trang bị một số máy móc thiết bị hiện đại của nước ngoài, do vậy sản phẩm của công ty luôn đạt chất lượng cao, có uy tín với khách hàng và có một vị trí thuận lợi trên thị trường. Tuy vậy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian gần đây có những dấu hiệu xấu. Trước tình hình đó ông Vân quyết định thành lập một ban tham mưu. Ban này tập hợp những chuyên gia giỏi và có nhiều kinh nghiệm của các ngành kinh tế, tài chính, quản lý, kỹ thuật và luật, nhiệm vụ của Ban tham mưu là tìm ra nguyên nhân gây ra tình trạng trì trệ hiện nay. Ông Vân đã chỉ định cho ông Thanh làm trưởng Ban và ủy nhiệm cho ông Thanh lãnh đạo ban tham mưu thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra. Trong quá trình hoạt động, các thành viên làm việc rất thận trọng và có trách nhiệm. Sau một thời gian Ban tham mưu đã hoàn thành nhiệm vụ và trình lên giám đốc một bản báo cáo chi tiết, theo đó các nguyên nhân gây ra tình trạng trì trệ chủ yếu bắt nguồn từ những thiếu sót về quản trị của một số phòng ban và phân xưởng với những số liệu chứng minh đầy tính thuyết phục. Kèm theo bản báo cáo là một kế hoạch nhằm sửa chữa những sai sót mà công ty đã mắc phải. Tuy nhiên phó giám đốc và các trưởng phòng có liên quan đều phản bác những kết luận của Ban tham mưu và cho rằng ban này đã can thiệp quá sâu vào công việc của các bộ phận. Đồng thời đề nghị giám đốc hủy bỏ những kết luận của ban tham mưu.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Ông giám đốc Vân đã thực hiện chức năng gì trong quản trị?
- Theo anh (chị) tại sao phó giám đốc và trưởng phòng liên quan lại phản bác kết luận của Ban tham mưu ?
- Nếu là giám đốc anh (chị) sẽ giải quyết tiếp tình huống này như thế nào?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Thống kê, 1997
- Trần Anh Tuấn. Quản trị học. Đại học Mở Bán công TP. HCM
- Nguyễn Thanh Hội. Quản trị học. NXB Thống kê, 1999
- Lê Hồng Lam. Quản trị học. Đại học Nha trang, 2006

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nhà quản trị và Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Điều khiển, Kiểm soát.

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các chức năng mà nhà quản trị cần phải thực hiện như chức năng tổ chức, kiểm tra

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Đây là vấn đề mang tính thực tiễn thường xuất hiện trong các doanh nghiệp mà nhà quản trị phải xử lý như vấn đề khủng hoảng, những quan hệ nhân sự trong công ty

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Nhà quản trị
- Nội dung của hoạt động quản trị (Chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát)

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học thành nhóm thảo luận, mỗi nhóm khoảng 7 sinh viên theo ngẫu nhiên hoặc chỉ định. Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và một thư ký
- Các nhóm sẽ tiến hành thảo luận có sự hỗ trợ của giảng viên và viết báo cáo
- Các nhóm lần lượt trình bày cách thức giải quyết vấn đề của nhóm mình, sau đó sẽ trả lời những câu hỏi từ phía các nhóm khác và giảng viên

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá nhóm dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- Trình bày
- Sự phối hợp nhóm
- Nội dung chuyên môn

Điểm của nhóm cũng chính là điểm của từng cá nhân. Những cá nhân trả lời được những câu hỏi đặt ra một cách xuất sắc sẽ được cộng thêm điểm.

VẤN ĐỀ 4

1. Nội dung vấn đề

Bà Hương là người quản lý xưởng sản xuất bánh kẹo “ VĨNH HƯNG”, có 40 công nhân dưới quyền. Xét trên quy mô sản xuất. Đây là xưởng sản xuất có quy mô vừa, hoạt động linh hoạt theo nhu cầu đặt hàng của các tiệm bánh, nhà hàng. Với phương cách hoạt

động giống như kiểu xưởng sản xuất gia đình nên tổ chức bộ máy đơn giản và gọn nhẹ. Giúp việc cho bà Hương trong công tác quản lý có 3 người. Cô Thanh phụ trách kế toán, anh Hùng phụ trách giao nhận vật tư sản phẩm và ông Thịnh phụ trách kỹ thuật. Trong 3 người giúp việc ông Thịnh là *người lớn tuổi nhất và có kinh nghiệm* làm bánh kẹo gia truyền nên được bà Hương tin tưởng bà giao phụ trách toàn bộ hoạt động sản xuất của xưởng. Xưởng có một cửa hàng bán bánh kẹo đồng thời là văn phòng giao dịch của xưởng. Thông thường bà Hương chỉ có mặt ở cửa hàng để nắm bắt thị trường, xử lý đơn hàng và làm các công việc đối ngoại, mọi việc trong nội bộ xưởng đều giao cho ông Thịnh phụ trách. Một hôm, ông Thịnh *quyết định đình chỉ công việc một công nhân vận hành máy đánh bột*. Báo cáo kỷ luật nói rằng người công nhân này đã từ chối vận hành máy theo lệnh của ông Thịnh trong khi đang cần sản xuất gấp một lượng bánh lớn. Bà Hương đã xuống phân xưởng để giải quyết sự việc và nhận thấy có một bầu không khí không bình thường ở những người công nhân. Bà lập tức tiếp xúc với họ và được biết rằng hầu hết công nhân đang rất quan tâm đến vụ kỷ luật này. Những người công nhân *cảm thấy vụ kỷ luật trên là không đúng và vô lý*. Họ nói ông Thịnh ra lệnh vận hành trong những điều kiện vi phạm nguyên tắc an toàn cho nên người công nhân đã từ chối vận hành, dẫn đến việc ông Thịnh quyết định kỷ luật. Mọi người cho rằng ông Thịnh có ác cảm với người công nhân kia. Qua trao đổi với công nhân, bà Hương còn biết thêm là có một vài người đã bị thương khi vận hành máy đánh bột đó. Họ đã phản ánh tình trạng không an toàn của thiết bị cho ông Thịnh nhưng không thấy ông giải quyết gì.

2. Hệ thống các câu hỏi

- Bà Hương phải làm gì để giải quyết tình huống trên ?
- Tình huống xảy ra có liên quan gì đến tổ chức của xưởng không?
- Bạn có nghĩ rằng bà Hương cũng có phần lỗi khi để xảy ra tình huống trên không?
- Nếu ông Thịnh cứ giữ nguyên ý kiến cho rằng phần sai hoàn toàn thuộc về người công nhân. Bạn sẽ phản ứng ra sao khi bạn là người công nhân ấy?

3. Các nguồn tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Thống kê, 1997
- Trần Anh Tuấn. Quản trị học. Đại học Mở Bán công TP. HCM
- Nguyễn Thanh Hội. Quản trị học. NXB Thống kê, 1999
- Lê Hồng Lam. Quản trị học. Đại học Nha trang, 2006

4. Vị trí của vấn đề trong môn học

Nhà quản trị & Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Điều khiển, Kiểm soát

5. Mục tiêu dạy học của vấn đề

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quyền và trách nhiệm của nhà quản trị cũng như những hiểu biết về các chức năng quản trị.

6. Tính thực tiễn/thời sự của vấn đề

Đây là vấn đề thường xảy ra trong các doanh nghiệp mà những nhà quản trị phải giải quyết. Nhiều nhà quản trị đã yếu kém trong thực hiện chức năng quản trị, yếu kém trong giao việc ủy quyền, chưa nêu cao trách nhiệm của mình để xảy ra khủng hoảng đối với tổ chức của mình đang quản trị.

7. Những nội dung lý thuyết được giảng dạy trước khi giới thiệu vấn đề

- Nhà quản trị
- Cấp bậc và chức năng nhiệm vụ của nhà quản trị
- Nội dung của hoạt động quản trị

8. Tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề

- Chia lớp học thành nhóm thảo luận, mỗi nhóm khoảng 7 sinh viên theo ngẫu nhiên hoặc chỉ định. Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và một thư ký
- Các nhóm sẽ tiến hành thảo luận có sự hỗ trợ của giảng viên và viết báo cáo
- Các nhóm lần lượt trình bày cách thức giải quyết vấn đề của nhóm mình, sau đó sẽ trả lời những câu hỏi từ phía các nhóm khác và giảng viên

9. Cách đánh giá SV và biện pháp khuyến khích

Đánh giá nhóm dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- Trình bày
- Sự phối hợp nhóm
- Nội dung chuyên môn

Điểm của nhóm cũng chính là điểm của từng cá nhân. Những cá nhân trả lời được những câu hỏi đặt ra một cách xuất sắc sẽ được cộng thêm điểm.